CHƯƠNG 12

KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ SAU KHI KẾT THÚC PHIÊN TÒA SƠ THẨM

1. Một số vấn đề chung về thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau khi kết thúc phiên tòa xơ thẩm

1.1. Vị trí

Điều 23 BLTTHS quy định: "...Viện Kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự có trách nhiệm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, áp dụng những biện pháp do Bộ luật này quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân này.

Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội..."

Điều 3 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân quy định chức năng của Viện Kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự.

Hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm thuộc giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Những hoạt động này có vị trí quan trọng trong hoạt động kiểm sát xét xử, vì việc kiểm tra bản án, thể hiện thái độ, quan điểm của Viện Kiểm sát đối với những vi phạm pháp luật trong quá trình xét xử là công việc pháp luật chỉ giao cho Viện Kiểm sát.

1.2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ của công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm là đảm bảo các hoạt động của Toà án sau phiên toà được thực hiện đúng pháp luật.

Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp sau phiên toà sơ thẩm, Viện Kiểm sát Nhân dân quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định của Toà án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; kiểm sát các bản án, quyết định của Toà án theo quy định của pháp luật; yêu cầu Toà án cùng cấp và cấp dưới chuyển hồ sơ những vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị.

1.3. Phạm vi của hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm

Theo Quy chế tạm thời thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự thì công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự bắt đầu từ khi chuyển bản Cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn cùng hồ sơ vụ án sang Toà án để xét xử và kết thúc khi bản án và quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật không bị kháng nghị. Như vậy phạm vi của công tác này bắt đầu từ ngay sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm và kết thúc khi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật không bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 255 BLTTHS thì những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật là những bản án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm... Điều 234 BLTTHS quy định, thời hạn kháng nghị của Viện Kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày, kể từ ngày tuyên án. Như vậy, phạm vi công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau phiên toà, tính về thời gian là 30 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm xong. Trong một số trường hợp như bản án có kháng cáo, bị kháng nghị phúc thẩm, bị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thì Kiểm sát viên còn phải theo dõi kết quả xét xử giám đốc thẩm tái thẩm để báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát giải quyết các vấn đề liên quan.

Tuy nhiên, trên thực tế cần phải nhận thức thống nhất một số vấn đề sau:

Thứ nhất, đối với những bản án, quyết định được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng nghị theo quy định tại Khoản 2 Điều 255

BLTTHS như: quyết định đình chỉ vụ án khi bị cáo đang bị tạm giam; bản án không kết tội bị cáo khi bị cáo đang bị tạm giam; bản án quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi bị cáo đang bị tạm giam; bản án quyết định miễn hình phạt cho bị cáo khi bị cáo đang bị tạm giam; bản án tuyên hình phạt không phải là tù giam hoặc cho hưởng án treo khi bị cáo đang bị tạm giam; bản án tuyên thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn bị cáo đã bị tạm giam thì công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát sau xét xử sơ thẩm vẫn có nhiệm vụ kiểm sát các bản án, quyết định đó bằng việc kiểm sát việc chuyển giao, kiểm sát chính bản án, quyết định đó để kháng nghị phúc thẩm các bản án, quyết định nếu có căn cứ.

Thứ hai, trường hợp tại phiên toà Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố, Hội đồng xét xử thấy việc rút đó không có căn cứ đã quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị Viện Kiểm sát cấp trên thì các hoạt động của Viện Kiểm sát đã rút quyết định truy tố vẫn thuộc phạm vi công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau phiên toà sơ thẩm.

1.4. Đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau phiên toà sơ thẩm

Đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau phiên toà sơ thẩm là các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật; hoạt động chấp hành pháp luật của Toà án sau phiên toà sơ thẩm.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên

2.1. Báo cáo kết quả phiên toà

Sau phiên toà, Kiểm sát viên phải báo cáo kết quả xét xử với lãnh đạo Viện Kiểm sát, Trưởng phòng nghiệp vụ; nêu những nhận xét và đề xuất hướng giải quyết, những vấn đề cần kiến nghị, kháng nghị. Nội dung báo cáo gồm:

- Diễn biến phiên toà.

- Kết quả phiên toà: Những quan điểm của Viện Kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận; những quan điểm, đề nghị của Viện Kiểm

sát không được chấp nhận, lý do không chấp nhận; những vi phạm của Hội đồng xét xử. Đặc biệt chú ý những vụ án Toà tuyên bị cáo không phạm tội, không theo tội danh, khung hình phạt Viện Kiểm sát truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ không thống nhất giữa Viện Kiểm sát và Hội đồng xét xử, những yêu cầu của Hội đồng xét xử về khởi tố vụ án do có phát hiện người phạm tội mới hoặc hai pạhm tội mới tại phiên Toà.

- Nhận định, đánh giá của Kiểm sát viên về kết quả phiên toà.

- Đề xuất hướng giải quyết nếu thấy cần thiết.

Kiểm sát viên phải làm báo cáo xét xử sơ thẩm gửi lên cấp trên theo mẫu quy định, Kiểm sát viên phải ký vào báo cáo đó. Báo cáo của cấp huyện thì gửi lên phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự; của cấp tỉnh thì gửi Vụ kiểm sát xét xử hình sự.

Những vấn đề chính cần có trong báo cáo gửi cấp trên gồm: Ngày, giờ, địa điểm mở phiên toà; điểm, khoản, điều luật Viện Kiểm sát truy tố, tại Cáo trạng số, ngày; các bên tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng (Chủ toạ, Hội thẩm, thư ký, Kiểm sát viên, người bào chữa, giám định viên, bị cáo, người bị hại, người làm chứng, những người khác...; thành phần tham dự phiên toà như đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, tổng số người tham dự...); diễn biến phiên toà (trước khi xử gồm ngày chuyển hồ sơ sang Toà, ngày Toà thụ lý, ngày họp trù bị, những nội dung họp đã thống nhất, chưa thống nhất; trong xét xử gồm việc chấp hành thủ tục tố tụng Tòa án, các vi phạm, thiếu sót, ý kiến của luật sư, các hoạt động công tố); kết luận của Hội đồng xét xử (tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng, hình phạt, các biện pháp tư pháp); nhận xét kết quả phiên toà; các nội dung đề nghị Viện cấp trên xem xét.

Đối với những bản án có kháng cáo thì Kiểm sát viên làm báo cáo theo mẫu quy định kèm theo các văn bản, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ án như công văn thỉnh thị, chỉ đạo... gửi Viện Kiểm sát cấp trên. Lưu ý, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Kiểm sát viên phải gửi các báo cáo nêu trên. Khi gửi báo cáo và tài liệu các vụ án, bản án có kháng cáo, Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm gửi kèm cả hồ

sơ kiểm sát án hình sự. Sau khi cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm xong sẽ trả lại cấp đã xử sơ thẩm để đưa vào lưu trữ theo quy định tại Điều 70 Quy chế kiểm sát xét xử. Việc giao nhận hồ sơ phải làm đúng thủ tục hành chính.

Đối với các báo cáo nghiệp vụ khác như thông báo rút kinh nghiệm kiểm sát xét xử sơ thẩm, án điểm, kiến nghị về vi phạm trong xét xử sơ thẩm của Toà án phải được gửi cho Viện Kiểm sát cấp trên.

2.2. Kiểm tra biên bản phiên toà

Điều 26 Quy chế tạm thời thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự thì: Kiểm sát viên cần chú ý kiểm tra biên bản phiên toà, lưu ý những trường hợp kết luận của Kiểm sát viên khác với quyết định của bản án. Nếu phát hiện những điểm biên bản phiên toà ghi thiếu, chưa đầy đủ hoặc không chính xác thì kiến nghị yêu cầu Hội đồng xét xử bổ sung hoặc điều chỉnh.

Biên bản phiên toà phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm của phiên toà và mọi diễn biến ở phiên toà từ khi bắt đầu cho đến khi tuyên án; những câu hỏi và những câu trả lời. Sau khi kết thúc phiên toà, Chủ toạ phiên toà phải kiểm tra biên bản và cùng với thư ký Toà án ký vào biên bản đó.

Ngoài ra, pháp luật còn quy định Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền lợi của đương sự hoặc đại diện hợp pháp của những người đó được xem biên bản phiên toà, có quyền yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên toà và ký xác nhận.

Tại công văn 93/HS ngày 22-2-1989 của Toà án Nhân dân Tối cao về thủ tục cho những người tham gia tố tụng xem biên bản phiên toà quy định sau khi kết thúc phiên toà, chủ toạ phiên toà cần tranh thủ kiểm tra ngay biên bản phiên toà và cùng với thư ký phiên toà ký tên vào biên bản đó. Quyền xem biên bản phiên toà là xem sau khi kết thúc phiên toà, chứ không phải là trong quá trình tiến hành phiên toà, cho nên, nếu tại phiên toà mà họ xin được xem biên bản phiên toà thì Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đó của họ. Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử có thể chỉ chấp nhận yêu cầu người tham gia tố tụng được nghe lại một lời khai nào đó, một tài liệu nào đó đã được ghi vào biên bản phiên toà. Sau khi chủ toạ phiên toà và thư ký phiên toà đã ký tên để xác nhận biên bản phiên toà, nếu có yêu cầu được xem biên bản phiên toà thì Toà án tạo điều kiện cho người có yêu cầu sớm được xem biên bản đó, chậm nhất là trong thời gian 15 ngày sau khi Toà tuyên án.

Kiểm sát viên cần vận dụng quy định về thời hạn Toà án phải gửi bản án cho Viện Kiểm sát là 10 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cho xem biên bản phiên toà trong thời hạn 10 ngày đó. Hoạt động kiểm tra biên bản phiên toà của Kiểm sát viên là hoạt động bắt buộc. Mục đích của việc kiểm tra biên bản phiên toà của Kiểm sát viên là nhằm xem xét việc ghi chép, phản ánh diễn biến phiên toà nhằm đảm bảo tính khách quan chính xác; tránh những thiếu sót, sai lầm, làm ảnh hưởng đến việc ra bản án, quyết định và hoạt động nghiên cứu vụ án ở trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

Vì vậy, yêu cầu đối với Kiểm sát viên là phải đối chiếu, so sánh trong quá trình kiểm tra, xem lại biên bản phiên toà với những gì đã diễn ra trong quá trình xét xử. Cần tập trung chú ý vào những nội dung trọng tâm như quá trình xét hỏi, luận tội, bào chữa, kết quả phiên toà, tuyên án, áp dụng điều luật đã được phản ánh đầy đủ vào biên bản phiên toà hay chưa, nhất là những hoạt động của Hội đồng xét xử mà Kiểm sát viên trong quá trình kiểm sát xét xử nhận thấy họ đã có những vi phạm tố tụng thì cần kiểm tra kỹ để có cơ sở kiến nghị sau này.

Khi phát hiện thấy Thư ký Toà án ghi chép trong biên bản còn thiếu hay có sai sót, nhầm lẫn, cần kiên quyết yêu cầu Thư ký và Chủ tọa phiên toà sửa chữa, bổ sung và Kiểm sát viên cùng Chủ toạ, Thư ký ký xác nhận vào những chỗ sửa chữa, bổ sung đó.

Một số sai sót phổ biến hiện nay trong các biên bản phiên toà là: Không ghi hết những người tham gia tố tụng với tư cách gì, ai có mặt, ai vắng mặt, vắng mặt có lý do hay không có lý do; Toà án có giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự hay không; vụ án có

nhiều bị cáo, đương sự nhưng Thư ký không ghi rõ là ai hỏi ai, ai trả lời mà chỉ ghi hỏi đáp tràn lan từ đầu đến cuối, làm cho người xem biên bản phiên toà không hiểu được nội dung của việc xét hỏi tại phiên toà. Nhiều biên bản phiên toà không ghi tóm tắt được ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và các ý kiến hỏi đáp của luật sư, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác ở giai đoạn tranh luận tại phiên toà. Phần quyết định của bản án được tuyên công khai tại phiên toà nhưng không ghi được tại phiên toà mà thường sau phiên tòa thì Thư ký lấy bản thảo bản án để ghi chép lại nguyên văn nên có trường hợp biên bản phiên toà không ghi đúng như bản án đã tuyên. Vì thế đối với những vụ án phức tạp, có tranh chấp quan điểm, Kiểm sát viên nên sử dụng máy ghi âm, ghi hình để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu sau này.

2.3. Kiểm tra bản án sơ thẩm, các quyết định của Toà án

Kiểm sát viên phải kiểm tra bản án, quyết định của Toà án nhằm phát hiện những sai sót và vi phạm của Toà án trong việc ra bản án, quyết định. Đây là nội dung quan trọng của công tác kiểm sát xét xử sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm. Mục đích của hoạt động này là nhằm phát hiện những sai sót và vi phạm của Toà án trong việc ra bản án, quyết định.

Việc ra bản án của Toà án phải đúng quy định tại Điều 199, Điều 224 BLTTHS. Kiểm sát viên phải nghiên cứu bản án, quyết định theo những nội dung, cụ thể:

+ Bản án của Toà án quyết định việc bị cáo có phạm tội hay không phạm tội; hình phạt và các biện pháp tư pháp khác;

+ Bản án cần phải ghi rõ: ngày, giờ, tháng, năm và địa điểm mở phiên toà, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và thư ký Toà án, họ tên của Kiểm sát viên; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, thành phần xã hội, tiền án, tiền sự của bị cáo; ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi sinh, nơi cư trú của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ;

+ Bản án phải trình bày việc phạm tội của bị cáo, phân tích những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định không có tội, xác định bị cáo có phạm tội hay không và nếu bị cáo phạm tội thì phạm tội gì, theo điều khoản nào của BLHS, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cần phải xử lý như thế nào. Nếu bị cáo không phạm tội thì bản án phải ghi rõ những căn cứ xác định bị cáo không có tội và phải giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

+ Phần cuối cùng của bản án ghi những quyết định của Toà án và quyền kháng cáo đối với bản án;

+ Trong một số trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTHS thì trong bản án còn bao gồm các nội dung khác như tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác khi bị cáo không có tội, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc được miễn hình phạt, bị cáo bị xử phạt bằng các hình phạt không phải là hình phạt tù, bị cáo bị xử phạt tù nhưng được cho hưởng án treo, thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà bị phạt tù nhưng đến ngày kết thúc phiên toà thời hạn tạm giam đã hết thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam để đảm bảo thi hành án. Nếu bị cáo không bị tạm giam mà bị phạt tù thì chỉ bắt tạm giam để chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trường hợp này cũng có thể bắt ngay bị cáo nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội. Đối với bị cáo bị phạt tử hình thì Hội đồng xét xử quyết định trong bản án việc tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Trong thực tế, các bản án của Toà án thường có những sai sót hay mắc phải mà Kiểm sát viên cần tập trung nghiên cứu, kiểm tra, phát hiện gồm:

+ Phần ghi lý lịch của bị cáo, chưa phân biệt rõ những lần kết án trước đó của họ đã được xoá án tích hay chưa, đã được coi là chưa bị xử lý hành chính hay chưa.

+ Phần nội dung của vụ án thường "copy" gần như nguyên trạng nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát, mặc dù trong phần nhận định của Viện Kiểm sát tại phiên toà đã xác định một số hành vi của bị cáo không phải là hành vi phạm tội.

+ Khi giải quyết vấn đề bồi thường, thiệt hại, án phí, bản án chỉ ghi căn cứ áp dụng trong BLHS mà không ghi các căn cứ áp dụng tại các điều luật tương ứng của BLDS.

+ Các sai sót, nhầm lẫn khác như số, ngày bản án, họ tên người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, khung, khoản, điều luật áp dụng, nhầm lẫn trong việc cộng trừ số liệu...

Khi kiểm tra bản án, quyết định phát hiện ra các sai sót trong bản án, Kiểm sát viên cần tập trung nghiên cứu để phân loại đâu là lỗi do kỹ thuật, đâu là sai sót, nhầm lẫn do đánh giá, nhận định, áp dụng pháp luật để kịp thời có báo cáo lãnh đạo giải quyết, xử lý. Việc đề xuất xử lý những sai sót trong bản án cần lưu ý những điểm sau:

+ Nếu đó là sai sót nhỏ như họ tên, ngày tháng năm sinh, số, ngày, tháng bản án, cộng trừ, tính toán nhầm lẫn thì có thể đồng ý cho Toà án sửa chữa.

+ Nếu do đánh máy sai, soát xét không kỹ nên có nhầm lẫn trong áp dụng khung, khoản, điều luật; trong quyết định hình phạt thì cần kiểm tra lại biên bản phiên toà, phần đã tuyên án công khai tại phiên toà, phần nhận định đánh giá của bản án để tuỳ trường hợp có thể đồng ý cho sửa chữa, đính chính bản án hoặc có thể phải báo cáo để kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm.

Để kiểm tra được chính xác bản án, quyết định có phù hợp với bản án, quyết định đã được tuyên công khai tại phiên toà hay không hoặc việc tuyên đó có phù hợp với diễn biến, nhận định của Hội đồng xét xử tại phiên toà hay không, Kiểm sát viên phải chú ý tập trung ghi chép diễn biến phiên toà, nhất là phần nhận định đánh giá và quyết định của bản án, quyết định, nếu cần thiết có thể sử dụng máy ghi âm, ghi hình như quy định tại Điều 200 BLTTHS.

2.4. Kiểm sát việc giao bản án, quyết định và gửi hồ sơ vụ án có kháng cáo, kháng nghị, sao gửi bản án cho Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp

Sau khi nhận được bản án hoặc quyết định của Toà án, Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm phải sao gửi cho Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp để nghiên cứu xem xét việc kháng nghị phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm, tái thẩm.

Kiểm sát viên phải kiểm sát việc giao bản án, các quyết định của Toà án theo đúng quy định tại Điều 229 BLTTHS, cụ thể: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Toà án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bị cáo, Viện Kiểm sát cùng cấp, người bảo chữa; phải thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị cáo cư trú hoặc làm việc. Nếu xử vắng mặt bị cáo thì trong 10 ngày, bản án phải được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc nơi làm việc cuối cùng của bị cáo. Toà án phải cấp trích lục bản án hoặc bản sao bản án nếu những người sau đây yêu cầu: Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Ngoài ra, theo quy định tại Pháp lệnh thi hành án dân sự thì những bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay theo thủ tục thi hành án dân sự, Toà án chuyển giao bản án, quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra bản án, quyết định cho Cơ quan thi hành án cùng cấp nơi Toà án đã xét xử sơ thẩm. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, Toà án phải chuyển giao bản án, quyết định, bản sao kê biên tài sản kèm theo tang vật cho cơ quan thi hành án cùng cấp Toà xử sơ thẩm nếu đó là các bản án, quyết định trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại tài sản nhà nước, phạt tiền, tịch thu tài sản và án phí.

Kiểm sát viên phải kiểm sát việc gửi hồ sơ vụ án có kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 237 BLTTHS. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Toà án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án và kháng cáo, kháng nghị cho Toà án cấp phúc thẩm.

Quy chế kiểm sát xét xử quy định trách nhiệm của Kiểm sát viên bắt buộc phải kiểm sát được việc chấp hành pháp luật của Toà án về việc sao, gửi những quyết định, bản án. Kiểm sát viên có thể trao đổi với Toà án sơ thẩm hoặc cơ quan nghiệp vụ cấp trên kiểm sát xét xử phúc thẩm để nắm nội dung này.

2.5. Kháng nghị bản án hoặc quyết định của Toà án

Đây là một hoạt động quan trọng và chủ yếu của Viện Kiểm sát sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm. Hoạt động này thể hiện rõ nhất quyền năng pháp lý và trách nhiệm của Viện Kiểm sát trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử của Toà án cấp sơ thẩm. Kháng nghị là thể hiện kết quả của quá trình Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ vụ án, thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kết quả nghiên cứu, kiểm tra bản án mà Toà án đã ra.

Khi phát hiện bản án hoặc quyết định sơ thẩm có vi phạm pháp luật, Kiểm sát viên báo cáo ngay với lãnh đạo Viện Kiểm sát cấp mình để kháng nghị phúc thẩm. Bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm phiến diện hoặc không đầy đủ;

- Kết luận của bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án;

- Có những vi phạm trong việc áp dụng BLHS;

- Có những vi phạm về thủ tục tố tụng hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 239 BLTTHS thì thời hạn kháng nghị của Viện Kiểm sát cùng cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Do đó, việc nghiên cứu, báo cáo đề xuất của Kiểm sát viên phải thật nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

Kiểm sát viên kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của bản án như nhận xét của bản án có phù hợp với tài liệu chứng cứ, phù hợp với kết luận tại phiên toà hay không; phần quyết định có tương xứng

và phù hợp với phần nhận định hay không và cuối cùng là xem xét nội dung của bản án có đúng như đã tuyên tại phiên toà hay không.

Việc báo cáo, đề xuất của Kiểm sát viên được lập thành văn bản, lưu trong hồ sơ kiểm sát.

Sau khi báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát, được lãnh đạo đồng ý thì Kiểm sát viên cần tập trung xây dựng kháng nghị theo mẫu thống nhất, với những nội dung và hình thức như sau: Số, ngày, tháng, năm quyết định kháng nghị, căn cứ kháng nghị quy định trong BLTTHS, tóm tắt nội dung vụ án; tóm tắt nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm; nhận xét của Viện Kiểm sát ra kháng nghị phúc thẩm về những vấn đề Viện Kiểm sát cho là có vi phạm pháp luật, viện dẫn căn cứ, quy định pháp luật về những vi phạm đó; kháng nghị bản án sơ thẩm để xét xử theo trình tự phúc thẩm về những vấn đề gì trong bản án.

Quyết định kháng nghị phải được gửi cho Toà án đã xử sơ thẩm. Toà án cấp sơ thẩm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc kháng nghị cho những người tham gia tố tụng trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị. Kiểm sát viên có trách nhiệm kiểm sát việc Toà án thông báo kháng nghị theo đúng quy định.

Nếu quá thời hạn kháng nghị theo quy định tại Khoản 1 Điều 234 và Khoản 1 Điều 239 BLTTHS, Kiểm sát viên mới phát hiện sự vi phạm pháp luật hoặc phát hiện có căn cứ khác thì phải báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát ký văn bản đề nghị Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm hoặc tái thẩm kèm theo các tài liệu có liên quan. Cần chú ý:

+ Trong trường hợp, Viện Kiểm sát cùng cấp hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm mà chỉ còn thời hạn kháng nghị phúc thẩm của Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp thì Kiểm sát viên không tự mình báo cáo Viện Kiểm sát cấp trên mà chỉ báo cáo đề xuất với lãnh đạo cấp mình. Lãnh đạo Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm có trách nhiệm ký văn bản báo cáo đề nghị Viện Kiểm sát cấp trên thực hiện quyền kháng nghị. Kiểm sát viên phải báo cáo tất cả những vi phạm của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác, những vi phạm của bản án, quyết định, đề xuất việc kháng nghị để Viện trưởng xem xét, quyết định.

Nếu hết thời hạn kháng nghị phúc thẩm đã hết Viện Kiểm sát cấp dưới có thể đề nghị Viện Kiểm sát cấp trên kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm, tuỳ điều kiện thời gian, từng vụ án cụ thể, từng vi phạm pháp luật cụ thể của Toà án cấp sơ thẩm.

+ Những vấn đề quan điểm giữa Viện Kiểm sát – Toà án trong quá trình xét xử không thống nhất, có tranh chấp nhau Kiểm sát viên cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng trước khi báo cáo đề nghị lãnh đạo kháng nghị phúc thẩm. Không nhất thiết cứ quan điểm áp dụng pháp luật giữa Viện Kiểm sát và Toà án khác nhau là phải kháng nghị phúc thẩm.

Trong trường hợp tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã rút một phần quyết định truy tố mà Toà án vẫn tuyên có tội thì Kiểm sát viên cấp sơ thẩm phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, các căn cứ, kết quả điều tra công khai tại phiên toà để báo cáo kháng nghị bản án. Nếu Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố mà Tòa án tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị Viện Kiểm sát cấp trên thì Kiểm sát viên phải bám sát Viện Kiểm sát cấp trên để trình bày, bảo vệ quan điểm rút toàn bộ quyết định truy tố của cấp mình

Trong trường hợp tại phiên toà sơ thẩm, nếu Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố không có căn cứ nhưng Hội đồng xét xử vẫn chấp nhận và tuyên bố bị cáo không phạm tội thì cần phát hiện kịp thời để Viện Kiểm sát cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp phải kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Khi báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát và đề xuất kháng nghị phúc thẩm, Kiểm sát viên phải trình bày tính căn cứ, khoa học trong nhận định, đánh giá các vi phạm của Toà án; lý lẽ phải sắc bén, có sức thuyết phục, có căn cứ vững chắc tránh việc đề xuất kháng nghị thiếu căn cứ để Viện Kiểm sát cấp trên rút kháng nghị hoặc Toà phúc thẩm bác kháng nghị. Nếu kháng nghị của Viện Kiểm sát cấp dưới bị Viện Kiểm sát cấp trên rút kháng nghị, thay đổi kháng nghị thì phải xem xét trách nhiệm nghiên cứu, báo cáo đề xuất của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, khi Viện Kiểm sát cấp trên rút kháng nghị thì Kiểm sát viên cần

nghiên cứu, nếu thấy việc rút đó không có cơ sở cần báo cáo lãnh đạo Viện cấp mình để báo cáo Viện cấp trên của cấp đã rút kháng nghị.

2.6. Rút kinh nghiệm về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự sau phiên toà sơ thẩm

Tuỳ từng vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Viện trưởng tổ chức rút kinh nghiệm về công tác nghiệp vụ, đánh giá ưu, khuyết điểm, tìm nguyên nhân để phát huy mặt tốt, khắc phục sửa chữa thiếu sót nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Quyền chủ động đề nghị rút kinh nghiệm là do Kiểm sát viên đề nghị.

Việc rút kinh nghiệm được thực hiện ở nhiều khía cạnh, nội dung xoay quanh công tác nghiệp vụ của Kiểm sát viên, từ việc nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ, báo cáo án, đề xuất quan điểm xử lý vụ án, xây dựng cáo trạng, chuẩn bị đề cương xét hỏi, chuẩn bị công tác luận tội, công tác xét hỏi, tham gia tranh luận tại phiên toà, công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật cho đến thái độ, tác phong trình bày, diễn thuyết của Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động xét xử. Nội dung rút kinh nghiệm nên tập trung đi sâu vào ba vấn đề chính sau: về chuyên môn nghiệp vụ; hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử có gì thiếu sót; sự phối hợp giữa 2 cơ quan Viện Kiểm sát và Toà án trong việc giải quyết vụ án có gì cần rút kinh nghiệm. Mục đích của việc rút kinh nghiệm không phải là phê bình, chỉ trích mà phải xác định đây là một hoạt động đào tạo, bồi dưỡng Kiểm sát viên, nhằm nâng cao trình độ năng lực nghiệp vụ của Kiểm sát viên, nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Đặc biệt, những vụ án mà Kiểm sát viên đã rút toàn bộ quyết định truy tố tại phiên toà mà Toà không nhất trí và kiến nghị Viện Kiểm sát cấp trên. Viện Kiểm sát cấp trên thấy việc rút quyết định truy tố là không có căn cứ và ra quyết định huỷ quyết định rút quyết định truy tố của Viện Kiểm sát cấp dưới, chuyển hồ sơ cho Toà án đã tạm đình chỉ vụ án để thụ lý xét xử lại hoặc những vụ án mà Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận và việc không chấp nhận đó là đúng đắn, những vụ án Toà

tuyên bị cáo không phạm tội và việc tuyên đó là đúng hoặc kháng nghị phúc thẩm không được chấp nhận thì Kiểm sát viên càng phải thẳng thắn đánh giá, nhìn nhận trình độ, năng lực của mình để khắc phục.

2.7. Các nội dung cần thiết khác mà Kiểm sát viên cần làm sau phiên toà sơ thẩm

Khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự sơ thẩm Kiểm sát viên phải tìm nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, báo cáo với lãnh đạo Viện Kiểm sát để kiến nghị với cơ quan tổ chức, đơn vị hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật.

Khi thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử hình sự sơ thẩm Kiểm sát viên cần phát hiện những vi phạm pháp luật của Toà án (nếu có) trong việc xét xử vụ án để báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện kiến nghị với Toà án khắc phục vi phạm.

Tuỳ từng vụ án, Kiểm sát viên có thể phối hợp với các cơ quan hữu quan, các cơ quan thông tin đại chúng để đưa tin về kết quả xét xử góp phần tuyên truyền pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Người bị Viện Kiểm sát truy tố, Toà án xét xử tuyên người đó không thực hiện hành vi phạm tội mà bản án đã có hiệu lực pháp luật thì Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phải tiến hành kiểm điểm để làm rõ trách nhiệm, nguyên nhân và đề xuất việc bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng gây ra. Báo cáo, kiểm điểm tập thể, cá nhân của Viện Kiểm sát cấp dưới phải được gửi cho Viện Kiểm sát cấp trên, Viện Kiểm sát cấp trên tổng hợp báo cáo Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao.

CHƯƠNG 13

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHÚC THẨM, GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1. Thực hành quyền công tố và xử án xét xử phúc thẩm

1.1 Kỹ năng của Kiểm sát viên trước khi mở phiên toà phúc thẩm

1.1.1 Kiểm sát việc chuẩn bị xét xử phúc thẩm của Toà án

(i) Kiểm sát việc thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án Quân sự cấp Quân khu phải mở phiên toà trong thời hạn 60 ngày; Toà phúc thẩm Toà án nhân dân Tối cao, Toà án Quân sự Trung ương phải mở phiên toà trong thời hạn 90 ngày. Chậm nhất 15 ngày trước khi mở phiên toà, Toà án cấp phúc thẩm phải thông báo cho VKS cùng cấp và người tham gia tố tụng về thời gian, địa điểm xét xử phúc thẩm vụ án.

(ii) Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của Toà án cấp phúc thẩm. Kiểm sát viên phải kiểm tra căn cứ và thẩm quyền áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên cần lưu ý về thẩm quyền áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Thẩm phán giữ chức vụ Chánh toà, Phó Chánh toà phúc thẩm Toà án Nhân dân Tối cao được quyền áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn này.

Thời hạn tạm giam không quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm tức là không quá 60 ngày và 90 ngày. Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên toà thì thời hạn tạm giam đã hết, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Toà án ra lệnh tiếp tục tạm giam.

(iii) Kiểm sát việc xét kháng cáo quá hạn: Khi được mời tham dự việc xét kháng cáo quá hạn, Kiểm sát viên cần kiểm sát thành phần Hội đồng xét xử có đủ ba thẩm phán hay không; các căn cứ mà Hội đồng xét xử nhận định có đúng là các trường hợp bất khả kháng khiến việc kháng cáo bị quá hạn hay không.

(iv) Kiểm sát việc thông báo kháng cáo, kháng nghị: Kiểm sát viên cần kiểm sát việc Toà án có thông báo cho bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn 7 ngày như luật định hay không. Đồng thời phải kiểm sát việc đảm bảo quyền được trình bày ý kiến bằng văn bản về việc kháng cáo, kháng nghị và để trong hồ sơ của vụ án.

(v) Kiểm sát việc chuẩn bị mở phiên toà phúc thẩm

Kiểm sát việc Toà án cấp phúc thẩm có thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên toà phúc thẩm cho Viện Kiểm sát, người tham gia tố tụng trước 15 ngày; triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên toà đã đầy đủ hay chưa; có cần đề nghị triệu tập thêm không; việc giải quyết của Toà án cấp phúc thẩm khi bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng nghị chết trước khi mở phiên toà.

1.1.2 Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ

(i) Yêu cầu đối với việc nghiên cứu hồ sơ

Kiểm sát viên khi nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên toà phúc thẩm phải làm rõ những vấn đề sau: Nội dung kháng cáo, kháng nghị; tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định sơ thẩm và tính có căn cứ của bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

(ii) Phương pháp nghiên cứu

Kiểm sát viên cần nghiên cứu hồ sơ vụ án theo trình tự sau:

Trước hết, Kiểm sát viên phải nghiên cứu đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị để xác định xem kháng cáo, kháng nghị có hợp lệ không bằng cách xác định tư cách của chủ thể kháng cáo, kháng nghị; thời hạn kháng cáo, kháng nghị có đảm bảo không; lý do kháng cáo, kháng nghị như thế nào và yêu cầu kháng cáo, kháng nghị có nằm trong phạm vi mà luật quy định hay không.

Sau đó, Kiểm sát viên phải nghiên cứu bản án sơ thẩm để biết nội dung vụ án, nhận định, kết luận và quyết định của bản án sơ thẩm. Khi nghiên cứu bản án phải chú ý đến tính hợp pháp và tính có căn cứ,

Nếu phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Kiểm sát viên không cần nghiên cứu phần nội dung bản án.

Tiếp theo, Kiểm sát viên cần nghiên cứu biên bản phiên toà để nắm được nội dung, diễn biến phiên toà cũng như để xem xét phần thủ tục tố tụng như thành phần Hội đồng xét xử có đúng quy định của pháp luật không; sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng có ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án tại phiên toà không; các chứng cứ của vụ án có được thẩm tra tại phiên toà sơ thẩm không.

Cuối cùng là nghiên cứu, xem xét, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ, đối chiếu với nội dung bản án sơ thẩm để xác định: sự đầy đủ của các chứng cứ có trong hồ sơ, tình tiết nào có căn cứ; sự việc, tình tiết nào chưa rõ, còn mâu thuẫn. Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ nếu phát hiện thấy có những căn cứ để đề xuất giải quyết vụ án theo hướng có lợi cho bị cáo thì Kiểm sát viên cần lưu ý, ghi lại để đề xuất tại phiên toà.

Khi nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên cần ghi chép tóm tắt nội dung vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Đối với trường hợp bị cáo kháng cáo kêu oan, chối tội phải ghi rõ tình tiết để chứng minh tại phiên toà, tránh bị động, lúng túng tại phiên toà; làm cơ sở cho kế hoạch xét hỏi.

1.1.3. Kỹ năng của Kiểm sát viên sau khi nghiên cứu hồ sơ

(i) Bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên có thể đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị. Việc bổ sung, thay đổi và rút kháng nghị phải bằng văn bản nêu rõ lý do và gửi cho Toà án cấp phúc thẩm, các đơn vị theo quy định tại Điều 35 Quy chế tạm thời thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét xử hình sự

(ii) Lập kế hoạch xét hỏi tại phiên toà

Kiểm sát viên cần lập kế hoạch xét hỏi tại phiên toà. Kế hoạch xét hỏi để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự được lập trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và kháng cáo, kháng nghị. Kế hoạch xét hỏi cần tập trung vào những vấn đề và những tình tiết liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

(iii) Đề xuất những vấn đề cần xác minh bổ sung

Kiểm sát viên đề xuất việc cần xác minh bổ sung để lãnh đạo Viện Kiểm sát quyết định; sau khi lãnh đạo đồng ý, Kiểm sát viên có thể tự mình hoặc yêu cầu Viện Kiểm sát cấp dưới điều tra xác minh những chứng cứ mới bằng các hoạt động hỏi cung bị cáo; lấy lời khai của người có liên quan; tổ chức đối chất; xem xét lại hiện trường để làm rõ những tình tiết của vụ án trong thời hạn xét xử. Việc xác minh phải được ghi biên bản, ghi âm, chụp ảnh, ghi hình để lưu vào hồ sơ kiểm sát hình sự. Những vấn đề không xác minh được thì Kiểm sát viên kết luận để ra phiên toà đề xuất huỷ án sơ thẩm để điều tra lại theo Khoản 1 Điều 250 BLTTHS.

(iv) Báo cáo án

Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo đơn vị và Lãnh đạo Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Việc báo cáo án phải bằng văn bản ghi rõ lý lịch bị cáo, tóm tắt nội dung vụ án, hệ thống chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, những mâu thuẫn của các tài liệu và phương án giải quyết, nội dung kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, nội dung bản án sơ thẩm và quan điểm của Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm, đề xuất đường lối giải quyết vụ án và các điều luật áp dụng để xử lý

(v) Chuẩn bị bài phát biểu tại phiên toà phúc thẩm

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là quan điểm của Viện Kiểm sát về việc kháng cáo, kháng nghị cũng như đề xuất cách giải quyết vụ án. Cơ cấu bài phát biểu gồm ba phần.

- *Phần mở đầu*, Kiểm sát viên tự giới thiệu về mình. Cách viết, bắt đầu bằng câu "Thưa Hội đồng xét xử" tiếp đó là giới thiệu tên của Kiểm sát viên, tên của Viện Kiểm sát tham gia phiên toà phúc thẩm

Ví dụ: Thưa Hội đồng xét xử, tôi là Nguyễn Văn A là đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh T tham gia phiên toà phúc thẩm để phát biểu quan điểm của VKS nhân dân tỉnh T về việc giải quyết vụ án

- *Phần nội dung*, đây là phần quan trọng nhất thể hiện quan điểm cụ thể của Viện Kiểm sát về việc kháng cáo, kháng nghị, giải quyết vụ án thông qua việc phân tích đánh giá kháng cáo; phân tích đánh giá các chứng cứ để đề xuất chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo.

Cách viết: Phần này gồm ba đoạn

+ Đoạn thứ nhất: Phân tích tính hợp pháp của các kháng cáo, kháng nghị thông qua phân tích thời hạn kháng cáo, kháng nghị có đúng luật hay không; chủ thể kháng cáo, kháng nghị có phải là những chủ thể được quyền kháng cáo, kháng nghị không?

+ Đoạn thứ hai: Phân tích nội dung kháng cáo, kháng nghị

Kiểm sát viên phải căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để phân tích các nội dung được đề cập trong kháng cáo, kháng nghị; căn cứ vào quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản pháp luật khác để rút ra nhận xét, đánh giá về kháng cáo kháng nghị, kháng cáo, kháng nghị có căn cứ hay không; phân tích những phần không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo đã được phát hiện thông qua việc nghiên cứu hồ sơ.

+ Đoạn thứ ba: Nêu quan điểm của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án

Chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; phân tích lý do vì sao (ghi rõ điều khoản quy định của BLTTHS, BLHS mà Kiểm sát viên căn cứ vào để đưa ra đề xuất của mình)

Đề xuất của Viện Kiểm sát đối với những phần của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng có lợi cho bị cáo.

- *Phần kết luận*, được kết thúc bằng câu: Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc kỹ đề nghị của Viện Kiểm sát để có một bản án phúc thẩm đúng pháp luật.

1.2. Kỹ năng của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm

Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên cùng cấp phải tham gia phiên toà. Đối với những vụ án có tính chất nghiêm trọng phức tạp thì 2 Kiểm sát viên có thể cùng tham gia và trong trường hợp cần thiết có thể có Kiểm sát viên dự khuyết. Kiểm sát viên phải từ chối tham gia phiên toà nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 45 BLTTHS.

(i) Kiểm sát thủ tục bắt đầu phiên tòa

Thủ tục bắt đầu phiên toà phúc thẩm được tiến hành như thủ tục bắt đầu phiên toà sơ thẩm nhưng do tích chất của phúc thẩm là xét lại bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị nên trong phần thủ tục Chủ toạ phiên toà cần hỏi người kháng cáo, Viện Kiểm sát có bổ sung, thay đổi hoặc rút một phần, rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị không; Chủ toạ phiên toà không đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử mà chỉ tuyên bố vụ án được đưa ra xét xử. Khi bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo chưa nhận được kháng cáo, kháng nghị nhưng đã nhận được thông báo về kháng cáo, kháng nghị thì Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử; nếu chưa nhận được thông báo thì Chủ toạ phiên toà cần phải hỏi ý kiến của bị cáo để quyết định.

(ii) Kiểm sát viên tham gia xét hỏi

Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên phải theo dõi và ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của Hội đồng xét xử, của người bào chữa và ý kiến của người được xét hỏi để chủ động tham gia xét hỏi nhằm kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định sơ thẩm đối với những vấn đề có kháng cáo, kháng nghị. Khi có người tham gia tố tụng bổ sung tài liệu, đồ vật mới tại phiên toà, Kiểm sát viên cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để có kết luận chính xác. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận mà tài liệu mới có thể làm thay đổi nội dung, tính chất vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để xác minh.

Khi xét hỏi, Kiểm sát viên phải đặt câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu, tránh giải thích, kết luận ngay khi đặt câu hỏi.

(iii) Phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát

- Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được kiểm tra, xét hỏi tại phiên toà để bổ sung và sửa chữa bản dự thảo kết luận... Khi trình bày quan điểm, Kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà.

- Trường hợp tại phiên toà có những tình tiết mới làm thay đổi quan điểm giải quyết vụ án đã được lãnh đạo cho ý kiến mà không có điều kiện báo cáo lại thì Kiểm sát viên quyết định cho phù hợp với thực tế vụ án và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó. Sau phiên toà phải báo cáo ngay với Thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo Viện Kiểm sát.

(iv) Thực hiện kỹ năng tranh luận

Khi bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến của họ về quan điểm của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị thì Kiểm sát viên phải ghi lại tất cả những ý kiến đó để tranh luận. Khi tranh luận, Kiểm sát viên phải đáp lại tất cả những ý kiến có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nêu ra nhằm làm sáng tỏ sự thật, bác bỏ những ý kiến sai trái của họ.

(v) Kiểm sát việc tuyên án

Khi Hội đồng xét xử tuyên án, Kiểm sát viên cần chú ý việc áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo trong các trường hợp sau:

- Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo đang bị tạm giam thì phải tính chính xác 1 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ (Điều 31 BLHS) để trừ vào thời gian thực tế mà bị cáo đã bị tạm giữ hoặc tạm giam;

- Khi áp dụng mức án đối với bị cáo tương đương với thời gian đã tạm giữ, tạm giam để điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử phải tính thật kỹ càng và trừ trước cả thời hạn tạm giam sau xét xử phúc thẩm (10 ngày) để chờ đến khi cơ quan thi hành án nhận được bản án hoặc

quyết định có hiệu lực pháp luật và ra quyết định thi hành án đối với bị cáo (Điều 254, 256 BLTTHS).

- Kiểm sát viên phải kiểm sát việc Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo tại phiên toà theo quy định tại Khoản 2 Điều 243 BLTTHS.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phúc thẩm phải ghi chép đầy đủ diễn biến của phiên toà, những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án hoặc quyết định phúc thẩm để làm căn cứ kiểm tra biên bản phiên toà, bản án hoặc quyết định phúc thẩm và chuẩn bị nội dung báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát đề nghị Viện Kiểm sát cấp trên kháng nghị giám đốc thẩm và tái thẩm nếu thấy cần thiết.

1.3. Các công việc phải thực hiện sau khi kết thúc phiên toà

(i) Kiểm sát bản án, quyết định của Hội đồng xét xử, biên bản phiên tòa

Kiểm sát viên phải kiểm tra biên bản phiên toà và bản án hoặc quyết định của Toà án. Báo cáo kết quả phiên toà (theo mẫu và trong thời hạn 15 ngày); sao chụp bản án hoặc quyết định phúc thẩm gửi Viện Kiểm sát đã xét xử sơ thẩm, Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự thuộc Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao; tổ chức rút kinh nghiệm sau phiên toà; tuyên truyền kết quả phiên toà; đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm và tái thẩm nếu thấy cần thiết.

Quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, nếu phát hiện Toà án có vi phạm pháp luật trong việc xét xử vụ án thì báo cáo Lãnh đạo Viện để kiến nghị với Toà án khắc phục vi phạm.

(ii) Hướng dẫn Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm giải quyết vụ án bị Toà án cấp phúc thẩm huỷ án

Những bản án sơ thẩm bị Toà án cấp phúc thẩm huỷ án để điều tra lại hoặc xét xử lại, Kiểm sát viên đã tham gia xét xử phúc thẩm làm văn bản hướng dẫn cụ thể Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

(iii) Theo dõi kết quả xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm

Đối với những bản án hoặc quyết định phúc thẩm của Toà án cùng cấp bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, Kiểm sát viên đã giải quyết vụ án phải theo dõi kết quả xét xử để báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát và Thủ trưởng đơn vị. Trong trường hợp bản án hoặc quyết định phúc thẩm bị Toà án cấp giám đốc xét xử huỷ án để xét xử lại ở cấp phúc thẩm thì Kiểm sát viên đã giải quyết vụ án phải kiểm tra lại hồ sơ, chứng cứ, ý kiến chỉ đạo của cấp giám đốc để chuẩn bị tham gia phiên toà phúc thẩm xét xử lại vụ án.

2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét giám đốc thẩm, tái thẩm

2.1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét giám đốc thẩm

Kiểm sát viên nghiên cứu phát hiện vi phạm pháp luật trong các bản án hoặc quyết định của Toà án, căn cứ vào các nguồn sau đây:

+ Báo cáo đề xuất kháng nghị của Viện Kiểm sát các cấp.

+ Đơn đề nghị của người bị kết án hoặc của mọi công dân, cơ quan, tổ chức...

+ Tin tức trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Kết quả kiểm tra công tác nghiệp vụ.

Trên cơ sở các nguồn vi phạm nêu trên, Kiểm sát viên làm văn bản yêu cầu Toà án đã ra bản án hoặc quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát để xem xét giải quyết theo BLTTHS.

2.1.1. Nghiên cứu hồ sơ vụ án

Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ vụ án để xem xét các nguồn phát hiện vi phạm pháp luật có căn cứ hay không bằng cách đối chiếu với các quy định của BLHS và BLTTHS cũng như các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật. Nếu thấy có căn cứ xác định bản án hoặc quyết định của Toà án có vi phạm nghiêm trọng thì báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc.

Trường hợp nhận thấy có căn cứ xác định bản án hoặc quyết định không có vi phạm hoặc có vi phạm nhưng ít nghiêm trọng không phải

kháng nghị thì Kiểm sát viên trả lời cho người hoặc cơ quan, tổ chức biết rõ lý do. Thời hạn trả lời việc không kháng nghị thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 277 BLTTHS.

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên phải trích cứu tài liệu theo quy định chung.

2.1.2. Quyết định kháng nghị

Quyết định kháng nghị phải nêu rõ lý do và hướng giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Quyết định kháng nghị được soạn thảo theo mẫu văn bản của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao. Theo hướng dẫn của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, văn bản kháng nghị phải nêu tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Toà án theo bản án bị kháng nghị. Nếu bản án phúc thẩm bị kháng nghị thì ghi thêm phần quyết định của cấp sơ thẩm. Nếu quyết định giám đốc bị kháng nghị thì ghi thêm phần quyết định của cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm. Trong quyết định phải lập luận, phân tích rõ ràng các vi phạm của bản án, quyết định.

Trường hợp xét thấy cần thiết tạm đình chỉ thi hành bản án hoặc quyết định bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, thực hiện theo Điều 276 BLTTHS.

Kháng nghị được gửi cho Toà án sẽ xét xử giám đốc thẩm, Toà án đã ra bản án hoặc quyết định bị kháng nghị, người bị kết án và những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc kháng nghị, Viện Kiểm sát cấp trên để báo cáo và Viện Kiểm sát cấp dưới để theo dõi, rút kinh nghiệm.

Việc bổ sung hoặc rút kháng nghị thực hiện theo Khoản 3 Điều 278 BLTTHS.

2.1.3. Tham gia phiên toà giám đốc thẩm

Viện trưởng hoặc Phó viện trưởng và Kiểm sát viên được uỷ quyền tham gia phiên toà giám đốc thẩm cùng cấp. Đối với những người được Viện trưởng uỷ quyền tham gia phiên toà, chỉ phát biểu quan điểm về những vấn đề đã được Viện trưởng cho ý kiến. Nếu phải

thay đổi cơ bản những vấn đề đã được Viện trưởng cho ý kiến thì đề nghị hoãn phiên toà để báo cáo Viện trưởng quyết định.

(i) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật ở thủ tục giám đốc thẩm.

Kiểm sát viên được giao giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm phải kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Toà án về thời hạn giám đốc thẩm, về việc triệu tập người bị kết án, người bào chữa, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (khi thấy cần thiết)... thành phần Hội đồng giám đốc thẩm...

(ii) Những công việc được thực hiện sau phiên toà

- Kiểm sát viên được uỷ quyền tham gia phiên toà phải báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát về kết quả giám đốc thẩm và đề xuất những vấn đề cần giải quyết; phải thông báo kết quả giám đốc thẩm cho các Viện Kiểm sát đã xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm vụ án đó.

- Trường hợp bản án bị Toà án cấp giám đốc thẩm huỷ án để điều tra lại thì Kiểm sát viên phải làm thủ tục chuyển hồ sơ đến đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình sự để giải quyết theo thẩm quyền.

2.2 Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tái thẩm hình sự

Thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm chỉ dành cho Viện Kiểm sát Nhân dân cấp tỉnh hoặc Viện Kiểm sát quân sự cấp Quân khu trở lên (Điều 293 BLTTHS) do vậy đòi hỏi Kiểm sát viên phải nghiên cứu nắm vững và lưu ý một số điểm sau:

(i) Xác minh tình tiết mới theo thủ tục tái thẩm

- Khi phát hiện có tình tiết mới của vụ án có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định mà Toà án không biết được khi ra bản án thì Kiểm sát viên báo cáo Lãnh đạo Viện Kiểm sát để xác minh những tình tiết đó.

- Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tuỳ từng trường hợp cụ thể, Kiểm sát viên có thể lấy lời khai của người bị kết án và những người tham gia tố tụng khác, thu thập vật chứng, dựng lại hiện trường,

trưng cầu giám định, ghi âm, chụp ảnh và phải lưu trong hồ sơ kiểm sát hình sự.

(ii) Căn cứ kháng nghị (Điều 291 BLTTHS)

Lưu ý những căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khác hẳn với những căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm (Điều 273 BLTTHS) vì nó gắn với thẩm quyền những người được kháng nghị tái thẩm (Điều 293 BLTTHS).

(iii) Thẩm quyền tái thẩm

- Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tái thẩm bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự trung ương, Toà hình sự, các Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

- Cũng như ở thủ tục giám đốc thẩm, Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định thời hạn Toà án cấp tái thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát hoặc Toà án có thẩm quyền để điều tra lại hoặc xét xử lại là "15 ngày" kể từ ngày ra quyết định huỷ bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

- Việc tham gia phiên toà tái thẩm, kiểm sát việc tuân theo pháp luật ở thủ tục tái thẩm và việc làm sau phiên toà, đều tương tự như ở thủ tục giám đốc thẩm.

CHƯƠNG 14
KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ VÀ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1. Phân biệt khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự và trong lĩnh vực hành chính

Khiếu nại và tố cáo khác nhau về chủ thể, đối tượng, mục đích, thẩm quyền, trình tự giải quyết, song có nhiều điểm tương đồng và chúng có quan hệ mật thiết với nhau. Để nâng cao kỹ năng của việc giải quyết khiếu nại và tố cáo đúng quy định của pháp luật, phải phân tích làm rõ để nắm vững các khái niệm khiếu nại, tố cáo, cũng như thẩm quyền, trình tự giải quyết việc khiếu nại, thẩm quyền, trình tự giải quyết tố cáo...

1.1. Khiếu nại trong tố tụng hình sự

Khiếu nại thường được hiểu theo nghĩa là than, phàn nàn, oán trách, kêu nài, thưa kiện. Trong ngôn ngữ tiếng Việt, khiếu nại có nghĩa là thắc mắc về những việc làm hay quyết định của một người có quyền hạn đối với người khác.

Theo cuốn "Thuật ngữ pháp lý phổ thông", khiếu nại là việc yêu cầu cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội hoặc người có chức vụ giải quyết việc vi phạm các quyền hoặc lợi ích hợp pháp của bản thân người khiếu nại hay người khác; còn "khiếu nại hành chính là việc cá nhân hay tổ chức đề nghị cơ quan hành chính Nhà nước xem xét, sửa chữa một hành vi hay một quyết định hành chính mà họ cho là hành vi và quyết định đó không đúng pháp luật, gây thiệt hại hoặc sẽ gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ..." (*Từ điển Bách khoa Việt Nam* - Nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2002, trang 506, 507).

Lần đầu tiên, tại (Điều 325) BLTTHS 2003 đã đưa ra khái niệm đầy đủ về khiếu nại trong tố tụng hình sự với các dấu hiệu pháp lý đặc trưng. Cụ thể Điều 325 BLTTHS quy định: "cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình".

Từ đó, có thể rút ra những đặc trưng của khiếu nại trong tố tụng hình sự: người có quyền khiếu nại trong tố tụng hình sự là cơ quan, tổ chức, cá nhân; đối tượng của khiếu nại là quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi người khiếu nại có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại (nghĩa là mục đích của khiếu nại là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại).

Như vậy, đối tượng của khiếu nại trong điều tra vụ án hình sự là quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Kiểm lâm; Hải quan; Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng), của Viện Kiểm sát và của những người tiến hành tố tụng: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên.

Từ các dấu hiệu đặc trưng trên, có thể hiểu khái niệm khiếu nại trong tố tụng hình sự như sau:

Khiếu nại trong tố tụng hình sự là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của BLTTHS, đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại sửa chữa những quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi họ có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

1.2. Tố cáo trong tố tụng hình sự

Tố cáo theo nghĩa chung nhất là "vạch rõ tội lỗi của kẻ khác trước cơ quan pháp luật hoặc trước dư luận"

Khoản 2, Điều 2 Luật Khiếu nại, tố cáo ghi nhận: "Tố cáo là việc công dân theo thủ tục Luật này quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức".

Điều 334 BLTTHS quy định: "Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức".

Theo quy định tại Điều 334 BLTTHS, khái niệm tố cáo trong tố tụng hình sự có những dấu hiệu đặc trưng sau:

- Người tố cáo là công dân, bao gồm cả người Việt Nam và người nước ngoài. Như vậy, chủ thể tố cáo ở đây giống chủ thể tố cáo theo Luật Khiếu nại, tố cáo.

- Đối tượng bị tố cáo là hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Người bị tố cáo là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà hành vi của họ vi phạm pháp luật. Đây là dấu hiệu đặc trưng để phân biệt tố cáo trong tố tụng hình sự với tố cáo trong hoạt động quản lý Nhà nước.

- Mục đích của tố cáo là bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Đây là dấu hiệu phân biệt khiếu nại với tố cáo, vì trong khiếu nại, mục đích là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Như vậy, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, những người sau đây nếu có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức có thể bị tố cáo: Điều tra viên, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra, Kiểm sát viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Toà án, những người trong các cơ quan quản lý Nhà nước được giao tiến hành một số hoạt động điều tra vụ án hình sự như cơ quan: Kiểm lâm, Hải quan, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng; một số cơ quan khác trong lực lượng Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

Từ những dấu hiệu đặc trưng trên, tố cáo trong TTHS được hiểu "là việc công dân theo thủ tục do BLTTHS quy định báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức".

1.3. Phân biệt khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự

Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự được quy định trong cùng một điều luật, tại Điều 31 - BLTTHS 2003. Tuy nhiên khiếu nại và tố cáo có một số khác biệt cơ bản là:

- Chủ thể của quyền khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức; còn chủ thể thực hiện quyền tố cáo chỉ là công dân;

- Đối tượng của khiếu nại là quyết định, hành vi tố tụng; còn đối tượng của tố cáo là những hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, người tiến hành tố tụng nào;

- Mục đích của khiếu nại hướng tới bảo vệ và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại; còn mục đích của tố cáo không chỉ nhằm bảo vệ, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo mà còn hướng tới bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Tuy vậy, khiếu nại và tố cáo trong tố tụng hình sự có quan hệ chặt chẽ với nhau, hợp thành một quyền cơ bản của công dân - một quyền chính trị - pháp lý của công dân, một hình thức của quyền dân chủ trực tiếp để nhân dân thực hiện quyền quản lý Nhà nước.

1.4. Phân biệt tố cáo trong tố tụng hình sự với tố cáo trong lĩnh vực hành chính

Điểm khác nhau cơ bản của tố cáo trong tố tụng hình sự với tố cáo trong lĩnh vực hành chính là đối tượng bị tố cáo trong tố tụng hình sự là hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong khi đối tượng của tố cáo trong lĩnh vực hành chính là hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

Như vậy, đối với những công chức của cơ quan tiến hành tố tụng mà không phải là người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà có hành vi bị tố cáo thì việc giải quyết tố cáo đó được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

1.5. Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo

Điều 338 BLTTHS quy định về trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo như sau:

- Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tố cáo và thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo biết;

- Xử lý nghiêm minh người vi phạm;

- Áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra;

- Bảo đảm kết quả giải quyết được thi hành nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết của mình;

- Không giải quyết, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết, giải quyết trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong giải quyết vụ án hình sự

2.1. Kỹ năng giải quyết khiếu nại

Theo cách hiểu thông thường thì giải quyết khiếu nại của công dân là giải quyết mối quan hệ pháp lý giữa cơ quan, tổ chức với công dân theo cách thức được pháp luật quy định.

Khoản 12 Điều 2 Luật Khiếu nại, tố cáo quy định: "Giải quyết khiếu nại là việc xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết của người giải quyết khiếu nại".

Điều 31 BLTTHS quy định: "...cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố

cáo; thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo biết và có biện pháp khắc phục.

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo do Bộ luật này quy định".

* Khi tiến hành giải quyết khiếu nại trong điều tra, truy tố, xét xử, Kiểm sát viên phải tiến hành những nội dung sau:

- Kiểm sát viên phải tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các khiếu nại;

- Kiểm sát viên phải xem xét (xác minh, kết luận những nội dung khiếu nại) và ra văn bản giải quyết; đúng pháp luật (bao gồm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền); bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại...);

- Kiểm sát viên phải thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại biết và có biện pháp khắc phục những vi phạm pháp luật đã xác minh, kết luận.

Từ những quy định trên, giải quyết khiếu nại trong điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự được hiểu là "việc cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết tiếp nhận, xác minh, kết luận và ra văn bản giải quyết khiếu nại đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự; thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại biết".

* Những yêu cầu về mặt nghiệp vụ đặt ra đối với Kiểm sát viên khi tiến hành giải quyết khiếu nại trong điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự

Kiểm sát viên cần phải nắm vững, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung và tác nghiệp của việc giải quyết khiếu nại;

Kiểm sát viên phải thực hiện đúng thẩm quyền cũng như phải bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại và trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại, phải bảo đảm thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại. Cụ thể:

- Kiểm sát viên phải nắm vững và thực hiện đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong giải quyết vụ án hình sự

Theo quy định của BLTTHS, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại là Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát và Toà án. Trong Cơ quan Điều tra, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong điều tra vụ án hình sự là Thủ trưởng Cơ quan Điều tra (Điều 34 BLTTHS) hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra được Thủ trưởng Cơ quan Điều tra ủy nhiệm giải quyết.

Đối với Viện Kiểm sát, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại là Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm giải quyết (Điều 36 - BLTTHS).

Đối với Toà án, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại là Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án uỷ nhiệm giải quyết (Điều 38 BLTTHS).

Điều đáng lưu ý về thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong quá trình giải quyết vụ án, chủ yếu là Viện trưởng Viện Kiểm sát và người bị khiếu nại không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của chính mình. Cụ thể như sau:

+ Đối với quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra bị khiếu nại do Thủ trưởng Cơ quan Điều tra cùng cấp giải quyết. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết và tiếp tục khiếu nại thì Viện Kiểm sát cùng cấp giải quyết. Giải quyết của Viện Kiểm sát cùng cấp là giải quyết cuối cùng;

+ Đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan Điều tra và các quyết định của Cơ quan Điều tra đã được Viện Kiểm sát phê chuẩn (lệnh tạm giam, quyết định tạm giữ...) mà bị khiếu nại thì do Viện Kiểm sát cùng cấp giải quyết. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết và tiếp tục khiếu nại thì Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Giải quyết của Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp là giải quyết cuối cùng;

+ Đối với quyết định, hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra bị khiếu nại do Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố giải quyết. Đối với quyết định tố tụng đã được Viện Kiểm sát phê chuẩn thì do Viện Kiểm sát đã phê chuẩn

quyết định đó giải quyết. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết và tiếp tục khiếu nại thì Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Giải quyết của Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp là giải quyết cuối cùng;

+ Đối với quyết định, hành vi tố tụng của Kiểm sát viên, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát bị khiếu nại do Viện trưởng Viện Kiểm sát cùng cấp giải quyết. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết và tiếp tục khiếu nại thì Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Giải quyết của Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp là giải quyết cuối cùng.

+ Đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện Kiểm sát bị khiếu nại do Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Giải quyết của Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp là giải quyết cuối cùng.

+ Trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự việc giải quyết khiếu nại tiến hành như sau: Theo quy định tại Điều 331 BLTHS Khiếu nại các quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Phó Chánh án trước khi mở phiên toà do Chánh án Toà án giải quyết, nếu không đồng ý với kết quả giải quyết thì người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Toà án cấp trên trực tiếp, Toà án cấp trên trực tiếp phải xem xét giải quyết. Toà án cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết cuối cùng.

Giải quyết khiếu nại trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự khi hồ sơ vụ án đang do Toà án có trách nhiệm giải quyết ở các thủ tục: sơ thẩm; phúc thẩm; giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Trong quá trình giải quyết, cần chú ý phân loại khiếu nại cho đúng thẩm quyền giải quyết, tránh tình trạng thụ lý đơn thư khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết, gây ra sự thắc mắc của người khiếu nại hoặc làm chậm trễ việc giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm sát viên cần phải bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại trong vụ án hình sự

+ Để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, thì người giải quyết khiếu nại phải giải thích cho người khiếu nại hiểu về quyền

và nghĩa vụ của người khiếu nại được quy định tại Điều 326 BLTTHS cũng như yêu cầu họ thực hiện nghiêm chỉnh những quyền và nghĩa vụ đó. Quy định này không chỉ giúp cho cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có cơ sở để giải quyết được đúng đắn mà còn ràng buộc trách nhiệm của người khiếu nại đối với nội dung mà họ khiếu nại; khắc phục tình trạng lợi dụng khiếu nại để kéo dài thời hạn chấp hành các quyết định tố tụng...

+ Thực tiễn giải quyết khiếu nại cho thấy cần chú ý các vấn đề sau:

+1 Người khiếu nại có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết vụ án hình sự; nhưng cũng có quyền rút khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết;

+2 Người khiếu nại được quyền nhận văn bản trả lời; được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

+3 Đi đôi với việc bảo đảm quyền cho người khiếu nại, phải yêu cầu họ thực hiện các nghĩa vụ: phải trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu; chấp hành kết quả giải quyết.

- Kiểm sát viên cần phải chú ý chỉ thụ lý giải quyết những khiếu nại trong thời hiệu khiếu nại, đối với những khiếu nại không còn thời hiệu thì không thụ lý và giải quyết

Theo Điều 328 BLTTHS: "thời hiệu khiếu nại là mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hoặc biết được quyết định, hành vi tố tụng mà người khiếu nại cho rằng có vi phạm pháp luật".

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho người khiếu nại nếu gặp phải những trở ngại

khách quan, ngoài ý muốn. Những lý do trở ngại này phải là những điều có thực, có giấy tờ, xác nhận làm căn cứ. Tránh tình trạng lợi dụng quy định này để kéo dài thời hạn khiếu nại, gây khó khăn cho việc giải quyết. Riêng việc khiếu nại quyết định áp dụng thủ tục rút gọn chỉ có 3 ngày (Khoản 3 Điều 320 BLTTHS).

Để bảo đảm giải quyết những khiếu nại trong thời hiệu khiếu nại, cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải thẩm tra kỹ thời gian người khiếu nại nhận được quyết định tố tụng hoặc biết được hành vi tố tụng mà họ khiếu nại; yêu cầu người khiếu nại phải cung cấp các thông tin, tài liệu để chứng minh. Nếu trường hợp ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì trở ngại khách quan khác cũng phải yêu cầu người khiếu nại tự chứng minh bằng các thông tin, tài liệu có căn cứ.

- Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Kiểm sát viên cần phải chấp hành nghiêm chỉnh thời hạn giải quyết khiếu nại

Thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định tại các Điều 329, 330, 331, 332 và Điều 333 BLTTHS. Theo đó, thời hạn giải quyết khiếu nại của cơ quan, người có thẩm quyền cùng cấp là không quá 7 ngày; thời hạn giải quyết của cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp là không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quy định này không áp dụng trong việc giải quyết khiếu nại liên quan đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam được quy định tại Điều 333 BLTTHS, theo đó, Viện Kiểm sát phải giải quyết ngay, trong trường hợp cần phải có thời gian để xác minh thêm thì thời hạn giải quyết không được quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồng ý với kết quả giải quyết và tiếp tục khiếu nại thì Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp phải giải quyết trong thời hạn không quá 7 ngày.

Để thực hiện nghiêm chỉnh thời hạn giải quyết khiếu nại trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, người có thẩm quyền phải tổ chức tốt công tác thụ lý đơn khiếu nại để xác định mốc thời gian nhận khiếu nại (không phải xem xét dấu bưu điện hay ngày ghi trong đơn); mặt khác phải kiểm tra tính hợp pháp của người khiếu nại (theo quy định

của pháp luật), nội dung khiếu nại. Trên cơ sở đó, tiến hành ngay việc xác minh, kết luận và ra văn bản giải quyết. Đối với người có thẩm quyền giải quyết cuối cùng thông thường là Viện Kiểm sát hoặc Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp. Do đó cần phải phối hợp với cơ quan giải quyết lần đầu để rút hồ sơ, nghiên cứu kịp thời mới đảm bảo thời hạn giải quyết.

* Kiểm sát viên phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong vụ án hình sự như sau

- Kiểm sát viên phải tiếp nhận, phân loại và thụ lý việc khiếu nại theo thẩm quyền

+ Đối với trường hợp công dân trực tiếp đến Viện Kiểm sát để khiếu nại

Theo Điều 11 Quy chế tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền: Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp và tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm thì việc tiếp nhận thông tin khi tiếp công dân cần phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

+1 Kiểm sát viên cần kiểm tra giấy tờ tùy thân của người khiếu nại để đảm bảo các điều kiện của người khiếu nại theo quy định của pháp luật; giải thích quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại.

+2 Phải ghi chép đầy đủ nội dung khiếu nại vào sổ tiếp dân.

+3 Yêu cầu công dân xuất trình các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc khiếu nại; xác định rõ việc khiếu nại đó thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của VKSND hay không;

+4 Nếu có nhiều người đến khiếu nại cùng một nội dung thì yêu cầu công dân cử đại diện trực tiếp trình bày; trong trường hợp cần thiết thì báo cáo lãnh đạo đơn vị để xin ý kiến chỉ đạo;

+5 Trường hợp người khiếu nại không có đơn thì yêu cầu họ làm đơn; nếu họ không viết được thì lập biên bản ghi lại nội dung khiếu nại và đọc lại nội dung cho họ nghe trước khi họ ký tên hoặc điểm chỉ vào biên bản.

Khi tiếp nhận việc khiếu nại, Kiểm sát viên phải làm giấy biên nhận hoặc ghi vào phiếu tiếp công dân, có chữ ký của người nhận và người cung cấp. Sau đó dựa trên nội dung khiếu nại, Kiểm sát viên phân loại và thông báo cho các đơn vị nghiệp vụ liên quan cử Kiểm sát viên, cán bộ giải quyết theo thẩm quyền.

Việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền của Viện Kiểm sát thì hướng dẫn công dân gửi đơn khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

+ Đối với trường hợp công dân gửi đơn đến Viện Kiểm sát:

Thông báo cho người khiếu nại biết là đã nhận được đơn khiếu nại trong thời hạn là 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn.

+ Kiểm sát viên căn cứ vào nội dung khiếu nại và các tài liệu chứng minh để đề xuất với lãnh đạo đơn vị việc trao đổi với cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan về nội dung bị khiếu nại.

- Kiểm sát viên phải gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại.

Điều 37 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo qui định: "Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại... Người giải quyết khiếu nại tiếp theo phải gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại trong trường hợp cần thiết".

Khi gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, Kiểm sát viên cần chuẩn bị kỹ các nội dung sẽ trao đổi, đối thoại. Đồng thời, Kiểm sát viên cần có thái độ bình tĩnh, mềm mỏng nhưng kiên quyết.

Quy định này tạo ra một cơ chế giải quyết khiếu nại công khai, minh bạch, công bằng. Tạo ra sự đồng thuận giữa bên khiếu nại và giải quyết khiếu nại. Đồng thời, phía người giải quyết khiếu nại cũng hiểu đầy đủ là: việc đối thoại trực tiếp là quyền cũng đồng thời là nghĩa vụ khi giải quyết khiếu nại.

- Kiểm sát viên phải xây dựng hồ sơ giải quyết khiếu nại, trong hồ sơ phải phản ánh đầy đủ các nội dung sau:

+ Đơn khiếu nại

+ Quyết định phân công Kiểm sát viên trực tiếp giải quyết khiếu nại

+ Kế hoạch thẩm tra, xác minh

+ Các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại

+ Tổng hợp báo cáo, tham mưu đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết khiếu nại.

+ Văn bản giải quyết khiếu nại, văn bản này phải đáp ứng được những yêu cầu sau: Ngày, tháng, năm ban hành văn bản; Tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại; Nội dung khiếu nại; Căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; Nội dung giải quyết; Quyền khiếu nại tiếp; Nếu là quyết định giải quyết cuối cùng thì phải ghi rõ.

Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu thu thập và được lưu trữ theo quy định của pháp luật

2.2. Kỹ năng giải quyết tố cáo trong giải quyết vụ án hình sự

- Theo Luật Khiếu nại, tố cáo quy định "Giải quyết tố cáo là việc xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và việc quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo" (Khoản 12, Điều 2 Luật Khiếu nại, tố cáo).

Điều 338 BLTTHS quy định trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo như đã trình bày ở phần trên; còn về thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo được quy định tại Điều 337 BLTTHS. Theo đó, về cơ bản, thời hạn, thẩm quyền và trình tự giải quyết tố cáo trong tố tụng hình sự giống như Luật Khiếu nại, tố cáo 1998, trừ các tố cáo liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam thì hành vi đó là của Điều tra viên, Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra, Thủ trưởng cơ điều tra hay của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác đều phải do Viện Kiểm sát xem xét, giải quyết ngay; trong trường hợp phải xác minh thêm thì thời hạn giải quyết không

quá 3 ngày. Do đó, có thể hiểu khái niệm giải quyết tố cáo trong điều tra vụ án hình sự như sau: "Giải quyết tố cáo trong điều tra vụ án hình sự là việc xác minh, kết luận về nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào thuộc các Cơ quan Điều tra, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra và thuộc Viện Kiểm sát và ra quyết định xử lý của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo theo quy định của BLTTHS ".

- Quá trình giải quyết tố cáo trong vụ án hình sự đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm vững và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thẩm quyền và thời hạn giải quyết

+ Kiểm sát viên phải nắm vững các quy định pháp luật

Điều 337 BLTTHS quy định về thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, theo đó pháp luật quy định thẩm quyền và thời hạn giải quyết các trường hợp tố cáo khác nhau:

+1 *Trường hợp thứ nhất,* Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào thì người đứng đầu cơ quan đó giải quyết. Trong trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng thì cơ quan tiến hành tố tụng cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết. Quyết định này giống như thẩm quyền giải quyết tố cáo được quy định trong Luật khiếu nại, tố cáo. Riêng tố cáo hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố xem xét, giải quyết.

Thời hạn giải quyết đối với các tố cáo trên là không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ, việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể dài hơn, nhưng không quá 90 ngày.

+2 *Trường hợp thứ hai,* Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm thì được giải quyết theo quy định tại Điều 103 của BLTTHS về nhiệm vụ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, không được áp dụng thời hạn và thẩm quyền giải quyết tố cáo theo Chương XXXV của BLTTHS. Tuy nhiên, việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm có những yêu cầu khác với trách

nhiệm pháp lý trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, vì người tố cáo tội phạm và người bị tố cáo là tội phạm có quyền và nghĩa vụ pháp lý.

+ *Trường hợp thứ ba,* Tố cáo liên quan đến hành vi bắt, tạm giữ, tạm giam, thì thẩm quyền giải quyết do Viện Kiểm sát cùng cấp hay Viện Kiểm sát có thẩm quyền truy tố giải quyết. Thời hạn giải quyết là giải quyết ngay, trong trường hợp phải xác minh thêm thì thời hạn không quá 3 ngày.

+ *Trường hợp thứ tư,* Tố cáo trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, thường gặp những trường hợp sau:

Thứ nhất, tố cáo việc làm sai trái, vi phạm pháp luật của những người tiến hành tố tụng.

Ví dụ: sau khi nhận được Cáo trạng của Viện Kiểm sát hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử của Toà án, họ làm đơn tố cáo Điều tra viên điều tra vụ án đã có những hành vi trái pháp luật như: dụ cung, bức cung, mớm cung hoặc tra tấn nhục hình với họ. Hoặc họ đưa ra căn cứ để chứng minh cho việc những người này đã không vô tư, khách quan khi tiến hành tố tụng đối với vụ án. Ví dụ: Trong vụ án cố ý gây thương tích, Điều tra viên đã có mối quan hệ "mật thiết" hoặc đã nhận tiền của phía bị can, người bị hại có tài liệu nên đã tố cáo với Viện Kiểm sát hoặc Toà án.

Thứ hai, tố cáo việc làm sai trái và vi phạm pháp luật của những người tham gia tố tụng đối với vụ án, làm họ bị oan, sai hoặc thiệt hại về quyền lợi.

Gặp trường hợp này, Kiểm sát viên phải thụ lý đơn thư tố cáo; nếu người tố cáo đến cơ quan Viện Kiểm sát tố cáo trực tiếp thì phải ghi lời khai theo thủ tục chung; báo cáo Lãnh đạo Viện Kiểm sát, có biện pháp giải quyết thích hợp.

Quy định như vậy để bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, nhằm khắc phục kịp thời việc oan, sai có thể xảy ra.

- Kiểm sát viên cần phải thực hiện những vấn đề sau đây trong quá trình giải quyết tố cáo vụ án hình sự

- Trong giai đoạn điều tra, truy tố đối với vụ án hình sự, Kiểm sát viên cần phải tuân thủ và thực hiện đúng những yêu cầu của pháp luật và những yêu cầu nghiệp vụ sau đây:

+ Chậm nhất là 10 ngày, thụ lý việc tố cáo thuộc trường hợp thứ nhất;

+ Khi nhận được tố cáo bằng đơn, thư hay công dân trực tiếp đến tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết phải phân loại tố cáo theo đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó xác định thẩm quyền và áp dụng thủ tục, trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật;

+ Ra quyết định giao cho cán bộ, công chức tiến hành xác minh kết luận và đề xuất biện pháp xử lý (nêu rõ yêu cầu nội dung, thời hạn xác minh, kết luận); chỉ đạo việc xác minh một cách khẩn trương, đúng pháp luật và ra văn bản trả lời người tố cáo, người bị tố cáo;

+ Trong quá trình giải quyết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm sau: Bảo đảm khách quan, trung thực, đúng pháp luật; Yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về hành vi bị tố cáo; Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công dân tố cáo; Trưng cầu giám định, tiến hành các biện pháp khác; Phải giữ bí mật cho người tố cáo, không được tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và các thông tin khác có hại cho người tố cáo.

+ Đối với những hành vi vi phạm pháp luật và người vi phạm phải có quyết định xử lý theo pháp luật.

+ Trong trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì phải chuyển cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và thông báo cho người tố cáo khi họ có yêu cầu. Tuyệt đối không được trả lại đơn hoặc mời họ đến để hướng dẫn.

Trong trường hợp cấp thiết, người giải quyết tố cáo phải tự mình hoặc báo ngay cho cơ quan có trách nhiệm để áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật; áp dụng biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho người tố cáo khi họ yêu cầu. Đối với những công chức của các cơ quan tiến hành tố tụng mà không phải là người

có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì việc giải quyết tố cáo đối với hành vi của họ được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

- Trong quá trình xét xử vụ án hình sự, tố cáo phải được xem xét và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và cần thực hiện theo đúng những yêu cầu sau đây:

+ Mọi nội dung tố cáo đều phải được xem xét, kiểm tra lại, không được chủ quan, bỏ qua cho rằng ở giai đoạn truy tố đã xem xét rồi. Việc kiểm tra này không những có ý nghĩa trong việc đảm bảo cho việc truy tố được chính xác mà còn giúp Kiểm sát viên chuẩn bị cho việc tranh tụng trước toà khi vụ án được đưa ra xét xử.

+ Cần phải có thái độ thật sự khách quan, công tâm khi giải quyết tố cáo. Có thể gặp trường hợp tố cáo sai sự thật thì bình tĩnh, không nóng nảy, doạ nạt với người tố cáo. Mọi việc có liên quan đến việc tố cáo và giải quyết tố cáo đều phải được ghi chép cụ thể, phản ánh trong hồ sơ kiểm sát.

+ Ngoài việc giải quyết tốt đơn thư tố cáo có liên quan trực tiếp đến Viện Kiểm sát, do chức năng mà pháp luật tố tụng hình sự quy định, Viện Kiểm sát còn có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của Toà án trong giai đoạn xét xử vụ án (Điều 339 BLTTHS). Viện Kiểm sát định kỳ yêu cầu Tòa án cùng cấp thông báo tình hình tiếp nhận và giải quyết tố cáo về tư pháp đến Viện Kiểm sát Nhân dân. Trong trường hợp cần thiết thì yêu cầu Tòa án báo cáo việc giải quyết tố cáo mà các Cơ quan Đảng, Nhà nước, báo chí quan tâm; khi phát hiện có vi phạm pháp luật thì yêu cầu người có thẩm quyền chấm dứt vi phạm trong việc giải quyết tố cáo; tổ chức đoàn kiểm tra việc giải quyết tố cáo về tư pháp của Tòa án theo chương trình, kế hoạch đề ra; tổ chức các cuộc họp với Tòa án cùng cấp để nghe Tòa án báo cáo tình hình tiếp nhận, giải quyết tố cáo và tình hình chấp hành pháp luật trong giải quyết tố cáo về tư pháp; tổng hợp vi phạm pháp luật trong công tác giải quyết tố cáo để Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp kiến nghị với Tòa án cùng cấp.

+ Muốn giải quyết tốt việc giải quyết tố cáo, các Kiểm sát viên làm nhiệm vụ kiểm sát xét xử hình sự cần có sự phối kết hợp chặt chẽ

với Phòng nghiệp vụ kiểm sát xét khiếu tố (ở cấp Tỉnh) hoặc các Kiểm sát viên làm công tác kiểm sát xét khiếu tố (ở cấp Huyện) và Thẩm phán được giao trách nhiệm chủ toạ phiên toà.

+ Giải quyết tố cáo phải đúng thẩm quyền và thời hạn giải quyết đã được quy định cụ thể ở Điều 337 BLTTHS.

+ Người tố cáo có quyền yêu cầu giữ bí mật. Vì vậy không được để lộ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo, để tránh sự trù úm, trả thù hoặc mua chuộc người tố cáo. Khi người tố cáo có yêu cầu được bảo vệ trước sự đe doạ, trù dập, trả thù thì người giải quyết phải báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

+ Cần xem xét đơn tố cáo là do người tố cáo có thực hay nặc danh, mạo danh. Đối với tố cáo giấu tên, mạo tên, địa chỉ không rõ ràng, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký hoặc những tố cáo đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận nay lại tiếp tục tố cáo nhưng không có thêm tài liệu chứng cứ mới thì không xem xét.

- Kiểm sát viên phải bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo

Quá trình giải quyết tố cáo trong vụ án hình sự cho thấy, để bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và người bị tố cáo, người giải quyết phải thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

+ Người tố cáo có quyền thực hiện quyền tố cáo bằng đơn hoặc bằng miệng (trực tiếp), do đó không được yêu cầu họ phải có đơn như trong giải quyết khiếu nại;

+ Đảm bảo việc người tố cáo có quyền yêu cầu giữ bí mật;

+ Khi nhận người tố cáo yêu cầu bảo vệ trước sự đe dọa, trù dập, trả thù, thì người giải quyết phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn sự việc đó có thể xảy ra;

+ Chỉ khi người tố cáo có yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo thì người giải quyết mới thông báo bằng văn bản; còn khi không có yêu cầu thì không thông báo, vì làm như vậy có thể dẫn đến việc không giữ được bí mật cho người tố cáo;

+ Khi nhận được đơn tố cáo, điều đầu tiên phải xác minh làm rõ người tố cáo có thực hay nặc danh, mạo danh; chỉ khi rõ họ tên, địa chỉ thì mới buộc họ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật; đồng thời khi cần mới có thể yêu cầu họ trình bày trung thực, rõ ràng nội dung tố cáo. Mặt khác, nói chung đơn tố cáo nặc danh, mạo danh là không xem xét, giải quyết;

+ Trong quá trình giải quyết tố cáo phải đối thoại trực tiếp với người bị tố cáo, để họ thực hiện quyền được biết nội dung tố cáo, được đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật. Trong trường hợp tố cáo sai phải khôi phục danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo sai gây ra;

+ Tuy nhiên, người giải quyết tố cáo cũng phải bảo đảm để người tố cáo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nghĩa vụ của mình. Người giải quyết tố cáo yêu cầu người bị tố cáo giải trình hành vi bị tố cáo bằng văn bản, cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung bị tố cáo để xác minh. Khi việc tố cáo là đúng sự thật, phải có quyết định xử lý người bị tố cáo và bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của họ gây ra.

PHẦN 3
KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM, QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ VÀ KIỂM SÁT VIỆC THI HÀNH ÁN

CHƯƠNG 15

KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM, QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ VÀ KIỂM SÁT VIỆC THI HÀNH ÁN

1. Những vấn đề chung về công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam

1.1. Khái niệm, mục đích, yêu cầu của công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam

(i) Khái niệm

Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam là những thao tác nghiệp vụ khi tiến hành kiểm sát thường kỳ và bất thường tại chỗ tại Nhà tạm giữ, trại tạm giam về việc tạm giữ, tạm giam nhằm áp dụng các biện pháp pháp luật để yêu cầu cơ quan hữu quan đình chỉ thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam; góp phần bảo đảm việc tạm giữ, tạm giam theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm việc thực hiện các chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam; bảo đảm tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng và bảo vệ

(ii) Mục đích

Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam giúp Kiểm sát viên phát hiện các vi phạm pháp luật, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam một cách nhanh chóng, chính xác, đầy đủ, khách quan, từ đó sử dụng những biện pháp pháp lý cơ bản để kiến nghị hoặc đề xuất kháng nghị đối với các cơ quan có vi phạm, đề xuất việc khởi tố và yêu cầu khởi tố tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ làm công tác tư pháp trong việc tạm giữ, tạm giam nhằm khắc phục, hạn chế và loại trừ các vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam; yêu cầu trả tự do cho người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật; bảo đảm tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

(iii) Yêu cầu

Khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, Kiểm sát viên phải nắm vững nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng, phạm vi công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam; vận dụng các kỹ năng kiểm sát thường kỳ, bất thường Nhà tạm giữ, Trại tạm giam nhằm đảm bảo cho việc tuân thủ và thực thi pháp luật trong hoạt động tạm giữ, tạm giam.

1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện Kiểm sát khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam

(i) Nhiệm vụ, quyền hạn

Chương VI Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân năm 2002 quy định cụ thể về quyền hạn, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát Nhân dân trong hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

- Thường kỳ và bất thường kiểm sát trực tiếp Nhà tạm giữ, Trại tạm giam.

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam.

- Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tạm giữ, tạm giam.

- Yêu cầu cơ quan cùng cấp nơi tạm giữ, tạm giam kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện Kiểm sát Nhân dân.

- Yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới quản lý nơi tạm giữ, tạm giam kiểm tra những nơi đó và thông báo kết quả cho Viện Kiểm sát.

- Yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới và người có trách nhiệm thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam; trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

- Kháng nghị với cơ quan cùng cấp và cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

(ii) Trách nhiệm

- Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan sai trong việc tạm giữ, tạm giam, yêu cầu trả tự do cho những người bị tạm giữ, tạm giam oan sai, không có căn cứ và trái pháp luật.

- Khi phát hiện dấu hiệu tội phạm trong việc tạm giữ, tạm giam, yêu cầu Cơ quan Điều tra khởi tố về hình sự, hoặc khởi tố trong trường hợp mà pháp luật quy định cho Viện Kiểm sát được tiến hành trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động tạm giữ, tạm giam.

1.3. Đối tượng và phạm vi của công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam

(i) Đối tượng

Đối tượng của công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam là việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam.

- Cơ quan đơn vị có trách nhiệm là Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và các cơ quan, đơn vị khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc tạm giữ, tạm giam.

- Người có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam là Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ và những người khác có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

(ii) Phạm vi

Kiểm sát thường kỳ và bất thường trực tiếp tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam nhằm đảm bảo từ khi người bị tạm giữ, tạm giam vào nhà tạm giữ, Trại tạm giam đến khi họ được trả tự do hoặc chuyển sang đối tượng khác đúng quy định của pháp luật.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam

2.1. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam

Sau khi tiếp nhận khiếu nại hoặc tố cáo về việc tạm giữ, tạm giam, Kiểm sát viên phải nghiên cứu, phân loại những khiếu nại, tố

cáo, trực tiếp giải quyết những khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc chấp hành các quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam. Kiểm sát viên yêu cầu xử lý những hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam, chuyển các yêu cầu đó đến các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của họ và theo dõi kết quả giải quyết của cơ quan, đơn vị đó.

Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đã có vi phạm pháp luật xảy ra ở nhà tạm giữ, trại tạm giam thì Kiểm sát viên yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới trực tiếp quản lý nhà tạm giữ, trại tạm giam tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện Kiểm sát. Kiểm sát viên phải soạn thảo và ban hành văn bản yêu cầu kiểm tra trong đó cần nêu rõ nội dung cần kiểm tra về dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc về vi phạm pháp luật đã xảy ra.

2.2. Nội dung, phương pháp kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam

2.2.1. Nội dung kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam

- Bảo đảm việc tạm giữ, tạm giam theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Bảo đảm việc tiếp nhận người bị tạm giữ, tạm giam theo đúng quy định của pháp luật (tạm giam, tạm giữ phải có lệnh, quyết định hợp pháp của cơ quan và người có thẩm quyền)

+ Bảo đảm quá trình tạm giữ, tạm giam người bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ, trại tạm giam theo đúng quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm việc trả tự do, chuyển đi nơi khác hoặc chuyển sang các đối tượng khác đối với người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm việc thực hiện các chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam như: chế độ ăn, chế độ mặc, chế độ ở, chế độ khám chữa bệnh, chế độ gửi, nhận thư, thăm gặp thân nhân, nhận quà, chế độ khiếu nại tố cáo của người bị tạm giữ, tạm giam được tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát bảo đảm thực hiện chế độ quản lý giam giữ đối với người bị tạm giữ, tạm giam của cơ quan quản lý giam, giữ; của trưởng Nhà tạm giữ, Giám thị Trại tạm giam.

- Kiểm sát bảo đảm tính mạng, tài sản, danh dự nhân phẩm của người bị tạm giữ, tạm giam và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

2.2.2. Phương pháp kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam

Có 2 phương pháp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, đó là:

- Kiểm sát thường kỳ và kiểm sát bất thường tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam. Khi kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam tuỳ theo yêu cầu của mỗi cuộc kiểm sát, Kiểm sát viên có thể kiểm sát từng vấn đề hoặc kiểm sát toàn diện Nhà tạm giữ, Trại tạm giam.

Kiểm sát thường kỳ là hoạt động kiểm sát được thực hiện thường xuyên theo ngày, theo tuần, theo tháng, theo quý hoặc nửa năm, hàng năm.

Kiểm sát bất thường là hoạt động kiểm sát đột xuất được tiến hành khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật xảy ra ở nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Trong một cuộc kiểm sát trực tiếp Nhà tạm giữ, Trại tạm giam có thể chia làm ba giai đoạn kiểm sát, đó là: Nắm tình hình thu thập tài liệu, phát hiện ưu khuyết điểm, vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam; Kiểm tra, xác minh các vi phạm pháp luật; Tổng hợp kết luận các vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

Thứ nhất, nắm tình hình, thu thập tài liệu, phát hiện ưu điểm và vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

Nắm tình hình, thu thập tài liệu, phát hiện ưu khuyết điểm và vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam là bước quan trọng nhất trong cuộc kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam. Để làm được công việc này Kiểm sát viên phải:

- Mở các loại sổ theo dõi vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam như sổ trốn, sổ can phạm chết, sổ theo dõi vi phạm đã được

kháng nghị, sổ theo dõi diễn biến từng người bị tạm giữ, tạm giam. Trong sổ theo dõi phải ghi đầy đủ các cột mục quá trình diễn biến trong việc tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

- Thu thập tài liệu qua các nguồn tin, báo chí, đơn thư khiếu nại, tố giác đối với việc giam giữ người bị tạm giữ, tạm giam.

- Nghe Ban giám thị Trại tạm giam hoặc Trưởng Nhà tạm giữ báo cáo tình hình chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

Thứ hai, kiểm tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân các vi phạm pháp luật.

Kiểm sát viên phải:

- Kiểm tra thực tế nơi giam giữ, buồng giam, nhà kỷ luật, nơi bán căng tin, bếp ăn, nơi thăm gặp của can phạm với gia đình.

- Kiểm tra hồ sơ, sổ sách về việc tạm giữ, tạm giam, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ mới tiếp nhận người vào Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, hồ sơ quá hạn tạm giữ, tạm giam, hồ sơ trốn, chết, trích xuất ...v.v.

- Kiểm tra sổ sách, chứng từ liên quan đến chế độ của can phạm.

- Gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam, kiểm danh, kiểm diện; đối chiếu giữa báo cáo của Ban giám thị Trại tạm giam, của Trưởng Nhà tạm giữ với số lượng can phạm bị tạm giam, người bị tạm giữ.

- *Thứ ba*, tổng hợp, kết luận việc chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

Trong quá trình thực hiện một cuộc kiểm sát, Kiểm sát viên sau khi kiểm tra, xác minh phải đối chiếu với pháp luật để xác định vi phạm đó là vi phạm gì, vi phạm vào điều luật nào. Mỗi loại vi phạm đều có những nguyên nhân và hậu quả nhất định Kiểm sát viên phải làm rõ nguyên nhân, hậu quả của các vi phạm. Khi đã nắm chắc nguyên nhân, hậu quả của vi phạm Kiểm sát viên phải đề xuất kháng nghị đối với cơ quan có vi phạm pháp luật đó.

Kiểm sát viên khi kiểm tra phát hiện vi phạm bộ phận nào cần lập biên bản với bộ phận đó để làm cơ sở lưu giữ hồ sơ và làm căn cứ viết kết luận.

Kiểm sát viên phải xây dựng bản kết luận kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam

Bản kết luận thường có 3 phần:

Phần 1: Căn cứ pháp luật để tiến hành kiểm sát. Thời gian, địa điểm kiểm sát, người chịu trách nhiệm pháp lý cuộc kiểm sát.

Phần 2: Kết luận về hoạt động chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

Trong phần này cần có các điểm nêu rõ về số liệu tạm giữ, tạm giam, số liệu giải quyết của các cơ quan tiến hành tố tụng theo các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, số hiện còn. Kiểm sát viên phải đánh giá kết luận việc chấp hành pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam; đánh giá về các hoạt động như thủ tục nhận người tạm giữ, tạm giam, quá trình giam giữ có vi phạm gì, nguyên nhân nào dẫn đến vi phạm, trách nhiệm thuộc cơ quan, người nào; đánh giá việc thực hiện các chế độ tạm giữ, tạm giam và bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ, tạm giam.

Phần 3: Cuối bản kết luận là kháng nghị yêu cầu đình chỉ, bãi bỏ các quyết định vi phạm pháp luật, chấm dứt các việc làm vi phạm pháp luật của Trưởng Nhà tạm giữ, Giám thị Trại tạm giam.

Đối với các vi phạm có nêu trong phần kết luận nếu không thuộc trách nhiệm của Nhà tạm giữ, Trại tạm giam mà thuộc trách nhiệm của các cơ quan và người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam thì phải có kháng nghị riêng.

Mẫu kết luận kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam:

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
---------- (1)
Số: / VKS - ... (2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày tháng năm

KẾT LUẬN

Kiểm sát việc..... (3)

.....

Tại .....(4).....

Căn cứ điều 26, 27, 29 Luật tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân năm 2002.

Viện Kiểm sát Nhân dân.....(1).... có các đồng chí

1- Đồng chí: .....

2- Đồng chí: ..... (4)

3- Đồng chí: .....

Đã tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật của: .....(4)..... trong việc .....(3) .... từ ngày ..... đến ngày.....

Sau khi nghe đồng chí ....(4)..... báo cáo tình hình chấp hành pháp luật trong việc:.....(3) ..... đã trực tiếp kiểm tra .....(4) .... gặp hỏi một số người .....(3) ..... về việc giam giữ có kết luận như sau:

I. Số liệu .....(3)..... từ ngày ..... đến ngày (phần này phải nêu số liệu gồm các chỉ tiêu sau):

- Số cũ chuyển qua đầu kỳ
- Số mới tăng trong kỳ.
- Số giải quyết trong kỳ.
- Số chưa giải quyết trong kỳ.

Lưu ý: Số liệu phản ánh theo yêu cầu nội dung kế hoạch kiểm tra trực tiếp Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trại giam.

II. Tình hình chấp hành trong việc.....(3)....

1. Ưu điểm:..... (nêu những kết quả nổi bật trong việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, người có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; cũng như việc thực hiện chế độ đối với người bị giam giữ.

2. Vi phạm:.....(Nêu những vi phạm có tính chất điển hình, có số liệu để minh hoạ và viện dẫn điều luật bị vi phạm).

Rút ra những nguyên nhân (khách quan, chủ quan) để từ đó đề ra những biện pháp khắc phục cho phù hợp.

III. Kháng nghị:

Để việc.....(3)..... được chấp hành đúng các quy định của pháp luật Viện Kiểm sát Nhân dân .....(1) ..... yêu cầu .....(4) ..... thực hiện một số điểm sau:

1.....

2..... (5)

Kết luận này được công bố trước .....(4)..... ngày.... tháng .... năm... yêu cầu đồng chí .....(4)..... thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả việc thực hiện kháng nghị về Viện Kiểm sát Nhân dân.....(1)..... trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị.

Nơi nhận:	VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
-.....(6).....	.....(1).....

Chú thích

1- Ghi tên Viện Kiểm sát Nhân dân ban hành kết luận.

2- Ghi ký hiệu của đơn vị soạn thảo thành kết luận: Ví dụ: V4 - VKSTC soạn thành kết luận thì ký hiệu là: VKSTC - V4.

3- Nếu kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam thì ghi "Kết luận kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam", nếu kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù thì ghi "kết luận kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù".

4- Ghi đơn vị được kiểm sát trực tiếp (Nhà tạm giữ, Trại tạm giam hay Trại giam).

5. Ghi đầy đủ nội dung kháng nghị với cơ quan cùng cấp và cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

6- Ghi những nơi nhận kết luận theo chỉ đạo của lãnh đạo Viện Kiểm sát

2.3. Kỹ năng phát hiện các trường hợp oan, sai và đề xuất trả tự do cho người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật

2.3.1. Phương pháp phát hiện các trường hợp bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật

- Kiểm sát viên phải nghiên cứu toàn bộ hồ sơ những người bị tạm giữ, tạm giam.

- Xem các lệnh, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự về việc giam giữ các trường hợp đó có đúng pháp luật không, có quá hạn giam giữ không, hiện họ bị giam giữ theo quyết định nào.

- Gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam về việc họ có nhận được các quyết định của cơ quan có thẩm quyền không, họ bị bắt trong trường hợp nào.

- Phối hợp với cơ quan quản lý giam giữ và cơ quan tiến hành tố tụng để xác định những trường hợp bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật.

- Lập tiểu hồ sơ về việc tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật.

2.3.2. Cách xử lý và đề xuất của Kiểm sát viên

Khi thấy có dấu hiệu oan, sai trong tạm giữ, tạm giam thì Kiểm sát viên sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan phải lập thành hồ sơ và báo cáo bằng văn bản với lãnh đạo Viện Kiểm sát.

Kiểm sát viên đề xuất với Viện trưởng Viện Kiểm sát ra quyết định trả tự do cho người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật trong các trường hợp sau:

Trong tạm giữ: Trường hợp bắt khẩn cấp nhưng không được Viện Kiểm sát phê chuẩn nhưng vẫn tạm giữ; người bị tạm giữ không có quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền; người đã được Viện Kiểm sát huỷ bỏ quyết định tạm giữ nhưng vẫn bị tạm giữ; người bị tạm giữ đã có quyết định trả tự do; người mà Viện Kiểm sát không phê chuẩn gia hạn tạm giữ; người đã hết thời hạn tạm giữ mà không có lệnh hợp pháp nào khác nhưng vẫn bị giữ.

Trong tạm giam: Người bị tạm giam nhưng không có lệnh đối với họ; lệnh tạm giam không có phê chuẩn của Viện Kiểm sát (đối với những trường hợp phải có sự phê chuẩn); người đã được Viện Kiểm sát không quyết định gia hạn tạm giam; người đã có quyết định huỷ bỏ việc tạm giam; người đã có quyết định trả tự do hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn khác; người đã có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án; người đã được Toà án xét xử và quyết định trả tự do: không phạm tội, được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, hình phạt không phải là tù giam, thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian đã bị tạm giam.

Mẫu quyết định trả tự do

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
.....1)
Số:.../KSGG – CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------- * ----------
....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH TRẢ TỰ DO

.....

Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân .....(1)

- Căn cứ Khoản 1 điều 28 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân năm 2002.

- Căn cứ: .....(2)

Xét thấy: Việc tiếp tục giam, giữ đối với.....(3) là không có căn cứ và trái pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Trả tự do cho người bị giam, giữ không có căn cứ và trái pháp luật, có lý lịch dưới đây: (4)

- Họ và tên.....

- Hộ khẩu thường trú:.....

- Ngày bắt: .....

- Lý do trả tự do:.....

Điều 2: Yêu cầu ông ..... (5) ..... có trách nhiệm thi hành ngày quyết định này kể từ ngày nhận.....(nếu.....(3)..... không bị giam giữ về một tội khác).

Nơi nhận:
-.....(5).....
- .....(6).....

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN .....(1)

Chú thích:

- 1: Ghi tên VKSND ban hành quyết định trả tự do

- 2: Ghi quyết định xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng, (quyết định đình chỉ vụ án, bản án hoặc quyết định của Toà án v.v...)

- 3: Ghi rõ họ tên người được trả tự do.

- 4: Ghi lai lịch của người trả tự do và ghi rõ lý do được trả tự do.

- 5: Ghi chức danh thủ trưởng đơn vị được yêu cầu thi hành quyết định (Trưởng Nhà tạm giữ, Giám thị Trại tạm giam, Giám thị Trại giam).

- 6: Ghi những nơi cần nhận quyết định để báo cáo, để biết, để lưu theo chỉ đạo của lãnh đạo Viện Kiểm sát.

2.4. Kháng nghị, kiến nghị trong quá trình kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam.

2.4.1. Kháng nghị

Kháng nghị là biện pháp pháp lý quan trọng của Viện Kiểm sát khi tiến hành kiểm sát trực tiếp Nhà tạm giữ, Trại tạm giam. Căn cứ kháng nghị về việc tạm giữ, tạm giam theo Khoản 6 Điều 27 Luật tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân năm 2002.

Viện Kiểm sát kháng nghị với cơ quan cùng cấp và cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm.

Kiểm sát viên phải soạn thảo bản kháng nghị trong đó phải đảm bảo các nội dung sau:

- Nêu rõ vụ việc vi phạm về tạm giữ, tạm giam. Vi phạm đó là vi phạm gì, vi phạm quy định nào của Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự; Nghị định về chế độ tạm giữ, tạm giam.

- Làm rõ nguyên nhân vi phạm, quy rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người vi phạm.

- Quyết định kháng nghị

- Trình Viện trưởng Viện Kiểm sát ký

Mẫu văn bản kháng nghị

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN .....(1)

Số:...../KSGG – CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------*----------

....., Ngày.....tháng .....năm.....

KHÁNG NGHỊ

Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân .....(1)

- Căn cứ Khoản 6 điều 27 Luật tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân năm 2002.

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và các biên bản làm việc đã thu thập được, trong quá trình kiểm sát tại.....(2)..... Viện Kiểm sát Nhân dân .....(1).... xác định những vi phạm pháp luật sau:

1/ Quyết định số: ..... ngày ..... tháng.....năm.... của cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm.....

2/ Việc làm vi phạm pháp luật của người có trách nhiệm

+.....

Những vi phạm pháp luật nêu trên là do những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/Kháng nghị ...(3)... quyết định ... số ngày....tháng....năm...hoặc việc làm vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm.....

2. Yêu cầu:.....(4).....cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm.....

- Đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định số:....ngày....tháng....năm.....có vi phạm pháp luật.....

- Chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.....

3-Yêu cầu Ông:.....(4)..... tổ chức chỉ đạo thực hiện kháng nghị này và trả lời Viện Kiểm sát Nhân dân .....(1)..... trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị này theo quy định tại điều 29 Luật tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân năm 2002./.

Nơi nhận:
-.....(4).....
- .....(5).....

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
....(1)

Chú thích:

(1): Ghi tên VKSND ban hành kháng nghị

(2): Ghi tên đơn vị đã tiến hành kiểm sát.

(3): Ghi rõ quyết định số:.....ngày .... tháng.....năm hoặc việc làm vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù.

(4):Ghi cơ quan, đơn vị hoặc người có trách nhiệm mà Viện Kiểm sát kháng nghị, ghi rõ nội dung kháng nghị.

(5): Ghi rõ nơi nhận kháng nghị để báo cáo, để biết, để lưu theo chỉ đạo của lãnh đạo Viện Kiểm sát.

2.4.2. Kiến nghị

Kiểm sát viên tiến hành kiến nghị khi phát hiện những việc mà xác định là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật hoặc những việc mang tính phòng ngừa vi nếu không có biện pháp khắc phục thì sẽ có vi phạm pháp luật xảy ra.

Ví dụ: Các vấn đề về vệ sinh dịch tễ, phòng ngừa hậu quả thiên tai, hoả hoạn có thể xảy ra ở các nhà tạm giữ, trại tạm giam...

2.5. Phát hiện các vụ phạm tội mới và phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, tiến hành khởi tố vụ án

2.5.1. Phát hiện các vụ phạm tội mới và phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong Nhà tạm giữ, Trại tạm giam

Kiểm sát viên phải nắm các nguồn để xác định dấu hiệu phạm tội thông qua các hoạt động như:

- Kiểm tra các nguồn tin, đơn thư khiếu nại tố cáo, báo chí.

- Đọc hồ sơ giam giữ, gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam.

- Lấy lời khai của các đương sự.

- Xác định hành vi phạm tội và lỗi.

- Phân loại hành vi nào là hành vi phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói chung và hành vi phạm tội nào xâm phạm đến hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ nhân viên làm công tác giam, giữ.

- Tiến hành xác minh ban đầu, thu thập chứng cứ, tài liệu, lập tiểu hồ sơ làm căn cứ để khởi tố hoặc kháng nghị.

+ Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, phạm tội mới, thường gặp đối với các trường hợp mà người phạm tội không phải là cán bộ nhân viên làm công tác tư pháp như các tội: Tội trốn khỏi nơi giam, giữ; Tội cố ý gây thương tích; Tội giết người; Tội đánh bạc; Tội chống phá Trại giam; Tội trộm cắp tài sản; các tội phạm về ma tuý...

+ Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ nhân viên làm công tác tư pháp như: Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội; Tội tha trái pháp luật người bị giam, giữ; Tội dùng nhục hình; Tội bức cung; Tội thiếu trách nhiệm để người bị giam giữ trốn; Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật...

2.5.2. Khởi tố vụ án hình sự

Khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam phát hiện có dấu hiệu tội phạm thuộc các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà

người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp thì Kiểm sát viên thu thập tài liệu, chứng cứ báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát để lãnh đạo Viện Kiểm sát báo cáo Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao cho tiến hành xem xét, kiểm tra, xác minh và quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Khi tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật ở Nhà tạm giữ, Trại tạm giam phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà người phạm tội không phải là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp thì Kiểm sát viên phải tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát để yêu cầu Cơ quan Điều tra có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 16

KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ

1. Một số vấn đề chung về hoạt động kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù

Kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù là các hoạt động kiểm sát của Kiểm sát viên trong các Trại giam, Phân trại giam nhằm phát hiện những sai sót, vi phạm trong việc thi hành pháp luật để yêu cầu cơ quan có vi phạm đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định đó, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng các hoạt động quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; góp phần tích cực bảo đảm việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm việc thực hiện các chế độ đối với phạm nhân; bảo đảm tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người chấp hành án phạt tù và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

Từ khái niệm trên có thể thấy đối tượng của các hoạt động này là việc tuân theo pháp luật của các Trại giam, Phân trại giam trong Trại tạm giam, Nhà tạm giữ cũng như của những người có trách nhiệm như Giám thị, cán bộ của Trại giam.. trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù chính là việc đảm bảo cho người chấp hành án phạt tù được hưởng các chế độ do Nhà nước quy định như chế độ ăn, ở, cấp phát quần áo, chăn chiếu... và các đồ dùng thiết yếu, phương tiện bảo hộ lao động; được học pháp luật, giáo dục công dân, văn hóa và học nghề, được thông tin về chính sách, thời sự phù hợp và phải lao động theo quy định của Chính phủ; được cấp tiền tàu xe, tiền ăn, tiền đi đường về nơi cư trú khi chấp hành xong hình phạt tù.

Tuy nhiên khi kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù cần chú ý Kiểm sát viên không chỉ kiểm sát việc thực hiện chế độ quản lý và giáo dục người phải chấp hành án phạt tù mà còn kiểm sát việc lập hồ sơ và tham gia xét giảm thời hạn chấp hành hình

phạt tù, kiểm sát việc xét, quyết định tạm đình chỉ, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Tòa án nhân dân.

Khi phát hiện các vi phạm của Trại giam, Phân trại giam thì tùy theo mức độ, tính chất của vi phạm mà Viện Kiểm sát sẽ kháng nghị hoặc kiến nghị. Viện Kiểm sát kháng nghị những quyết định của Trại giam, Trại tạm giam những việc làm của cơ quan, đơn vị, người có trách nhiệm trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù hoặc những quyết định của Tòa án trong việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trái pháp luật. Nếu khi thấy những điều kiện, nguyên nhân để dẫn tới các vi phạm thì Viện Kiểm sát cần kiến nghị để Trại giam, Trại tạm giam có các biện pháp khắc phục, sửa chữa. Theo quy định của Quy chế tạm thời công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù thì hoạt động kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù bao gồm các hoạt động:

- Thường kỳ hoặc bất thường kiểm sát trực tiếp Trại giam, Phân trại giam;

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu của cơ quan cùng cấp và cấp dưới có trách nhiệm quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù;

- Gặp hỏi người chấp hành án phạt tù về việc giam giữ và các chế độ được hưởng đối với họ;

- Tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo về việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù;

- Yêu cầu cơ quan cùng cấp quản lý Trại giam, Phân trại giam kiểm tra những nơi đó và thông báo kết quả cho Viện Kiểm sát Nhân dân;

- Yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới và người có trách nhiệm thông báo tình hình quản lý và giáo dục ngwời chấp hành án phạt tù; trả lời về quyết định biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù;

- Kháng nghị đối với cơ quan cùng cấp và cấp dưới, yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật

trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên khi kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù

2.1 Kỹ năng kiểm sát trực tiếp Trại giam, Phân trại giam

Để thực hiện chức năng kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, Kiểm sát viên phải thường kỳ trực tiếp kiểm sát Trại giam, Phân trại giam. Thường kỳ trực tiếp kiểm sát là hoạt động diễn ra thường niên theo thời hạn 3 tháng hoặc 6 tháng trong đó cứ ba tháng một lần Kiểm sát viên phải kiểm tra từng mặt, sáu tháng kiểm tra toàn diện và có kết luận bằng văn bản. Trong đó kiểm sát từng mặt là việc Kiểm sát viên tiến hành kiểm sát tại chỗ từng vấn đề của công tác quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù như chế độ sinh hoạt; chế độ học tập hay lao động... của người chấp hành án phạt tù. Kiểm sát toàn diện được tiến hành một năm hai lần thông qua việc kiểm sát tất cả các mặt của hoạt động quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù. Việc kiểm sát thường kỳ trực tiếp luôn phải có quyết định của lãnh đạo Viện Kiểm sát và có kết luận bằng văn bản. Do vậy, trước khi tiến hành kiểm sát thường kỳ trực tiếp Trại giam, Phân trại giam, Kiểm sát viên cần chuẩn bị các nội dung và kế hoạch kiểm sát để báo cáo và đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát quyết định.

Ngoài ra, khi phát hiện thấy các dấu hiệu vi phạm pháp luật xảy ra ở trại giam, phân trại giam xét thấy cần kiểm sát ngay, Kiểm sát viên phải tiến hành kiểm sát ngay không kể là ngày hay đêm. Việc kiểm sát bất thường cũng phải có kết luận bằng văn bản để xác định nguyên nhân và hậu quả nếu có.

2.1.1 Chuẩn bị nội dung, xây dựng kế hoạch thường kỳ, bất thường kiểm sát Trại giam, Phân trại giam

Trước khi bất thường hoặc thường kỳ kiểm sát trực tiếp trại giam, Phân trại giam, Kiểm sát viên cần dự kiến các nội dung cần kiểm sát, nội dung kiểm sát phải phù hợp với yêu cầu của việc kiểm sát bất thường hay thường kỳ. Khi xây dựng kế hoạch kiểm sát phải

xác định thời gian tiến hành trừ việc bất thường kiểm sát trại giam, Phân trại giam.

Tùy việc kiểm sát thường kỳ từng mặt hay toàn diện mà Kiểm sát viên phải xác định một hay toàn bộ các vấn đề sau:

- Xem xét việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù có được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật không.

- Xem xét việc tiếp nhận người chấp hành án phạt tù vào Trại giam, Phân trại giam đúng quy định của pháp luật không, khi tiếp nhận hoạt động này phải có hồ sơ phạm nhân trong hồ sơ phải có đầy đủ quy định theo Điều 8 Nghị định 60/CP ban hành quy chế Trại giam.

- Xem xét việc thực hiện các quy định về thủ tục quản lý sau khi nhận người chấp hành án phạt tù vào Trại giam, Phân trại giam như khám sức khoẻ, thông báo cho Toà án và gia đình biết nơi thi hành án của bị án. Các thủ tục trích xuất v.v... có đúng theo quy định của pháp luật không.

- Xem xét việc cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù cho người chấp hành án phạt tù theo đúng quy định của pháp luật. Trả tự do khi người chấp hành án phạt tù hết hạn tù của Ban giám thị Trại giam, Phân trại giam.

- Kiểm sát nhằm bảo đảm việc thực hiện các chế độ đối với người chấp hành án phạt tù. Bảo đảm thực hiện chế độ ăn, ở, mặc, chế độ khám chữa bệnh, chế độ nhận quà; gửi, nhận thư; thăm gặp thân nhân; chế độ bảo hộ lao động; tai nạn lao động; gửi đơn thư khiếu nại tố cáo về việc giam giữ phạm nhân v.v... có đúng quy định của pháp luật không.

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ đối với phạm nhân, tổ chức giáo dục pháp luật, giáo dục công dân, dạy văn hoá, dạy nghề cho phạm nhân như kiểm tra việc phân loại và giam giữ theo loại đối với phạm nhân, việc quản lý canh gác, dẫn giải phạm nhân theo pháp lệnh thi hành án phạt tù; các vi phạm nội quy kỷ luật của phạm nhân; việc thực hiện công tác giáo dục công dân, giáo dục pháp luật,

dạy văn hoá, dạy nghề, tổ chức lao động cho phạm nhân; đánh giá nhận xét xếp loại thi đua chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân; thực hiện chế độ giảm hạn tù khi họ có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; chế độ khen thưởng kỷ luật đối với phạm nhân; chế độ tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù khi họ bị ốm nặng không có khả năng tiếp tục chấp hành án v.v...

- Kiểm sát bảo đảm tính mạng tài sản danh dự, nhân phẩm cho phạm nhân và các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

2.1.2 Phương pháp kiểm sát thường kỳ và bất thường trực tiếp tại Trại giam, Phân trại giam

Trong mỗi cuộc kiểm sát thường kỳ trực tiếp tại trại giam, phân trại giam có thể chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn một là nắm tình hình thu thập tài liệu, phát hiện ưu khuyết điểm, vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục phạm nhân. Giai đoạn hai, kiểm tra, xác minh các vi phạm pháp luật, làm rõ nguyên nhân vi phạm. Và cuối cùng là tổng hợp vi phạm đối chiếu với pháp luật để kết luận; làm rõ trách nhiệm của Viện Kiểm sát, cơ quan đơn vị và người để xảy ra vi phạm, xây dựng bản kết luận, tổ chức công bố kết luận tại cuộc họp với Ban giám thị trại giam.

- Nắm tình hình, thu thập tài liệu phát hiện ưu khuyết điểm, vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục phạm nhân.

Để quản lý tình hình chấp hành pháp luật ở trại giam, phân trại giam, Kiểm sát viên cần lập hồ sơ theo dõi quá trình chấp hành pháp luật của Trại giam, Trại tạm giam mình được kiểm sát. Hồ sơ này sẽ giúp Kiểm sát viên nắm được đặc điểm tình hình chấp hành pháp luật về quản lý giáo dục đối với phạm nhân trong Trại giam, Trại tạm giam; làm cơ sở để phúc tra việc thực hiện các kháng nghị của Viện Kiểm sát.

Ngoài ra, Kiểm sát viên có thể thu thập tài liệu qua các nguồn tin cá nhân, báo chí, đơn thư khiếu nại tố cáo về việc quản lý giam giữ và giáo dục phạm nhân hoặc nghe Ban giám thị Trại giam, Phân trại giam báo cáo về tình hình chấp hành pháp luật trong việc quản lý và giáo

dục phạm nhân. Báo cáo của Ban giám thị phải có những nội dung của kế hoạch kiểm sát thường kỳ của Viện Kiểm sát. Sau mỗi lần kiểm tra, Kiểm sát viên phải ghi chép vào sổ.

- Kiểm tra, xác minh các vi phạm pháp luật, làm rõ nguyên nhân vi phạm.

+ Kiểm tra thực tế tại các buồng giam nhà kỷ luật, nhà giam riêng, nơi lao động dạy nghề, nơi thăm gặp gia đình của phạm nhân, nơi bán hàng căng tin, bếp nấu ăn, nhà ăn của phạm nhân để phát hiện các vi phạm trong việc quản lý giam giữ, thực hiện chế độ đối với phạm nhân.

+ Kiểm tra hồ sơ, sổ sách, tài liệu về việc quản lý giáo dục phạm nhân. Đây là một yêu cầu quan trọng khi kiểm sát trực tiếp Trại giam. Qua nghiên cứu hồ sơ phạm nhân phát hiện các vi phạm trong quản lý giam giữ, trong thực hiện các chế độ đối với phạm nhân cũng như thực hiện các quyền của họ không bị pháp luật tước bỏ. Kiểm sát viên phải nghiên cứu các loại hồ sơ như hồ sơ phạm nhân trốn, phạm nhân chết, trích xuất, giảm hạn tù; hồ sơ kỷ luật, phạm tội mới v.v... Khi nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên cần phải nghiên cứu một cách tỉ mỉ, cẩn thận tránh việc xem xét một cách qua loa, đại khái. Kiểm sát viên phải đối chiếu giữa các số liệu về số lượng phạm nhân vào trại với số lượng đã ra trại, số lượng bỏ trốn hoặc chết (nếu có) để xác định chính xác số lượng phạm nhân hiện có. Trên cơ sở số liệu phạm nhân hiện có, Kiểm sát viên sẽ tính được các chi phí đã dùng cho sinh hoạt của phạm nhân. Khi nghiên cứu hồ sơ, phát hiện vi phạm, Kiểm sát viên phải lập biên bản xác nhận các vi phạm của cán bộ được giao nhiệm vụ và tìm nguyên nhân khách quan, chủ quan của vi phạm; làm rõ trách nhiệm vi phạm đó thuộc về ai.

+ Gặp hỏi phạm nhân; kiểm danh, kiểm diện phạm nhân khi cần thiết; kiểm tra bệnh xá, gặp hỏi cán bộ y tế xem tình hình ốm, bệnh hiểm nghèo của phạm nhân.

+ Kiểm tra nơi lao động, dạy nghề cho phạm nhân cũng có thể phát hiện nhiều vi phạm về quản lý giam giữ về canh gác, dẫn giải sử

dụng phạm nhân làm việc không theo yêu cầu công tác giáo dục cải tạo.

- Tổng hợp kết luận việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù.

Trong quá trình kiểm sát trực tiếp Trại giam, Kiểm sát viên phải luôn có ý thức phát hiện vi phạm, xác minh và làm rõ nguyên nhân, quy rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người có vi phạm. Có nhiều loại vi phạm và mức độ vi phạm có vi phạm chỉ dừng ở mức độ nhỏ, do nhiều nguyên nhân khách quan thì kết luận đúng thực trạng để kiến nghị. Các vi phạm vào các vấn đề được luật quy định về quản lý và giáo dục phạm nhân thì phải kháng nghị. Do đó trong kết luận phải nêu vi phạm, nguyên nhân vi phạm và kết luận vi phạm vào điều luật nào. Đây là yêu cầu quan trọng của việc tổng hợp kết luận vi phạm và kháng nghị.

2.1.3 Xây dựng bản kết luận

Bản kết luận kiểm sát trực tiếp Trại giam là một văn bản pháp lý làm cơ sở để kháng nghị, kiến nghị cơ quan có vi phạm nhằm yêu cầu đình chỉ, bãi bỏ quyết định vi phạm pháp luật, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật.

Bản kết luận thường được chia làm 4 phần:

Phần 1: Căn cứ pháp luật để kiểm sát thường kỳ trực tiếp Trại giam, Trại tạm giam. Phần này cần nêu căn cứ pháp luật để tiến hành kiểm sát trực tiếp là Điều 26, 27, 29 chương VI Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân. Trong phần này nêu rõ người tiến hành kiểm sát, chức năng pháp lý, chức danh; thời điểm kiểm sát và thời gian tiến hành cuộc kiểm sát.

Tóm tắt công việc trong suốt quá trình kiểm sát trực tiếp như nghe ai báo cáo; gặp hỏi ai về việc giam giữ.

Phần 2: Nêu số liệu về người chấp hành hình phạt tù như tổng số phạm nhân; số phạm nhân chết, bỏ trốn, được tha... và số phạm nhân còn đến ngày kiểm sát. Thống kê phân loại phạm nhân theo nhóm tội; theo mức án; phân loại sức khỏe của phạm nhân.

Phần 3: Nêu và phân tích tình hình chấp hành pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù. Trong phần này, Kiểm sát viên phải nêu và đánh giá được về các mặt như thủ tục nhận tổ chức quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, việc thực hiện các chế độ, việc đảm bảo quyền lợi của phạm nhân không bị pháp luật tước bỏ. Qua đó, Kiểm sát viên đánh giá được những ưu điểm chấp hành các quy định về quản lý và giáo dục phạm nhân; những vi phạm tồn tại trong việc quản lý giáo dục phạm nhân về các mặt nhận người đến chấp hành án phạt tù, quá trình giáo dục cải tạo của họ, thực hiện các thủ tục tha khi họ hết hạn tù v.v... Công tác quản lý phân loại giam giữ, công tác giáo dục công dân, giáo dục chính trị, dạy nghề v.v... đều phải được kết luận đúng sai, sai cái gì cụ thể. Nguyên nhân trách nhiệm của từng vi phạm. Vi phạm vào điều luật nào, Pháp lệnh, Nghị định, quyết định, quy chế nào.

Phần 4: Kháng nghị

Trong phần thứ tư của bản kết luận cần nêu rõ kháng nghị những hành vi mà Giám thị Trại giam cần khắc phục; cần ghi cụ thể các vi phạm. Lưu ý những vi phạm này phải thuộc trách nhiệm của Trại giam còn các vi phạm thuộc cơ quan khác sẽ có kháng nghị riêng.

2.2 Kỹ năng phát hiện và soạn thảo quyết định trả tự do cho phạm nhân bị giam giữ không có căn cứ và trái pháp luật

Theo quy định tại điểm 1 Điều 28 Luật tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân thì Viện Kiểm sát có trách nhiệm trả tự do cho phạm nhân bị giam giữ không có căn cứ và trái pháp luật. Viện trưởng Viện Kiểm sát ra quyết định trả tự do ngay khi người chấp hành hình phạt tù đã chấp hành xong thời hạn phạt tù ghi trong bản án nếu họ không bị tạm giam về một tội khác; người đã có quyết định giảm hết thời hạn chấp hành hình phạt tù; người đã có quyết định đặc xá của Chủ tịch nước; người đã có quyết định tạm đình chấp hành hình phạt tù; người bị bắt thi hành bản án đã hết thời hiệu.

Để phát hiện việc người thi hành án phạt tù bị giam giữ không có căn cứ và trái pháp luật, Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ phạm nhân, đặc biệt là bản án. Ngoài ra, khi gặp hỏi trực tiếp phạm nhân,

Kiểm sát viên cũng phải hỏi về vấn đề này để phát hiện vi phạm. Theo dõi đối chiếu giữa thời hạn chấp hành án và thời hạn được giảm để phát hiện kịp thời những người đã hết thời hạn thi hành án phạt tù.

Sau khi phát hiện được các trường hợp bị giam giữ không có căn cứ và trái pháp luật, Kiểm sát viên phải lập hồ sơ, báo cáo Viện trưởng, trình Viện trưởng ký và soạn thảo quyết định trả tự do cho phạm nhân.

Khi soạn thảo quyết định trả tự do cho phạm nhân bị giam giữ không có căn cứ và trái pháp luật, Kiểm sát viên phải đảm bảo hình thức đã được Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao ban hành. Về nội dung cần đảm bảo các vấn đề sau:

- Căn cứ để quyết định việc trả tự do;

- Họ tên và lý lịch người được trả tự do;

- Lý do;

- Người phải thi hành quyết định.

2.3. Kháng nghị các quyết định và việc làm vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù

Kháng nghị là biện pháp pháp lý quan trọng của Viện Kiểm sát khi kiểm sát trực tiếp Trại giam, Phân trại giam. Viện Kiểm sát kháng nghị với cơ quan cùng cấp, cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định về quản lý và giáo dục phạm nhân có vi phạm pháp luật. Chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật về quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù và yêu cầu xử lý người vi phạm. Những quyết định của Tòa án trong việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trái pháp luật.

Để xây dựng bản kháng nghị, Kiểm sát viên phải làm tốt các yêu cầu sau:

- Kết luận rõ vi phạm vào điều luật nào về quản lý và giáo dục phạm nhân (vi phạm vào BLHS, BLTTHS quy định về quản lý giáo dục phạm nhân, Pháp lệnh thi hành án phạt tù, Nghị định 60, quy chế trại giam và các Thông tư liên tịch, Bộ ngành...).

- Làm rõ nguyên nhân vi phạm, quy rõ trách nhiệm của cơ quan đơn vị và cá nhân vi phạm.

Đối với những vi phạm của Tòa án nhân dân về việc xét quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì Kiểm sát viên phải đề xuất kháng nghị theo trình tự phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm đối với các quyết định đó. Khi kháng nghị về quyết định của Tòa án nhân dân về việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hoặc giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù Kiểm sát viên cần lưu ý thời hạn kháng nghị để đề xuất hình thức kháng nghị cho phù hợp và phải dự thảo quyết định kháng nghị theo mẫu do Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đã ban hành.

Thông thường bản kháng nghị có 3 phần: phần căn cứ về thẩm quyền kháng nghị, phần trình bày vi phạm và quy rõ đối tượng vi phạm, trách nhiệm thuộc ai vi phạm điều luật nào, phần đề xuất kháng nghị nói rõ yêu cầu cái gì khắc phục, sửa chữa, bãi bỏ, đình chỉ, chấm dứt việc làm gì vi phạm.

Kháng nghị vi phạm trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù có nhiều loại kháng nghị như: kháng nghị quyết định giảm hạn tù trái pháp luật, kháng nghị quyết định tạm đình chỉ thi hành án trái pháp luật, kháng nghị quyết định kỷ luật phạm nhân trái pháp luật, kháng nghị việc làm trái pháp luật của cơ quan đơn vị trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù...

2.4. Kỹ năng phát hiện các vụ phạm tội mới và các vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong trại giam, phân trại giam

Để phát hiện các vụ phạm tội mới và các vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong Trại giam, Phân trại giam, Kiểm sát viên phải nắm bắt được các nguồn tin liên quan đến dấu hiệu tội phạm xảy ra như:

- Qua các nguồn tin báo chí, đơn tố giác thu thập từ ngoài xã hội.

- Gặp hỏi phạm nhân trong Trại giam, Phân trại giam.

- Đọc hồ sơ phạm nhân trong Trại giam, Phân trại giam.

- Kiểm tra nơi ăn ở lao động của phạm nhân.

- Xác định hành vi và lỗi của hành vi.

Khi xác định được các dấu hiệu tội phạm, Kiểm sát viên cần phân loại hành vi vi phạm để xác định đó là hành vi vi phạm hành chính hay là tội phạm. Cần phân biệt hành vi đó là tội phạm mới xảy ra ở trong Trại giam, Phân trại giam hay là hành vi phạm tội của phạm nhân trước khi vào trại.

Hành vi phạm tội xảy ra trong Trại giam, Phân trại giam có hai loại: hành vi phạm tội thông thường mà đối tượng phạm tội là các phạm nhân như trốn khỏi nơi giam giữ, cố ý gây thương tích, giết người, đánh bạc, tội phạm về ma tuý, tội đánh tháo người bị giam giữ, trộm cắp...; hành vi phạm tội xâm phạm đến hoạt động tư pháp là các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đối với việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù của cán bộ nhân viên làm công tác tư pháp như: Tội tha trái pháp luật người bị giam giữ, Tội dùng nhục hình, Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn giam giữ trái pháp luật, Tội thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn...

Kiểm sát viên sau khi nhận được thông tin có dấu hiệu phạm tội trong Trại giam, Phân trại giam cần tiến hành xác minh ban đầu, thu thập tài liệu, chứng cứ lập hồ sơ ban đầu làm căn cứ khởi tố vụ án hoặc làm căn cứ để kháng nghị Cơ quan Điều tra khởi tố vụ án tuỳ theo tính chất của từng vụ phạm tội. Đối với các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, Kiểm sát viên phải đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát làm công văn báo cáo Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao xem xét, giải quyết.

2.5. Kỹ năng kiểm sát việc đề nghị và quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Theo Quy chế tạm thời về công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù, khi kiểm sát việc giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, Kiểm sát viên phải kiểm sát các hoạt động sau:

- Kiểm sát việc đề nghị tạm đình chỉ thi hành án phạt tù của Giám thị Trại tạm giam, Trại giam; giảm thời hạn hình phạt tù, đặc xá của Cơ quan quản lý công tác thi hành án phạt tù.

- Kiểm sát việc xét quyết định tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Tòa án nhân dân.

Để kiểm sát việc đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Giám thị Trại tạm giam, Trại giam, khi nhận được hồ sơ do Cơ quan Công an chuyển đến, Kiểm sát viên phải trực tiếp đến Trại tạm giam, Trại giam yêu cầu Giám thị cung cấp hồ sơ phạm nhân được đề nghị để kiểm tra, xem xét những vấn đề có liên quan đến việc xét giảm. Khi xem xét, Kiểm sát viên cần chú ý các điều kiện sau:

- Đã chấp hành được một phần ba thời hạn hình phạt tù, đối với tù chung thân phải thi hành được ít nhất là 12 năm (đối với trường hợp xét giảm lần đầu);

- Có nhiều tiến bộ trong quá trình cải tạo, lao động;

- Việc giảm hình phạt vẫn đảm bảo người phải thi hành án phạt tù phải chấp hành một phần hai mức án đã tuyên.

Sau khi thấy đề nghị của Giám thị Trại giam, Trại tạm giam là có căn cứ và chính xác, Kiểm sát viên phải làm văn bản đề xuất ý kiến để lãnh đạo Viện Kiểm sát ký và chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân.

Đối với đề nghị của Giám thị Trại giam, Trại tạm giam về việc tạm đình chỉ thi hành án trong trường hợp phạm nhân bị bệnh nặng và phạm nhân là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, khi nhận được hồ sơ, Kiểm sát viên có trách nhiệm đến trại thẩm định. Nếu đúng thì Kiểm sát viên làm văn bản đề xuất để lãnh đạo Viện Kiểm sát ký và gửi cho Tòa án để xem xét quyết định. Sau khi có quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù của Tòa án thì Kiểm sát viên phải chuyển cho Vụ kiểm sát thi hành án một bản và Vụ 4 Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao một bản.

Trong quá trình kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù nếu phát hiện thấy phạm nhân có đủ điều kiện được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì Kiểm sát viên phải kháng nghị yêu cầu Giám thị đề nghị Tòa án nhân dân tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Nếu có phạm nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thì Kiểm sát viên đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát yêu

cấu Giám thị báo cáo Cơ quan công an quản lý Trại giam, Trại tạm giam đề nghị Tòa án Nhân dân giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho họ.

Khi hồ sơ tạm đình chỉ, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được chuyển sang Tòa án, Kiểm sát viên phải kiểm sát việc xét, quyết định tạm đình chỉ, giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của Tòa án để phát hiện các quyết định trái pháp luật nhằm tham mưu cho lãnh đạo Viện Kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm.

2.6. Xây dựng hồ sơ kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù

Trong quá trình kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù, Kiểm sát viên phải xây dựng hệ thống sổ theo dõi và hồ sơ về vấn đề này.

Theo quy định của Quy chế tạm thời về công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù thì Kiểm sát viên phải xây dựng sổ kiểm sát việc quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù, sổ theo dõi chuyên đề trong đó có các nội dung như tình hình phạm nhân trốn, chết, phạm tội mới, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù... và sổ theo dõi kết quả áp dụng các biện pháp pháp luật để loại trừ vi phạm.

Ngoài việc ghi chép các vấn đề mà Quy chế quy định trong hệ thống sổ theo dõi, Kiểm sát viên còn phải lập hồ sơ theo dõi tình hình chấp hành pháp luật trong việc quản lý, giáo dục người thi hành án phạt tù. Hồ sơ gồm các tài liệu được thu thập trong quá trình kiểm sát trực tiếp Trại giam, Trại tạm giam: về phạm nhân trốn, chết, phạm tội mới; về việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; các tài liệu kháng nghị các quyết định của Tòa án; các tài liệu thể hiện sự vi phạm pháp luật và biện pháp pháp luật mà Viện Kiểm sát đã áp dụng.

Khi xây dựng hồ sơ, Kiểm sát viên phải sắp xếp các tài liệu trong hồ sơ theo thứ tự thời gian, vụ việc để tiện cho việc nghiên cứu và xử lý giải quyết. Các tài liệu phải phân loại và sắp xếp theo nhóm nội dung như thành các file về vấn đề phạm nhân trốn, phạm nhân chết hoặc nhóm các quyết định của Tòa án có liên quan... Việc sắp xếp, xây dựng hồ sơ khoa học sẽ giúp Kiểm sát viên nắm bắt các thông tin dễ dàng và dễ tìm.

CHƯƠNG 17
KỸ NĂNG KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN HÀNH SỰ

Kiểm sát thi hành án là một trong những công tác thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát Nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Công tác kiểm sát thi hành án bao gồm kiểm sát thi hành án hình sự; kiểm sát thi hành án dân sự và các loại án khác.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc thi hành các bản án, quyết định của Toà án đối với toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cho nên kiểm sát thi hành án nói chung, thi hành án hình sự nói riêng có ý nghĩa quan trọng. Một bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật mà không được thi hành thì toàn bộ hoạt động trước đó đều trở nên vô nghĩa. Công tác kiểm sát thi hành án hình sự không chỉ nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động thi hành án mà còn góp phần đảm bảo các bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh.

1. Một số vấn đề chung về kiểm sát thi hành án hình sự

Với tư cách là một lĩnh vực hoạt động tư pháp, công tác kiểm sát thi hành án hình sự là một nội dung của công tác kiểm sát thi hành án của Viện Kiểm sát Nhân dân, nhằm thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện Kiểm sát; công tác kiểm sát thi hành án hình sự có nội dung là kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Toà án nhân dân, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành các bản án và quyết định của Toà án nhân dân, bảo đảm những bản án và quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời.

Căn cứ quy định tại Điều 23 của Luật Tổ chức Viện Kiểm sát Nhân dân: "Viện Kiểm sát Nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Toà án nhân dân, cơ quan thi hành án, chấp hành viên, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án và quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật và những bản án, quyết định được thi hành ngay theo quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm các bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp

thời". Như vậy, đối tượng kiểm sát của công tác kiểm sát thi hành án hình sự là việc tuân theo pháp luật của Toà án nhân dân, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thi hành các bản án và quyết định hình sự của Toà án.

Theo quy định trên, đối tượng kiểm sát của công tác kiểm sát thi hành án là việc tuân theo pháp luật của các chủ thể sau:

- Toà án nhân dân: đây là một chủ thể quan trọng trong hoạt động thi hành án hình sự, bởi lẽ rất nhiều quyết định pháp lý quan trọng trong thi hành án hình sự do Toà án có thẩm quyền ban hành như quyết định đưa bản án ra thi hành án, hoãn thi hành án phạt tù, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời gian chấp hành hình phạt, xoá án tích v.v...

- Cơ quan thi hành án hình sự: Đây là một khái niệm chung để chỉ những cơ quan có chức năng thi hành án hình sự như: các trại giam do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở chuyên khoa y tế, hội đồng thi hành án tử hình v.v...

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thi hành các bản án và quyết định hình sự như Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nơi có người bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo, phạt cải tạo không giam giữ. Ngoài ra việc tuân theo pháp luật của chính các đối tượng như người bị kết án cũng là đối tượng kiểm sát của công tác kiểm sát thi hành án. Tuy nhiên, đối tượng kiểm sát cơ bản là việc tuân theo pháp luật của Toà án nhân dân, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trong việc thi hành án hình sự.

Đối tượng kiểm sát của công tác kiểm sát thi hành án còn thể hiện qua việc tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thi hành các bản án và quyết định của Toà án, đó là việc tuân thủ pháp luật trong việc thi hành các bản án tử hình, phạt tù, cải tạo không giam giữ, trục xuất; trong việc thi hành các bản án phạt tù nhưng cho hưởng án treo; các việc thi hành án cụ thể như việc ra quyết định thi hành án, việc thi hành các loại hình phạt cụ thể, việc xét miễn, giảm thời gian chấp hành hình phạt, cho hưởng thời hiệu thi hành án, hoãn hoặc tạm đình chỉ thi hành án phạt tù...

Theo Điều 4 Quy chế công tác kiểm sát thi hành án thì phạm vi kiểm sát thi hành án hình sự được bắt đầu từ khi bản án, quyết định hình sự có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực nhưng được thi hành ngay theo quy định của pháp luật và kết thúc khi bản án, quyết định hình sự được thi hành xong và người bị kết án được xoá án tích. Đây là quy định chung về phạm vi kiểm sát của công tác kiểm sát thi hành án hình sự. Tuy nhiên, tuỳ theo mỗi loại bản án có trình tự, thủ tục thi hành khác nhau nên phạm vi kiểm sát cũng có thể khác nhau, ví dụ như kiểm sát việc thi hành án tử hình thì phạm vi kiểm sát không bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà từ khi bản án tử hình có hiệu lực thi hành (sau khi Chánh án Toà án nhân dân Tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao trả lời không kháng nghị bản án tử hình đó và nếu người bị kết án xin Chủ tịch nước ân giảm thì sau khi Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm).

Trong lĩnh vực kiểm sát việc thi hành án phạt tù thì công tác kiểm sát thi hành án bắt đầu từ khi bản án phạt tù của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi đưa người bị kết án vào trại giam và từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt, ra khỏi trại giam và cho đến khi họ được xoá án tích. Những hoạt động thi hành án phạt tù trong thời gian từ khi người bị kết án vào trại giam cho đến khi họ ra khỏi trại là đối tượng kiểm sát của công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù. Để phân định phạm vi của từng công tác kiểm sát thì Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đã ban hành Chỉ thị số 03/2004/CT-VKSTC-V10 ngày 15/4/2004.

2. Kỹ năng kiểm sát thi hành án hình sự

2.1. Kỹ năng kiểm sát việc ra quyết định thi hành án hình sự

Kiểm sát việc ra quyết định thi hành án nhằm bảo đảm việc ra quyết định thi hành án phải đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật và nghiêm minh, hạn chế những trường hợp quên hoặc chậm ra quyết định thi hành án.

Khi kiểm sát việc ra quyết định thi hành án, Kiểm sát viên phải kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của việc ra quyết định thi hành án.

Việc ra quyết định thi hành án phải bảo đảm có đầy đủ các căn cứ sau đây:

- Có bản án của Toà án đã có hiệu lực thi hành (chú ý có những bản án có hiệu lực pháp luật đồng thời cũng có nghĩa là có hiệu lực thi hành nhưng cũng có những bản án và quyết định tuy đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có hiệu lực thi hành); các bản án đó phải còn thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật; đối tượng cần phải thi hành án đúng là người bị kết án trong bản án cần thi hành.

- Việc ra quyết định thi hành án phải bảo đảm đúng thủ tục như: đúng thời hạn theo quy định của BLTTHS là 7 ngày kể từ ngày bản án và quyết định sơ thẩm hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị mà không có kháng cáo, kháng nghị hoặc kể từ ngày nhận được bản án và quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm; đúng thẩm quyền: Chánh án Toà án đã xử sơ thẩm vụ án đó hoặc Chánh án Toà án khác cùng cấp được uỷ quyền mới có quyền ra quyết định thi hành án. Quyết định thi hành án phải được gửi cho những cơ quan và người theo quy định của BLTTHS.

Để kiểm sát vấn đề này, Kiểm sát viên cần theo dõi thời điểm bản án và quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật. Cách thức theo dõi là chủ động nắm bắt các bản án có hiệu lực pháp luật thông qua quan hệ phối hợp với công tác kiểm sát xét xử hình sự. Mặt khác, Kiểm sát viên cần chủ động nắm bắt các trường hợp Toà án uỷ thác thi hành án để biết thời điểm bản án được uỷ thác và ra quyết định thi hành án. Ngoài ra, Kiểm sát viên cần chủ động yêu cầu Toà án cung cấp đầy đủ các quyết định thi hành án.

Kiểm sát viên cần ghi lại thường xuyên và đầy đủ các quyết định thi hành án của Toà án. Qua đó, Kiểm sát viên có thể phát hiện ra những bản án chưa có quyết định thi hành án, thời hạn ra quyết định đã hết hay sắp hết để có biện pháp kịp thời tác động.

2.2 Kỹ năng trực tiếp kiểm sát thi hành án hình sự

Trong quá trình trực tiếp kiểm sát, Kiểm sát viên có thể trực tiếp kiểm sát thường xuyên hoặc bất thường. Khi trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại Cơ quan thi hành án hình sự hoặc đối với cơ

quan, tổ chức, đơn vị thì quá trình trực tiếp kiểm sát phải có các bước sau:

- *Bước thứ nhất:* Chuẩn bị

Kiểm sát viên xây dựng dự thảo kế hoạch trực tiếp kiểm sát trong đó nêu rõ lý do tại sao cần trực tiếp kiểm sát; nội dung kiểm sát vấn đề gì; thời gian và thời điểm kiểm sát; thành viên tham gia đoàn kiểm sát, dự kiến phân công trách nhiệm của từng thành viên, sau đó báo cáo dự thảo kế hoạch này cho lãnh đạo Viện Kiểm sát để xem xét. Khi lãnh đạo Viện Kiểm sát đồng ý thì Kiểm sát viên đề xuất ban hành quyết định trực tiếp kiểm sát rồi gửi bản kế hoạch kiểm sát và quyết định trực tiếp kiểm sát cho cơ quan, tổ chức, đơn vị sẽ kiểm sát. Kiểm sát viên phải chuẩn bị các tài liệu, văn bản cần thiết phục vụ cho hoạt động kiểm sát, ví dụ như các tài liệu phản ánh về vi phạm của đối tượng trong hoạt động thi hành án mà Viện Kiểm sát Nhân dân đã nắm được, những văn bản pháp luật làm cơ sở kết luận về hoạt động của đối tượng.

- *Bước thứ hai:* Trực tiếp kiểm sát tại cơ quan, đơn vị, tổ chức

Khi bắt đầu các hoạt động trực tiếp kiểm sát, Đoàn kiểm sát nghe cơ quan bị kiểm sát báo cáo về tình hình hoạt động thi hành án của họ trong thời gian qua. Trong quá trình trực tiếp kiểm sát, tuỳ theo vụ việc mà Kiểm sát viên có thể tiến hành các hoạt động như kiểm tra sổ sách, hồ sơ thi hành án; kiểm tra quỹ, kiểm tra kho bảo quản tài sản, vật chứng; kiểm tra hoặc phong toả tài khoản tạm gửi của cơ quan, tổ chức; gặp hỏi những cá nhân có liên quan.

Sau khi nhận thấy kết quả kiểm sát đã cơ bản hoàn thành, Kiểm sát viên tập hợp kết quả kiểm tra để chuẩn bị dự thảo kết luận. Trong bản kết luận cần nêu rõ lý do, nội dung của quyết định trực tiếp kiểm sát, nội dung của kế hoạch trực tiếp kiểm sát, số lượng thành viên tham gia, quá trình kiểm sát, các hoạt động đã tiến hành, những mặt làm được và chưa làm được trong hoạt động thi hành án; nguyên nhân của những kết quả và tồn tại, những kiến nghị, đề nghị của Viện Kiểm sát. Sau khi chuẩn bị xong bản kết luận, Kiểm sát viên gửi trước cho cơ quan bị trực tiếp kiểm sát để họ trao đổi, giải trình thêm và nếu nội

dung giải trình có cơ sở thì có thể sửa đổi, bổ sung đánh giá của Viện Kiểm sát trong kết luận.

- *Bước thứ ba:* Công bố kết luận

Đây là hoạt động không chỉ đến cơ quan bị kiểm sát để đọc bản kết luận mà còn là hoạt động tiếp tục đấu tranh với các quan điểm sai trái, do vậy Kiểm sát viên cần dự tính trước các thành viên cần tham gia về phía Viện Kiểm sát cũng như về phía cơ quan bị kiểm sát. Thông thường về phía Viện Kiểm sát có đại diện lãnh đạo Viện, các thành viên tham gia đoàn kiểm sát và về phía cơ quan bị kiểm sát có đại diện cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan bị kiểm sát, đại diện lãnh đạo của cơ quan bị kiểm sát và các thành viên có liên quan đến nội dung kết luận.

Sau khi công bố kết luận, trên cơ sở các vi phạm pháp luật và tính chất mức độ vi phạm mà Viện Kiểm sát có thể ban hành bản kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm, sửa chữa khuyết điểm trong hoạt động thi hành án, khắc phục các hậu quả do vi phạm gây ra.

Trực tiếp kiểm sát là một hoạt động mà khi triển khai thông thường đem lại hiệu quả cao, tuy nhiên, việc áp dụng cũng phải linh hoạt, đồng bộ với các hoạt động khác. Kiểm sát viên cần chú ý do sự phân định phạm vi kiểm sát giữa công tác kiểm sát thi hành án với công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù như đã nêu ở trên nên công tác kiểm sát thi hành án hình sự không trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các trại giam.

2.3. Kiểm sát việc thi hành án tử hình

Việc kiểm sát thi hành án tử hình nhằm bảo đảm việc thi hành án tử hình được đúng người, đúng pháp luật, nghiêm minh.

Trước hết, kiểm sát việc thi hành án tử hình là kiểm sát các điều kiện của việc ra quyết định thi hành án tử hình. Việc đưa bản án tử hình ra thi hành phải có đủ các điều kiện như: bản án đó đã có hiệu lực pháp luật, đã có quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát

Nhân dân Tối cao, có quyết định bác đơn xin ân giảm của Chủ tịch nước (trong trường hợp người bị kết án có đơn xin Chủ tịch nước ân giảm).

Kiểm sát đối tượng bị thi hành án tử hình là phụ nữ: trong trường hợp này cần kiểm tra điều kiện áp dụng hình phạt tử hình với họ có vi phạm hay không và có thuộc trường hợp không đủ điều kiện thi hành án tử hình được quy định tại Điều 35 BLHS hay không. Nếu người bị kết án thuộc một trong các trường hợp không được áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình thì Viện Kiểm sát cần áp dụng các quyền hạn theo quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề này. Đại diện Viện Kiểm sát tham gia Hội đồng Thi hành án tử hình phải có ý kiến với Chủ tịch Hội đồng để báo cáo Chánh án Toà án đã ra quyết định thi hành án và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét. Vấn đề này cũng phải được báo cáo ngay cho Viện trưởng Viện Kiểm sát cùng cấp và Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp trên.

Kiểm sát việc thành lập Hội đồng thi hành án tử hình để bảo đảm Hội đồng đúng thành phần và tiến hành các hoạt động cần thiết, nhất là kiểm tra căn cước, lý lịch của người bị thi hành án, công tác chuẩn bị cho việc thi hành hình phạt tại pháp trường.

Kiểm tra căn cước lý lịch của người bị thi hành án tử hình để bảo đảm đúng đối tượng. Bản thân Kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc thi hành án tử hình phải khẳng định tính đúng đắn về đối tượng cần thi hành án. Đại diện Viện Kiểm sát tham gia Hội đồng thi hành án tử hình cũng phải kiểm tra trực tiếp vấn đề này.

Kiểm sát việc hoãn thi hành án tử hình để bảo đảm việc hoãn đó được đúng pháp luật, có căn cứ. Khi phát hiện có một trong những trường hợp sau đây thì Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát cấp mình và báo cáo Hội đồng thi hành án tử hình (nếu đã được thành lập) để xem xét việc hoãn thi hành án:

- Người bị kết án kêu oan mà xét thấy việc kêu oan là có căn cứ;

- Người bị kết án tố cáo tội phạm nghiêm trọng khác mà xét thấy cần có mặt họ trong quá trình điều tra tội phạm này;

- Người bị kết án tự thú về tội phạm khác mà xét thấy cần có mặt họ trong quá trình điều tra vụ án đó;

- Phát hiện thấy có những vi phạm trong điều kiện áp dụng hình phạt tử hình đối với người bị kết án hoặc vi phạm điều kiện thi hành án tử hình theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát việc thi hành án tử hình tại pháp trường: Để bảo đảm việc thi hành án đúng đối tượng, đúng thủ tục, nghiêm minh, Kiểm sát viên phải chú ý thành phần những người phải có mặt khi thi hành án theo quy định của pháp luật (các thành viên trong Hội đồng thi hành án tử hình, đại diện của chính quyền địa phương nơi thi hành án, bác sỹ pháp y); các thủ tục thi hành án tại pháp trường phải được bảo đảm như trước khi thi hành hình phạt tử hình bằng xử bắn, người bị thi hành án phải được đọc các quyết định pháp lý có liên quan như quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm và tái thẩm của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao, của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, quyết định bác đơn xin ân giảm của Chủ tịch nước (nếu có), quyết định thi hành án; việc thi hành án phải được lập biên bản có đầy đủ chữ ký của những người có trách nhiệm.

Sau khi án tử hình được thi hành, Kiểm sát viên cần hoàn tất một số công việc như báo cáo bằng văn bản kết quả thi hành án cho Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (Vụ 10), hoàn thiện hồ sơ kiểm sát thi hành án để lưu trữ, phối hợp với Toà án để giải quyết việc gia đình người bị thi hành án xin mai táng theo phong tục (nếu có).

Khi kiểm sát thi hành án tử hình, Viện Kiểm sát cần cử Kiểm sát viên chuyên trách kiểm sát. Kiểm sát viên phải trực tiếp kiểm tra căn cước lý lịch của người bị kết án, yêu cầu cơ quan Công an, Toà án cung cấp những tài liệu cần thiết để kiểm tra, kịp thời báo cáo lãnh đạo những vấn đề có vướng mắc hoặc nghi ngờ có vi phạm pháp luật. Kiểm sát viên phải vào sổ chuyên theo dõi thi hành án tử hình, trong đó ghi chép đầy đủ các thông tin về vụ việc cũng như chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo sau khi kết thúc kiểm sát việc thi hành án tử hình.

2.4. Kiểm sát việc thi hành án phạt tù

Khi kiểm sát việc thi hành án phạt tù, Kiểm sát viên phải kiểm sát các vấn đề sau đây:

- Kiểm sát việc ra quyết định thi hành án phạt tù.

- Kiểm sát việc hoãn thi hành án phạt tù. Kiểm sát viên phải chủ động nắm bắt những trường hợp thi hành án phạt tù được Toà án cho hoãn, ghi chép vào sổ thi hành án nói chung và sổ theo dõi thi hành án phạt tù nói riêng. Yêu cầu Toà án cung cấp hồ sơ tài liệu hoãn thi hành án phạt tù để Viện Kiểm sát kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của việc hoãn. Nếu phát hiện thấy Toà án ra quyết định hoãn thi hành án phạt tù trái pháp luật thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Viện để kháng nghị yêu cầu Toà án chấm dứt việc hoãn thi hành án và ra quyết định thi hành án đối với người bị kết án. Người bị kết án phạt tù đang tại ngoại có thể được hoãn trong những trường hợp sau:

+ Người bị kết án bị bệnh nặng. Theo Thông tư 03/TTLN ngày 30/6/1993 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh thi hành án phạt tù thì đây là trường hợp người bị kết án bị ốm đến mức không thể đi chấp hành hình phạt tù được, nếu bắt họ đi chấp hành có thể nguy hiểm đến tính mạng. Việc kết luận họ có ốm nặng hay không phải do Hội đồng Giám định y khoa kết luận. Hội đồng này có thể do Viện Kiểm sát hoặc Toà án lập nhưng chi phí giám định do người bị kết án chịu.

+ Người bị kết án là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

+ Người bị kết án là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

+ Người bị kết án về tội ít nghiêm trọng, do nhu cầu công việc cần hoãn thi hành án.

- Kiểm sát việc bắt người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù. việc bắt người bị kết án đi chấp hành hình phạt là trách nhiệm của cơ quan Công an, khi bắt người, cơ quan Công an có trách nhiệm thông báo cho Toà án biết. Trong những trường hợp chưa bắt được thì Kiểm sát viên phải chủ động tìm hiểu lý do tại sao Cơ quan công an không có trách nhiệm báo cáo với Viện Kiểm sát.

- Kiểm sát viên phải lưu ý việc phối hợp với đơn vị nghiệp vụ kiểm sát việc quản lý giáo dục người chấp hành án phạt tù để nắm bắt những trường hợp người bị kết án được tạm đình chỉ và ra khỏi trại giam để theo dõi, quản lý.

- Đối với những trường hợp người bị kết án phạt tù nhưng hiện chưa đi chấp hành án, Kiểm sát viên phải báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát có biện pháp chủ động phối hợp với Toà án để rà soát lại các đối tượng đó, phân loại các đối tượng này để có biện pháp xử lý như: yêu cầu cơ quan Công an ra quyết định truy nã hoặc tổ chức kiểm tra nơi người trốn thi hành án cư trú, vận động người thân của các đối tượng thuyết phục đối tượng ra chấp hành án.

2.5. Kiểm sát việc thi hành án treo, án phạt cải tạo không giam giữ

Việc thi hành hai loại án này có đặc điểm chung là người bị kết án được thi hành bản án tại nơi cư trú hoặc tại cơ quan, tổ chức nơi làm việc; việc thi hành hai loại bản án này có sự tham gia của chính quyền địa phương với tư cách là cơ quan có liên quan và có trách nhiệm tổ chức thi hành án. Để kiểm sát, Viện Kiểm sát phải có sổ theo dõi việc thi hành hai loại bản án này.

Kiểm sát viên có thể trực tiếp kiểm sát tại cơ quan, địa phương nơi có người bị kết án đang chấp hành bản án để nắm bắt hoạt động thi hành án tại đây. Việc trực tiếp kiểm sát có thể tiến hành theo định kỳ thời gian. Nếu phát hiện có vi phạm pháp luật như: chính quyền địa phương không cử người giám sát, theo dõi, giáo dục người bị kết án, không có những hoạt động quản lý người bị kết án v.v. thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát phải kháng nghị hoặc kiến nghị yêu cầu khắc phục, chấn chỉnh các vi phạm.

Ngoài việc sử dụng quyền trực tiếp kiểm sát, Kiểm sát viên có thể định kỳ theo thời gian, sử dụng quyền yêu cầu cơ quan chính quyền địa phương nơi có người thi hành án tự kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra cho Viện Kiểm sát biết. Sau khi có báo cáo kết quả kiểm tra, Viện Kiểm sát đánh giá và xử lý các thông tin để phát hiện vi phạm pháp luật và có biện pháp khắc phục.

2.6. Kiểm sát việc thi hành hình phạt trục xuất

Để kiểm sát việc thi hành hình phạt trục xuất, Kiểm sát viên phải chủ động nắm được những trường hợp phải thi hành án trục xuất, phối hợp với cơ quan có trách nhiệm thi hành án để giám sát việc thi hành án hoặc yêu cầu cơ quan này cung cấp các tài liệu, văn bản có liên quan để kiểm sát. Sau khi việc thi hành án trục xuất đã hoàn thành, Kiểm sát viên phải ghi vào sổ theo dõi, đồng thời xây dựng hồ sơ kiểm sát về trường hợp thi hành án đó để lưu trữ.

2.7. Kiểm sát việc xoá án tích

Để kiểm sát việc xoá án tích một cách chủ động, Viện Kiểm sát phải mở sổ theo dõi những người đã chấp hành xong bản án hoặc quyết định của Toà án để có thể chủ động yêu cầu Toà án cấp giấy chứng nhận xoá án tích cho họ.

Trong trường hợp nhận được đơn của người đã chấp hành xong bản án của Toà án xin xoá án tích, Kiểm sát viên cần nghiên cứu kỹ hồ sơ thi hành án của họ để đối chiếu với quy định của pháp luật xem họ đã có đủ điều kiện xoá án tích hay chưa. Nếu thấy họ đã có đủ điều kiện xoá án tích thì đề nghị Toà án cấp giấy chứng nhận xoá án tích cho họ.

2.8. Kiểm sát việc Toà án cho người bị kết án hưởng thời hiệu thi hành án

Để kiểm sát được vấn đề này, Kiểm sát viên phải chủ động nắm bắt được những trường hợp Tòa án cho người bị kết án hưởng thời hiệu thi hành án và yêu cầu Toà án cung cấp các tài liệu để làm rõ căn cứ, điều kiện cho hưởng thời hiệu, qua đó phát hiện ra các vi phạm pháp luật trong việc cho hưởng thời hiệu thi hành án để áp dụng các quyền hạn khác nhằm khắc phục các vi phạm đó.

Trong những nội dung kiểm sát thi hành án hình sự nói trên, Kiểm sát phải xác định rõ từng nội dung, xem nội dung nào cần kiểm sát thường xuyên, nội dung nào kiểm sát định kỳ, nội dung nào phát sinh bất thường, nội dung nào là vấn đề trọng tâm trọng điểm ở địa phương để có kế hoạch phân bổ lực lượng hợp lý cho mỗi hoạt động. Những hoạt động quan trọng như kiểm sát việc ra quyết định thi hành án, kiểm sát việc thi hành án tử hình, việc khắc phục tình trạng người bị kết án phạt tù trốn thi hành án... luôn đòi hỏi Kiểm sát viên phải lưu tâm trau dồi và rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ của mình.

PHẦN 4
KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG MỘT SỐ LOẠI ÁN CỤ THỂ

CHƯƠNG 18
KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người

1.1. Đặc điểm của các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm và danh dự của con người.

- Đa số các hành vi nguy hiểm xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người được thực hiện bằng những hành động cụ thể như người phạm tội dùng các vũ khí như súng, lựu đạn hoặc công cụ phương tiện như dao, kiếm, gạch, côn gỗ... tác động vào cơ thể con người gây ra những tổn hại về sức khỏe hoặc tính mạng của người đó.

- Các hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người thường được thực hiện bằng lời nói, bằng cử chỉ hành động xâm phạm đến danh dự, uy tín của người bị hại.

- Một số tội phạm ở chương này thì hành vi phạm tội lại thể hiện ở việc không hành động, tức là không làm một việc theo trách nhiệm phải làm nên đã gây ra những tổn hại cho người bị hại (ví dụ như hành vi không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng - Điều 102 BLHS).

- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm này là gây ra những tổn hại về thể chất như: chết người, tổn hại về sức khỏe... hoặc gây tổn hại về tinh thần như xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của con người...

- Đa số các tội phạm ở chương này có cấu thành vật chất, tức là phải có hậu quả xảy ra thì tội phạm mới được coi là hoàn thành. Vì vậy, để truy cứu trách nhiệm hình sự về những tội này thì cần phải làm rõ mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả do chính hành vi phạm tội đó gây ra.

- Chủ thể của tội phạm là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định (căn cứ Điều 12 Bộ luật hình sự

năm 1999 quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Điều 13 quy định về tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự).

Tuy nhiên, có một số tội phạm ngoài dấu hiệu chung ra còn có các dấu hiệu đặc biệt như người đang thi hành công vụ (Điều 97, Điều 107), người có quyền hành nhất định đối với người bị lệ thuộc (Điều 100, Điều 110).

Phần lớn các tội phạm ở chương này được thực hiện do lỗi cố ý như tội giết người (Điều 93), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (Điều 104)... nhưng cũng có một số tội phạm được thực hiện do lỗi vô ý như tội vô ý làm chết người (Điều 98); vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (Điều 108)...

Cá biệt, có một số tội phạm còn được thực hiện do lỗi cố ý (gián tiếp) như tội bức tử (Điều 100), tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 107).

Ở một số tội, mục đích và động cơ phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành của tội phạm như tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106).

Ở một số tội, động cơ hoặc mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tăng nặng như động cơ đê hèn (điểm q Khoản 1 Điều 93 - tội giết người, điểm e Khoản 2 Điều 120 tội mua bán đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em).

Một số điểm cần chú ý là hành vi phạm tội được quy định tại Khoản 1 các Điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121 và Điều 122 Bộ luật hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại.

1.2. Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của con người

Mặc dù đã có những văn bản hướng dẫn của liên ngành trung ương, nhưng trong thực tiễn việc đấu tranh phòng chống các tội phạm

xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm và danh dự của con người, vẫn còn gặp không ít khó khăn vướng mắc, cụ thể:

- Vướng mắc trong việc phân biệt giữa tội giết người (Điều 93), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác (Điều 104) với hành vi phòng vệ chính đáng và tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 96), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 106).

- Vướng mắc trong việc phân biệt giữa tội giết người (Điều 93); tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104) với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 95); tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 105).

- Vướng mắc trong việc phân biệt giữa hành vi gây chết người hoặc gây thương tích là tình tiết định khung tăng nặng với hành vi gây chết người hoặc gây thương tích cấu thành một tội độc lập (trong các tội cướp tài sản, cướp giật tài sản, hiếp dâm...).

- Vướng mắc trong việc phân biệt giữa hành vi gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người với tội giết người.

- Vấn đề giám định pháp y: Thời gian gần đây, vấn đề giám định pháp y trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ mà cụ thể là trong tội cố ý gây thương tích vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau, có nhiều vụ các tổ chức giám định khác nhau lại đưa ra kết quả không thống nhất dẫn đến hậu quả có vụ án bị cấp phúc thẩm hoặc Hội đồng xét xử giám đốc thẩm huỷ án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại. Những vướng mắc tập trung chủ yếu ở 2 vấn đề sau:

+ Khi xử lý thì các cơ quan tố tụng căn cứ vào thương tích tạm thời hay thương tích vĩnh viễn.

+ Việc áp dụng Thông tư số 12/TTLB ngày 26/7/1995 của Bộ Y tế - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo bản quy định thương tật.

- Do năng lực trình độ của những người tiến hành tố tụng, ý thức pháp luật của quần chúng nhân dân, điều kiện vật chất, phương tiện khoa học kỹ thuật phục vụ cho công tác khám nghiệm, công tác giám định... còn nhiều hạn chế nên đã ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này, nhất là đối với các tội: giết người, hiếp dâm, cố ý gây thương tích...

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên

2.1. Kỹ năng kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và yêu cầu giám định tư pháp trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người

Khám nghiệm hiện trường có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát hiện tội phạm, không khám nghiệm hoặc khám nghiệm không đúng trình tự thủ tục sẽ để lọt tội hoặc dẫn đến những nhận định sai lầm, làm oan người vô tội.

Tất cả các trường hợp có người bị giết, nghi bị giết hoặc chết do một nguyên nhân bạo lực hoặc một tác động khách quan nào khác, chết bất thường chưa rõ nguyên nhân đều phải được tổ chức khám nghiệm, trưng cầu giám định pháp y và kiểm sát điều tra tại hiện trường.

Tại Điều 17 Quy chế tạm thời về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao ngày 14/9/2004 đã quy định đối với các vụ việc có hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, giết người không quá tang hoặc phức tạp thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng trực tiếp kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường.

Kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường cần yêu cầu Cơ quan Điều tra thông báo nội dung sự việc xảy ra để tham gia ý kiến vào việc chuẩn bị khám nghiệm và chủ động trong công tác kiểm sát. Việc khám nghiệm hiện trường phải đúng thủ tục và thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Điều 150, Điều 154 Bộ luật Tố tụng Hình sự như việc khám nghiệm phải có người chứng kiến, phải chụp ảnh, vẽ sơ đồ, thu thập các dấu vết, vật chứng...

- Việc bảo quản vật chứng cũng là vấn đề mà Kiểm sát viên cần chú ý yêu cầu Cơ quan Điều tra phải thực hiện tốt, tránh xảy ra những sai sót. Ví dụ: trong vụ án Nguyễn Hoàng Dương giết anh Nguyễn Công Huấn lái xe ôm tại núi Thiên Văn, Kiến An, Hải Phòng để cướp xe máy. Khi khám nghiệm, Cơ quan Điều tra đã không đo đạc các vị trí, các khoảng cách, thu viên đá có dính máu, truy tìm con dao Dương dùng đâm anh Huấn. Trong quá trình điều tra đã phải khám nghiệm lại hiện trường mới thu được con dao gây án, đồng thời phải tiến hành thực nghiệm điều tra. Trong quá trình khám nghiệm, Cơ quan Điều tra có thu giữ mẫu máu tại hiện trường, mẫu máu dính ở xe máy, chiếc áo có dính máu nhưng do bảo quản không tốt nên khi đi giám định các mẫu máu trên đã bị thối nên không xác định được máu của Dương hay của nạn nhân, thậm chí, hay còn có đối tượng khác tham gia gây án. Đây chính là nguyên nhân gia đình người bị hại khiếu kiện, khiến Cơ quan Điều tra phải rất vất vả chứng minh có đồng phạm không.

- Đối với hoạt động kiểm sát việc khám nghiệm tử thi: các vụ chết do án mạng, kể cả chết chưa rõ nguyên nhân đều phải tiến hành khám nghiệm tử thi. Khi khám nghiệm tử thi, Kiểm sát viên phải yêu cầu làm rõ các dấu vết, thương tích bên ngoài, bên trong (chú ý phải mô tả rõ đặc điểm, kích thước, chiều hướng, độ sâu của vết thương) và lấy các mẫu vật... phục vụ cho việc giám định làm rõ nguyên nhân chết của nạn nhân. Việc khám nghiệm tử thi phải đảm bảo đúng yêu cầu và quy định tại Điều 151, 154 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Sau khi kết thúc việc khám nghiệm hiện trường, tử thi thì Kiểm sát viên phải kiểm sát ngay nội dung biên bản xem có phản ánh đúng, đầy đủ diễn biến của cuộc khám nghiệm không. Chỉ khi nào thấy đúng và đầy đủ, Kiểm sát viên mới ký vào biên bản.

- Một vấn đề cũng hết sức quan trọng là kiểm sát việc trưng cầu giám định tư pháp. Thực tế hiện nay phần lớn các quyết định trưng cầu giám định pháp y của Cơ quan Điều tra đã không nêu hết các yêu cầu mà chỉ ghi chung chung: "... xác định nguyên nhân chết" mà không yêu cầu làm rõ thương tích trên người nạn nhân do vật gì, có đặc điểm như thế nào gây nên; hay thời gian chết của nạn nhân... nên sau đó lại phải giải thích giám định hoặc giám định bổ sung làm kéo

dài thời gian giải quyết vụ án. Để tránh tình trạng trên, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc khám nghiệm tử thi phải chủ động phát hiện các vấn đề cần giám định để yêu cầu Cơ quan Điều tra trưng cầu giám định tư pháp, nội dung yêu cầu giám định phải cụ thể, sát với sự việc và những vấn đề cần kết luận.

2.2. Kiểm sát việc khởi tố vụ án, bị can và áp dụng các biện pháp ngăn chặn

2.2.1. Đối với các vụ án xâm phạm tính mạng

- Việc khởi tố vụ án căn cứ vào dấu vết tội phạm và kết quả khám nghiệm, kết quả giám định và các tài liệu điều tra ban đầu, khi đã rõ dấu hiệu tội phạm thì phải được khởi tố kịp thời và chuyển vụ án về Cơ quan Điều tra theo thẩm quyền.

Đối với trường hợp sau khi khám nghiệm và giám định rồi mà vẫn còn là nghi án thì Kiểm sát viên phải yêu cầu Cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, Kiểm sát viên cũng cần lưu ý đấu tranh khắc phục tình trạng điều tra mà không khởi tố ở một số Cơ quan Điều tra hiện nay. Nếu đã rõ dấu hiệu tội phạm, Viện Kiểm sát phải yêu cầu Cơ quan Điều tra khởi tố hoặc huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan Điều tra để Viện Kiểm sát trực tiếp khởi tố, yêu cầu Cơ quan Điều tra tiến hành điều tra.

Khi kiểm sát các quyết định khởi tố vụ án xâm phạm tính mạng, Kiểm sát viên cần chú ý phân định cho được giữa các tội danh: giết người, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; xâm phạm tính mạng trong khi thi hành công vụ; cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người. Tuy hậu quả của các tội phạm trên đều là chết người nhưng các đặc trưng pháp lý cơ bản lại khác nhau, do đó, Kiểm sát viên phải yêu cầu Cơ quan Điều tra khởi tố chính xác tội danh thì mới đảm bảo đúng định hướng cho việc thu thập chứng cứ và là cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp tố tụng tiếp theo như: khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn.

- Trong án giết người, vấn đề căn cứ để khởi tố bị can rất quan trọng vì đây cũng là căn cứ để xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, phê

chuẩn bắt giam, phê chuẩn tạm giam. Kiểm sát viên phải nắm chắc thực chất chứng cứ về bị can, căn cứ vào đâu để xác định người đó là người thực hiện hành vi phạm tội và bắt họ, chứ không phải chỉ chú ý đến lời khai của họ trong nhà tạm giữ. Vì vậy phải hết sức thận trọng trong việc kiểm sát khởi tố bị can, đặc biệt là các vụ án bắt truy xét, không quả tang.

Trong các vụ án xâm phạm tính mạng thì việc khởi tố bị can cũng phải được làm rõ tội danh như khi xem xét khởi tố vụ án. Ngoài ra, cần chú ý đến việc xác định tội danh trong các vụ án có đông người để phân định được ai ở tội danh nào. Ví dụ: trong một vụ án giết người (đánh nhau đông người) nhưng có người bị khởi tố về tội giết người, còn có người chỉ đủ cơ sở để khởi tố về tội gây rối hoặc không tố giác tội phạm... việc xác định đúng tội danh trong việc khởi tố bị can sẽ giúp cho việc quyết định biện pháp ngăn chặn được chính xác.

- Các kết quả khám nghiệm hiện trường, giám định pháp y, xác minh phân tích dấu vết, thu thập chứng cứ phải được kiểm sát trực tiếp trên văn bản và hiện vật. Có như vậy, Kiểm sát viên mới kiểm sát được về mặt nội dung và tính hợp pháp của các hoạt động điều tra và văn bản chứng cứ, đây cũng chính là cơ sở để kiểm sát việc phát hiện và khởi tố bị can hoặc bắt giữ người tình nghi. Các trường hợp này phải được kiểm sát chặt chẽ, hết hạn tạm giữ mà không đủ chứng cứ khởi tố bị can thì Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo yêu cầu Cơ quan Điều tra trả tự do cho người đó.

Về các biện pháp ngăn chặn, đối với loại tội này, biện pháp ngăn chặn tạm giam được áp dụng tương đối phổ biến (vì tính chất đặc biệt nghiêm trọng của nhóm tội phạm này và do những yêu cầu điều tra làm rõ hành vi phạm tội). Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam phải được đánh giá trên cơ sở phân định được vai trò của từng bị can (trong vụ án có nhiều đồng phạm) và trên cơ sở quy định của Điều 88 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2.2.2. Đối với các vụ án xâm phạm sức khỏe

- Việc khởi tố vụ án phải căn cứ vào: thương tích, ban đầu, tỷ lệ thương tích, phương tiện, công cụ sử dụng để gây thương tích vì đây là những tình tiết quyết định cấu thành cơ bản hoặc cấu thành tăng nặng của tội phạm.

Riêng các hành vi vi phạm Khoản 1 Điều 104, 105, 106, 108 và Điều 109 chỉ khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại. Do đó, thực tế hay vướng mắc ở việc khởi tố vụ án, việc khởi tố vụ án thường chậm được thực hiện (do khi sự việc xảy ra, Cơ quan Điều tra thường để các bên tự giải quyết, khi không được thì mới khởi tố). Vì vậy, Viện Kiểm sát cần có biện pháp kiểm sát chặt chẽ, tránh bỏ lọt tội phạm.

- Kiểm sát việc khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn: các thao tác được Kiểm sát viên thực hiện tương tự như khi xem xét quyết định đối với các tội xâm phạm tính mạng. Tuy nhiên, cần lưu ý là: tính chất mức độ nguy hiểm của 2 loại hành vi này là khác nhau. Do đó, căn cứ để quyết định biện pháp ngăn chặn của 2 loại tội phạm này là khác nhau.

2.2.3. Đối với các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự

- Việc khởi tố vụ án cần chú ý:

+ Các hành vi vi phạm Khoản 1 Điều 111, 121 và Điều 122 chỉ khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại.

+ Với các tội như: làm nhục người khác, tội vu khống cần phải xác định được phương thức thủ đoạn thực hiện tội phạm; mức độ ảnh hưởng về danh dự nhân phẩm của người bị hại...

+ Với các tội: giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS), mua dâm người chưa thành niên (Điều 256 BLHS) thì chỉ khởi tố khi có căn cứ xác định tuổi của người bị hại.

- Khi quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn việc áp dụng biện pháp ngăn chặn thì ngoài việc phải chú ý đến các điều kiện của Điều 88 Bộ luật Tố tụng Hình sự vì nhóm tội này phần lớn là tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng (trừ tội hiếp dâm) thì phải xem xét đến các yếu tố về mặt xã hội như: hành vi đó có gây bức xúc gì trong quần chúng nhân dân địa phương; yêu cầu về mặt chính trị như thế nào...

2.3. Đề ra các yêu cầu điều tra, kiểm sát thu thập chứng cứ

2.3.1. Đối với các vụ án xâm phạm tính mạng

- Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ việc hỏi cung bị can. Kết hợp với việc kiểm tra và đối chiếu với các chứng cứ khác như bản

giám định pháp y, biên bản khám nghiệm tử thi, hung khí thu được (nếu có), lời khai của người làm chứng để đề ra yêu cầu cho công tác hỏi cung và việc điều tra thu thập chứng cứ nhằm đảm bảo sự toàn diện, triệt để, kịp thời của hoạt động thu thập chứng cứ. Với nhóm tội phạm này thì yêu cầu kiểm sát điều tra từ đầu, tránh tình trạng đến khi Cơ quan Điều tra kết thúc điều tra mới kiểm tra hồ sơ và nêu vấn đề.

+ Các yêu cầu điều tra phải viết thành văn bản gửi Cơ quan Điều tra và lưu hồ sơ kiểm sát, cần chú ý phát hiện vấn đề và nêu yêu cầu điều tra một cách toàn diện (cả chứng cứ buộc tội và cả các tình tiết gỡ tội hoặc giảm nhẹ tội, các nguyên nhân và điều kiện phạm tội) để có căn cứ toàn diện trong việc đánh giá chứng cứ và xác định tính chất mức độ của hành vi phạm tội.

+ Nếu có khó khăn vướng mắc về chứng cứ buộc tội bị can thì phải báo cáo lãnh đạo xin ý kiến giải quyết.

- Kiểm sát viên cần yêu cầu điều tra làm rõ về nhân thân người phạm tội, nhất là về lịch sử gia đình có ai bị tâm thần hay không? Bản thân bị can có bị tâm thần hay không và một yêu cầu bắt buộc phải làm rõ là nguyên nhân, động cơ phạm tội. Trong những trường hợp mà nguyên nhân động cơ gây án không rõ thì cần phải yêu cầu Cơ quan Điều tra trưng cầu giám định tâm thần đối với bị can.

- Yêu cầu làm rõ các vấn đề về bồi thường dân sự: như chi phí mai táng, thu nhập bị mất, tổn thất về mặt tinh thần...

2.3.2. Đối với các vụ án xâm phạm sức khoẻ

- Các yêu cầu điều tra cơ bản giống như các yêu cầu điều tra của nhóm tội xâm phạm tính mạng, ngoài ra còn phải chú ý:

- Khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can có thể sử dụng kết luận giám định thương tích tạm thời, nhưng khi kết thúc điều tra thì bắt buộc phải có kết luận chính xác về mức độ thương tích của người bị hại.

- Kiểm sát viên cần nghiên cứu kỹ bản giám định pháp y, bệnh án của nạn nhân đối chiếu với Thông tư 12/TTLB ngày 26/7/1995 của Bộ Y tế - Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành kèm theo bản quy định tiêu chuẩn thương tật nếu thấy không phù hợp thì yêu cầu Cơ

quan Điều tra có công văn yêu cầu tổ chức giám định pháp y giải thích, giám định bổ sung hoặc tái giám định.

2.3.3. Đối với các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự

- Với các tội xâm phạm về tình dục thì phải đề ra các yêu cầu chứng minh tính trái ý muốn của người bị hại, yếu tố dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn khác.

+ Yêu cầu giám định mức độ bị xâm hại của nạn nhân, hậu quả (như dẫn đến người bị hại tự sát, có thai...).

+ Yêu cầu chứng minh độ tuổi của người bị hại.

- Với các tội xâm phạm danh dự thì phải đề ra các yêu cầu chứng minh phương thức thủ đoạn phạm tội, mức độ tổn thất về danh dự nhân phẩm của người bị hại; các yêu cầu khắc phục các tổn thất đó...

2.4. Kiểm sát việc kết thúc điều tra

Kiểm sát viên cần chú ý kiểm sát các chứng cứ xác định hậu quả tội phạm (kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần...) các tài liệu chứng minh động cơ, mục đích, nguyên nhân của tội phạm, chứng minh công cụ, phương tiện gây án, các vấn đề bồi thường dân sự... và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra cần phải kiểm sát các thủ tục tố tụng của các tài liệu điều tra để đảm bảo tính hợp pháp của các tài liệu này.

2.5. Quyết định việc truy tố

2.5.1. Nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ, đề xuất đường lối xử lý vụ án

- Kiểm sát viên phải kiểm tra thủ tục tố tụng, nghiên cứu hồ sơ vụ án để nắm vững chứng cứ và các tình tiết khác, phúc cung đối với những trường hợp bị can bị khởi tố về tội mà Bộ luật Hình sự quy định có khung hình phạt tử hình hoặc lời khai bị can có mâu thuẫn, bị can kêu oan hay phát hiện thấy có sự vi phạm như: bức cung, mớm cung, nhục hình...

+ Trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung nếu thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Viện Kiểm sát không thể tự mình bổ sung được; có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác hoặc có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

- Kiểm sát viên phải tổng hợp và hệ thống các chứng cứ, trích dẫn lời nhận tội, chối tội của bị can; lời khai người làm chứng... để đánh giá chứng cứ trong một hệ thống chặt chẽ và cũng là cơ sở báo cáo với lãnh đạo.

2.5.2. Lập cáo trạng

Cáo trạng phải phản ánh được toàn bộ nội dung của vụ án, các chứng cứ buộc tội đối với bị can, những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các vấn đề về bồi thường dân sự...

Thông thường với các vụ án có nhiều bị can, chứng cứ phức tạp thì phải lập cáo trạng theo phương pháp diễn giải, sau đó sử dụng hệ thống chứng cứ để phân tích đánh giá, xác định lời khai nào của bị can là có căn cứ, lời khai nào không có căn cứ, những chứng cứ nào đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị can... Đối với các vụ án chứng cứ rõ ràng, bị can nhận tội thì lập cáo trạng theo phương pháp quy nạp (khẳng định hành vi phạm tội của bị can bằng các chứng cứ trực tiếp, lời khai bị can, nhân chứng, vật chứng...)

2.6. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

2.6.1. Giai đoạn chuẩn bị xét xử

- Kiểm sát viên phải kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Toà án về thẩm quyền xét xử; về việc chuyển vụ án; về thời hạn chuẩn bị xét xử; về việc ra các quyết định như: áp dụng thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án và việc giao các quyết định này theo Điều 182 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Với các vụ án giết người, hiếp dâm hay những vụ án phức tạp về chứng cứ thì Kiểm sát viên cần chủ động trao đổi với Thẩm phán

về vấn đề chứng cứ buộc tội, dự kiến mức án, nếu cần thiết thì phải đề xuất tiến hành họp trù bị giữa hai ngành.

+ Chuẩn bị đề cương xét hỏi tại phiên toà: các câu hỏi được xây dựng nhằm mục đích xác định rõ các yếu tố cấu thành tội phạm; dấu hiệu đặc trưng của tội phạm; chú ý các mâu thuẫn và cách xét hỏi để giải quyết các mâu thuẫn đó.

+ Dự kiến những tình huống diễn biến tại phiên toà (bị cáo khai giống như khai ở Cơ quan Điều tra, hay bị cáo chối tội... từ đó đề ra những biện pháp giải quyết). Đặc biệt lưu ý các tình huống xấu tại phiên toà do sự mâu thuẫn, căng thẳng giữa người bị hại và bị cáo... sự bức xúc của gia đình bị hại, gia đình bị cáo về các vấn đề mà Kiểm sát viên kết luận...

+ Trong các vụ án có luật sư bào chữa thì cần dự kiến luật sư sẽ tập trung vào vấn đề gì, trên cơ sở đó, Kiểm sát viên dự liệu các nội dung đối tụng.

+ Đề xuất mức án gồm: đề xuất hình phạt chính, hình phạt phụ (nếu có), bồi thường dân sự (nếu có).

Cần chú ý là:

- Việc đề xuất loại hình phạt đối với tội giết người là hết sức phức tạp và khó khăn, cần thận trọng khi đề xuất giữa tử hình với chung thân, giữa chung thân với 20 năm.

- Bồi thường dân sự: nắm vững các quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2004/NQ - HĐTP ngày 28/4/2004 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Muốn đề xuất mức án chính xác thì Kiểm sát viên phải bám sát mức án trong khung hình phạt đã truy tố, trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ của hành vi phạm tội căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự.

+ Luận tội: Bản luận tội phải bảo đảm về cơ cấu, nội dung. Đối với những vụ án phức tạp hoặc xử lưu động thì phải báo cáo lãnh đạo cho ý kiến. Khi chuẩn bị luận tội với loại án này cần phải chú ý nêu bật tính chất đặc biệt nghiêm trọng của hành vi phạm tội, những vi phạm về đạo đức, thuần phong mỹ tục...

2.6.2. Kỹ năng của Kiểm sát viên tại phiên toà

(i) Tham gia xét hỏi

- Kiểm sát viên phải tập trung theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của Hội đồng xét xử; của người bảo chữa; nội dung trình bày của người được xét hỏi để chủ động tham gia xét hỏi làm sáng tỏ hành vi của bị cáo và sự thật khách quan của vụ án. Kiểm sát viên tập trung xét hỏi vào các vấn đề phục vụ cho nội dung luận tội như: ý thức chủ quan của bị cáo, nhận thức về hành vi, mức độ thấy trước hậu quả của hành vi phạm tội, ý chí của người phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội; hành vi phạm tội (đâm, chém, bắn, đấm đá, đầu độc...), phương thức, thủ đoạn phạm tội, công cụ, phương tiện phạm tội...

Kiểm sát viên chỉ hỏi những vấn đề mà Hội đồng xét xử chưa hỏi hoặc chưa được làm rõ, tránh những câu hỏi vô nghĩa, cần tránh tình trạng ỷ lại, trông chờ vào Hội đồng xét xử, nặng về giải thích giáo dục.

- Chú ý các câu hỏi của luật sư để dự liệu những vấn đề mà luật sư sẽ nêu ra hoặc căn cứ luật sư sẽ sử dụng trong bào chữa.

- Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới tại phiên toà, Kiểm sát viên cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để có kết luận chính xác. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận mà tài liệu mới đó có thể làm thay đổi nội dung tính chất vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để xác minh.

(ii) Luận tội

- Luận tội của kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được điều tra công khai tại phiên toà. Một bản luận tội "thấu tình, đạt lý" phải:

+ Phân tích được chứng cứ quy kết tội của bị cáo như lời nhận tội của bị cáo đối chiếu với các dấu vết thương tích để lại trên người nạn nhân với hung khí gây án, với kết quả giám định pháp y với lời khai của nhân chứng... (cần trích dẫn cụ thể).

+ Đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi của bị cáo, phân tích phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo; phân tích bác bỏ những quan điểm không phù hợp với vụ án của những người tham gia tố tụng khác để làm sáng tỏ sự thật.

Ví dụ, đối với các hành vi giết người hoặc cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, Kiểm sát viên cần phải phân tích một cách toàn diện các tình tiết của cả hành vi xâm hại lẫn hành vi phòng vệ như: khách thể cần bảo vệ, mức độ thiệt hại do hành vi xâm hại có thể gây ra hoặc đã gây ra, vũ khí phương tiện mà hai bên sử dụng; cường độ tấn công của hành vi xâm hại và hành vi bảo vệ, hoàn cảnh xảy ra sự việc, tâm lý của người phòng vệ... Sau khi phân tích một cách đầy đủ, khách quan tất cả các mặt nói trên, nhận thấy rõ ràng trong hoàn cảnh sự việc xảy ra, người phòng vệ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp rõ ràng là quá mức đối với hành vi xâm hại tức là hành vi chống trả không cần thiết và như vậy là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

+ Cần lên án mạnh mẽ đối với các hành vi đặc biệt nghiêm trọng như: giết người theo Khoản 1 Điều 93 BLHS, giết người cướp tài sản, các hành vi hiếp dâm tập thể, hiếp dâm trẻ em...

Trong trường hợp hồ sơ vụ án có nhiều bản giám định pháp y của các cơ quan khác nhau thì cần phân tích, so sánh, đối chiếu với bảng tỷ lệ thương tật, nếu bản kết luận giám định nào có căn cứ thì áp dụng kết luận đó làm căn cứ xác định trách nhiệm hình sự.

+ Đưa ra phần đánh giá tính chất xã hội của vụ án.

+ Vai trò của bị cáo.

+ Viện dẫn chính xác các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, khung, khoản, điều luật áp dụng đối với bị cáo.

+ Đề nghị mức hình phạt cụ thể (cả về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại).

(iii) Tranh luận

- Đối với những vụ án khởi tố theo yêu cầu người bị hại thì sau khi trình bày lời luận tội, Kiểm sát viên phải chú ý lắng nghe ý kiến buộc tội của người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của họ, xem quan điểm buộc tội có trùng hợp hoặc mâu thuẫn với quan điểm của Kiểm sát viên không.

- Kiểm sát viên phải ghi lại những ý kiến của người bảo chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thể hiện quan điểm của họ đối với những nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

- Khi tranh luận, Kiểm sát viên sử dụng kết quả điều tra công khai tại phiên toà, sử dụng hệ thống chứng cứ vật chất, lời khai nhân chứng vận dụng pháp luật để bác bỏ những quan điểm lập luận sai trái.

- Đối với những chứng cứ mới được đưa ra hoặc luận cứ bảo chữa, bảo vệ của luật sư, của những người tham gia tố tụng khác có cơ sở thì Kiểm sát viên cần xem xét đánh giá, nếu chứng cứ mới đó làm thay đổi tính chất hoặc nội dung vụ án mà tại phiên toà không có điều kiện làm rõ được thì đề nghị Hội đồng xét xử cho tiến hành điều tra bổ sung; nếu đó chỉ là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo thì Kiểm sát viên kết luận bổ sung theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

- Kiểm sát viên phải lưu ý đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, tôn trọng bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

- Kiểm sát viên phải bình tĩnh, khách quan, tự tin khi tranh luận, không nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc người thân của người bị hại hoặc của người bị hại phải rời khỏi phòng xử án vì lý do gây mất trật tự phiên toà, không nên thể hiện sự gay gắt hoặc thể hiện sự gay gắt thái quá trong quá trình tranh luận để tránh việc phía người bị hại, bị cáo có thể suy diễn là Kiểm sát viên "thiên vị" một bên nào đó.

- Khi luật sư hoặc những người tham gia tố tụng khác đưa ra những luận điểm sai trái thì Kiểm sát viên phải kiên quyết đấu tranh bác bỏ.

(iv) Kiểm sát việc tuyên án:

- Kiểm sát viên chú ý ghi lại những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm làm căn cứ kiểm tra biên bản phiên toà, biên bản nghị án (nếu phát hiện thấy biên bản ghi không đầy đủ hoặc không chính xác thì Kiểm sát viên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi bổ sung vào biên bản phiên toà) bản án sơ thẩm và chuẩn bị nội dung kháng nghị nếu thấy cần thiết.

2.6.3. Sau phiên toà

- Báo cáo lãnh đạo Phòng nghiệp vụ hoặc lãnh đạo Viện Kiểm sát về kết quả xét xử, đề xuất có kháng nghị hay không, nêu rõ lý do kháng nghị.

- Làm báo cáo xét xử.

- Kiến nghị những vi phạm của Toà án (nếu có).

CHƯƠNG 19
THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm sở hữu

Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định tại Chương XIV các tội xâm phạm sở hữu, bao gồm các điều từ 133 đến 145 - chỉ 13 điều trên tổng số 267 điều luật về các tội phạm cụ thể, song nó lại chiếm một tỷ lệ rất lớn trong cơ cấu tội phạm thực tế đã xảy ra. Các tội xâm phạm sở hữu được chia ra làm 2 nhóm: các tội có tính chiếm đoạt và các tội không có tính chiếm đoạt. Đối với các tội có tính chiếm đoạt, hành vi thường giống nhau về mặt chủ quan, nó được phân biệt với nhau chủ yếu qua mặt khách quan của tội phạm (đặc biệt là qua phương pháp, thủ đoạn phạm tội). Cũng do có sự khác nhau về phương pháp, thủ đoạn phạm tội nên trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, có nhiều trường hợp thay đổi thủ đoạn phạm tội, dẫn đến có sự chuyển hoá tội phạm. Đối với các tội xâm phạm sở hữu, việc xác định cụ thể giá trị của tài sản bị chiếm đoạt hoặc bị thiệt hại có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc định tội danh, định khung hình phạt cũng như quyết định hình phạt. Trong những năm gần đây, do nền kinh tế thị trường phát triển nhanh, trong khi công tác quản lý Nhà nước còn nhiều bất cập nên tình hình các tội xâm phạm sở hữu cũng có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều hành vi phạm tội mới phát sinh... Chính vì vậy, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã liên tục ban hành các văn bản hướng dẫn khi xử lý các tội xâm phạm sở hữu như: Nghị quyết số 1/1998 ngày 1/9/1998 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn xác định giá trị tài sản trong các tội chiếm đoạt tài sản; Nghị quyết số 32/1999 của Quốc hội khoá X về thi hành Bộ luật Hình sự 1999; Nghị quyết số 229/2000-UBTVQH 10 về thi hành Nghị quyết 32 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2001 ngày 15/3/2001 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của các điều 139, 193, 199, 278, 279 và 289 của Bộ luật Hình sự; Thông tư số 02/2001 ngày 25/12/2001 của Liên ngành TANDTC - VKSNDTC - Bộ Công an - Bộ Tư pháp, hướng dẫn quy định tại

Chương XIV các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự. Những văn bản pháp luật trên đây đã phần nào đáp ứng kịp thời những yêu cầu của cuộc đấu tranh chống các tội xâm phạm sở hữu trong tình hình mới.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra

Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003 đã quy định rõ những hoạt động nào thuộc nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và những hoạt động kiểm sát điều tra tại các Điều 112 và 113 như sau:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát khi thực hành công tố trong giai đoạn điều tra gồm:

+ Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, yêu cầu Cơ quan Điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can;

+ Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan Điều tra tiến hành điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra;

+ Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan Điều tra thay đổi Điều tra viên, nếu hành vi của Điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự;

+ Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan Điều tra;

+ Huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan Điều tra, yêu cầu Cơ quan Điều tra truy nã bị can;

+ Quyết định việc truy tố, quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát khi kiểm sát điều tra gồm:

+ Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan Điều tra;

+ Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng;

+ Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra;

+ Yêu cầu Cơ quan Điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra, cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật của Điều tra viên, yêu cầu xử lý Điều tra viên vi phạm pháp luật;

+ Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật;

+ Đồng thời, để nâng cao trách nhiệm của Viện Kiểm sát trong chức năng công tố và kiểm sát điều tra, tránh bỏ lọt người phạm tội hoặc làm oan người vô tội, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 còn quy định một hoạt động mới của Viện Kiểm sát là: Viện Kiểm sát có trách nhiệm phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan Điều tra (Khoản 4 Điều 126).

Ngày 6/8/1993 Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao cũng đã ban hành Quyết định số 24/QĐ trong đó quy định rõ trình tự, thủ tục về lập hồ sơ kiểm sát án hình sự. Riêng hoạt động kiểm sát điều tra, Quyết định số 24 đã quy định cụ thể 27 loại văn bản giấy tờ cũng như thao tác của Kiểm sát viên trong hoạt động kiểm sát điều tra như các văn bản về thủ tục tố tụng, các tài liệu điều tra, các ghi chép tổng hợp của Kiểm sát viên...

Như vậy, công việc đầu tiên mà các Kiểm sát viên phải làm là nghiên cứu nắm vững các quy định của pháp luật cũng như của ngành để áp dụng nó trong hoạt động thực tiễn (lưu ý những đặc điểm của nhóm tội xâm phạm sở hữu để vận dụng thực hiện trong kiểm sát điều tra).

2.1. Nghiên cứu hồ sơ vụ án

- Kiểm sát viên phải có phương pháp nghiên cứu hồ sơ một cách khoa học (đọc cái gì trước, đọc cái gì sau, ghi chép ra sao?...). Thông qua nghiên cứu hồ sơ để phát hiện, đối chiếu tính hợp pháp của tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ đó giải quyết theo các quy định của tố tụng hình sự.

- Sau khi Cơ quan Điều tra chuyển kết luận điều tra đề nghị truy tố, Kiểm sát viên phải nghiên cứu nắm vững toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tổng hợp các chứng cứ, tình tiết của vụ án, xác định rõ hành vi phạm tội của bị can, trong đó cần lưu ý một số chứng cứ sau:

+ Tài liệu xác định phương pháp, thủ đoạn phạm tội (lén lút hay công nhiên? dùng vũ lực thế nào? có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản không? chủ thể tội phạm...)

+ Chứng cứ để xác định giá trị chính xác của tài sản bị chiếm đoạt hay bị thiệt hại như hoá đơn, chứng từ mua bán, biên bản định giá tài sản, trả lời của cơ quan vật giá v.v.

+ Các chứng cứ về những dấu hiệu bắt buộc của cấu thành một số tội chiếm đoạt, chứng cứ về xử lý hành chính; chứng cứ xác định tái phạm (trích lục tiền án, tiền sự).

- Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên cần sơ bộ thực hiện việc định tội danh cụ thể và xây dựng cáo trạng truy tố đảm bảo tính chính xác và đúng đắn phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; nếu phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì phải nêu rõ lý do cụ thể, dự kiến những nội dung điều tra bổ sung để báo cáo lãnh đạo quyết định; nếu phải đình chỉ điều tra thì thực hiện theo quy định tại Điều 169 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003.

2.2. Báo cáo án

- Sau khi hồ sơ chuyển Toà án để truy tố, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Kiểm sát viên chuẩn bị đề cương tham gia xét hỏi, những nội dung cần làm sáng tỏ tại phiên toà, chuẩn bị dự thảo luận tội, dự kiến đường lối xét xử và áp dụng pháp luật sau đó viết đề xuất báo cáo án. Trong đó, Kiểm sát viên cần nêu rõ và đánh giá các chứng cứ, tình tiết, nội dung của vụ án và dự kiến việc áp dụng tội danh, điều khoản BLHS, mức án áp dụng với từng bị cáo. Khi đã xác định được khung hình phạt và tội danh áp dụng với bị cáo thì hình phạt ở mức cao của khung, mức giữa khung hoặc mức thấp nhất hay dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang loại hình phạt khác nhẹ hơn đều phải căn cứ vào các điều 45, 46, 47, 48 BLHS.

- Khi báo cáo án, Kiểm sát viên cần lưu ý một số trường hợp sau:

+ Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội.

+ Giai đoạn thực hiện tội phạm.

+ Vai trò bị cáo trong đồng phạm.

+ Nhân thân người phạm tội, tiền án, tiền sự thế nào, nhận thức, thái độ của bị cáo với pháp luật, môi trường sống, quan hệ xã hội v.v.

Đây là căn cứ để đảm bảo mức hình phạt đề nghị áp dụng với bị cáo đủ để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử

3.1. Phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án

- Theo quy định của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Kiểm sát viên kiểm sát điều tra vụ án có trách nhiệm kiểm sát xét xử và thực hành quyền công tố đối với vụ án đó. Đây là quy định nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết các vụ án hình sự hiện nay. Việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên toà do lãnh đạo Viện quyết định.

- Việc thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử của Toà án phải thực hiện trên cơ sở các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (từ Điều 201 đến Điều 229 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003) và theo đề cương gợi ý của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp TW tại Công văn số 13-CV/BCĐ CCTP ngày 4/11/2002.

3.2. Hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên toà

- Hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên toà bắt đầu từ khi Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng và kết thúc khi thực hiện xong việc tranh luận với bên bào chữa (luật sư, bị cáo, bị đơn, dân sự, người có quyền và lợi ích liên quan...).

Đây cũng là quá trình tranh tụng công khai tại phiên toà, vai trò công tố (buộc tội) thuộc trách nhiệm của Kiểm sát viên.

- Trước khi tiến hành xét hỏi, Kiểm sát viên đọc cáo trạng và trình bày những ý kiến bổ sung làm rõ thêm nội dung cáo trạng (nếu có). Kiểm sát viên phải theo dõi và ghi chép việc xét hỏi của Hội đồng xét xử, của người bào chữa và những người được xét hỏi. Trên cơ sở đề cương xét hỏi đã chuẩn bị, Kiểm sát viên chủ động, tích cực tham gia xét hỏi làm sáng tỏ hành vi của bị cáo, xác định sự thật khách quan của vụ án.

- Việc xét hỏi tại phiên toà trong các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu được thực hiện theo thủ tục chung (Điều 207 BLTTHS 2003). Tuy nhiên, trong giai đoạn này cần chú ý một số điểm sau:

+ Làm sáng tỏ ý thức chủ quan của bị cáo đối với một số hành vi hay thủ đoạn phạm tội để qua đó định tội cho chính xác (lén lút hay không để phân biệt tội Trộm cắp tài sản với Công nhiên chiếm đoạt tài sản; dùng ngay tức khắc vũ lực để phân biệt giữa Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản, tình tiết tăng nặng hành hung để tẩu thoát hay chuyển hoá thành tội danh cướp tài sản?..)

+ Xét hỏi làm sáng tỏ thực chất mối quan hệ hợp đồng giữa bị cáo với người bị hại đối với tài sản bị chiếm đoạt, mức độ thực hiện hợp đồng của mỗi bên, thái độ bị cáo sau khi không thực hiện hợp đồng... để phân biệt đó là tội phạm hay các tranh chấp trong quan hệ dân sự, kinh tế...

+ Xét hỏi người bị hại, nguyên đơn dân sự để xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Trường hợp giá trị tài sản thấp hơn mức tối thiểu mà BLHS quy định thì phải làm sáng tỏ bị cáo đã bị xử lý hành chính hay bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa?

+ Xác định thái độ của bị cáo, người bị hại hay nguyên đơn dân sự về việc bồi thường, khả năng hoà giải về bồi thường... để làm cơ sở cho việc quyết định về dân sự.

- Khi thực hành quyền công tố, Kiểm sát viên xác định nghĩa vụ chứng minh hành vi phạm tội (buộc tội) và bảo vệ cáo trạng thuộc trách nhiệm của mình. Do đó Kiểm sát viên cần có phương pháp xét hỏi hợp lý và đề nghị Hội đồng xét xử cho hỏi bị cáo nào trước hoặc vấn đề nào trước để kết quả thẩm vấn đạt hiệu quả cao. Nếu cần phải giải thích cho người tham gia tố tụng thì Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên cũng như người bào chữa chỉ được giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng, không được giải thích các quy định của BLHS.

- Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới tại phiên toà, Kiểm sát viên cần kiểm tra và xét hỏi nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để có kết luận chính xác.

- Khi xét hỏi, câu hỏi đặt ra phải rõ ràng, dễ hiểu, tránh giải thích, kết luận ngay; tránh việc đặt câu hỏi có tính quy chụp, truy bức, dọa dẫm hoặc mớm, lái, dẫn dụ trong quá trình xét hỏi.

- Kiểm sát viên phải căn cứ vào diễn biến thực tế tại phiên toà để bổ sung, hoàn chỉnh bản dự thảo luận tội. Khi luận tội phải căn cứ chủ yếu vào những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà.

- Kiểm sát viên đọc luận tội phải to, rõ ràng, phân tích đánh giá chính xác các chứng cứ vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Xác định tội danh, khung hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp cần áp dụng với bị cáo (lưu ý vấn đề bồi thường dân sự trong loại án xâm phạm sở hữu).

- Tại phiên toà, nếu có tình tiết mới làm thay đổi quyết định truy tố, dự kiến đường lối xử lý vụ án đã được lãnh đạo Viện Kiểm sát cho ý kiến mà không có điều kiện báo cáo lại thì Kiểm sát viên xét quyết định và phải chịu trách nhiệm.

Kiểm sát viên cũng cần lưu ý cáo trạng do lãnh đạo Viện Kiểm sát ký duyệt nhưng trách nhiệm bảo vệ cáo trạng lại thuộc về Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà. Vì vậy, giữ nguyên, thay đổi, bổ sung cáo trạng, phải căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên toà để quyết định.

- Khi người bào chữa phát biểu, bị cáo tự bảo chữa hoặc người tham gia tố tụng khác phát biểu tranh luận, Kiểm sát viên cần chú ý ghi chép những ý kiến khác với quan điểm luận tội của mình để phê phán, bác bỏ những quan điểm sai trái không có cơ sở. Khi tranh luận, Kiểm sát viên phải bình tĩnh, khách quan, tôn trọng quyền bào chữa của những người tham gia tố tụng.

- Kiểm sát viên có quyền phát biểu đối đáp đối với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý, Kiểm sát viên không được né tránh hoặc không tranh tụng.

3.3. Kiểm sát hoạt động xét xử tại phiên toà

- Kiểm sát viên phải kiểm sát việc chấp hành các thủ tục của Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng từ khi

bắt đầu đến khi kết thúc phiên toà nhằm đảm bảo cho việc xét xử được dân chủ, công bằng và đúng pháp luật.

- Khi Kiểm sát viên phát hiện vi phạm của những người tiến hành tố tụng hoặc tham gia tố tụng như những vi phạm trong trình tự, thủ tục phiên toà... thì Kiểm sát viên cần nêu rõ vi phạm, căn cứ xác định vi phạm đồng thời đề nghị Chủ toạ phiên toà chấn chỉnh và khắc phục kịp thời vi phạm đó. Trường hợp không nhất trí với trả lời của Chủ toạ thì Kiểm sát viên tiếp tục duy trì công tố nhưng yêu cầu Thư ký Toà án ghi rõ ý kiến của Kiểm sát viên và Chủ toạ vào biên bản phiên toà... Sau phiên toà, Kiểm sát viên có trách nhiệm báo cáo với Viện trưởng cấp mình để kiến nghị hoặc kháng nghị.

- Trong quá trình xét xử, nếu phát hiện những câu hỏi có tính chất mớm cung, dụ cung, Kiểm sát viên cần đề nghị HĐXX chấn chỉnh, không trực tiếp sử dụng quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật để chấn chỉnh, gây không khí căng thẳng không cần thiết.

- Trong quá trình xét hỏi cũng như tranh luận, Kiểm sát viên không được áp đặt ý chí làm mất tính công bằng trong hoạt động xét xử.

3.4. Kiểm sát việc tuyên án và hoạt động của Kiểm sát viên sau phiên toà

- Khi Chủ tọa phiên toà tuyên án, Kiểm sát viên phải chú ý ghi lại những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm để làm căn cứ kiểm tra biên bản phiên toà, bản án sơ thẩm và kháng nghị nếu cần thiết.

- Kiểm sát viên giám sát Hội đồng xét xử trả tự do hoặc bắt giam bị cáo bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

- Sau phiên toà, Kiểm sát viên phải báo cáo kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử với lãnh đạo Viện Kiểm sát hoặc Trưởng phòng nghiệp vụ của mình, nêu những nhận xét và đề xuất hướng giải quyết.

Trên đây là những hoạt động nghiệp vụ cơ bản nhất của mỗi Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật các vụ án xâm phạm sở hữu, đòi hỏi mỗi Kiểm sát viên khi được giao nhiệm vụ cần hết sức chú ý để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

CHƯƠNG 20
KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG CÁC VỤ ÁN MA TÚY

1. Một số vấn đề chung về các vụ án ma túy

- Đối tượng của tội phạm rất đa dạng, đó là các chất ma tuý, các tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma tuý, các công cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma tuý.

- Một số đối tượng của tội phạm chỉ được xác định thông qua giám định của cơ quan chuyên môn.

- Việc định lượng ma tuý được quy định rất cụ thể và chặt chẽ trong các văn bản pháp luật.

- Việc phân biệt ranh giới giữa người phạm tội với người không có tội là rất phức tạp, bởi vì đối tượng phạm tội trong án ma tuý thường là đối tượng phạm tội chuyên nghiệp, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội cũng như che giấu tội phạm thường rất xảo quyệt, tinh vi, thái độ thường rất ngoan cố; việc phân biệt cấu thành tội phạm giữa một số tội trong các vụ án loại này là rất khó khăn như giữa các tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma tuý, giữa hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý với hành vi tàng trữ để sử dụng trái phép chất ma tuý...

Các đặc điểm trên của tội phạm đòi hỏi Kiểm sát viên cần phải thận trọng cân nhắc, nghiên cứu và đưa ra các quyết định phù hợp trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra, xét xử đối với các vụ án về ma tuý.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên

2.1. Kiểm sát việc khởi tố, áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn

- Kiểm sát viên phải thực hiện tốt việc quản lý và xử lý tin báo, tố giác tội phạm, nắm chắc các thông tin tội phạm, kiểm sát chặt chẽ việc phân loại đối tượng, khắc phục tình trạng cơ quan công an lưu

người không có lệnh hoặc đưa các đối tượng vào nhà tạm giữ hành chính, sau đó mới phân loại đưa vào tạm giữ hình sự.

- Chú trọng kiểm sát các căn cứ khởi tố, bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, nhất là các tài liệu có liên quan như biên bản phạm pháp quả tang phải bảo đảm các yêu cầu về mặt văn bản: những thành phần bắt buộc có tên trong biên bản phải ký tên đầy đủ trong biên bản, nếu thiếu phải xem xét lý do và kịp thời yêu cầu Cơ quan Điều tra khắc phục bằng cách bổ sung biên bản ghi lời khai hoặc báo cáo viết tay của những người có mặt, bảo đảm tính khách quan của biên bản về thời gian, địa điểm xảy ra, nội dung của sự việc, những người biết việc. Biên bản còn phải mô tả chi tiết, đầy đủ đặc điểm, tính chất, số lượng, trọng lượng của vật chứng được thu giữ. Việc niêm phong vật chứng phải được thực hiện đúng quy định; ghi đầy đủ lời khai ban đầu và ý kiến của người bị bắt giữ, của người làm chứng. Đây là nội dung rất quan trọng đối với án ma tuý. Các lời khai ban đầu thường chân thực và có giá trị chứng minh. Do vậy, Kiểm sát viên phải đặc biệt chú ý đến việc thu thập các lời khai trong biên bản để khai thác, đề phòng những trường hợp sau này bị can phản cung.

+ Yêu cầu Cơ quan Điều tra bảo quản tốt vật chứng thu giữ được: khi thu giữ ma tuý hoặc vật chứng khác, cần được tiến hành điều tra xác minh ngay để xác định mối quan hệ giữa chúng với sự việc phạm tội của bị can. Vật chứng (chất ma tuý) của từng bị can phải được tách riêng và niêm phong làm căn cứ đánh giá tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị can trong vụ án.

+ Kiểm tra các loại biên bản:

- Biên bản ghi lời khai của người bị tạm giữ phải được tiến hành ngay sau khi tạm giữ. Nội dung biên bản phải phản ánh được diễn biến của sự việc mà người bị tạm giữ đã thực hiện. Trường hợp có mâu thuẫn giữa các lời khai thì Kiểm sát viên phải kiểm tra, xác minh ngay giúp cho việc xác định sự thật khách quan của vụ việc.

- Biên bản ghi lời khai người làm chứng phải được tiến hành kịp thời, nhất là đối với những người làm chứng trực tiếp nhìn thấy sự

việc phạm tội. Nội dung biên bản phải ghi rõ mối quan hệ của người làm chứng với người phạm tội. Trước khi ghi lời khai, cần để người làm chứng viết bản tự khai hoặc kể lại những gì họ biết về vụ án.

Khi nghiên cứu các tài liệu: Biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản ghi lời khai người bị tạm giữ, lời khai của những người có liên quan... nếu phát hiện những vấn đề còn mâu thuẫn hoặc chưa được làm rõ, phải kịp thời yêu cầu Cơ quan Điều tra xác minh làm rõ. Trường hợp xét thấy không đủ căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, mà Cơ quan Điều tra đã khởi tố, Kiểm sát viên phải yêu cầu Cơ quan Điều tra bổ sung tài liệu chứng cứ, nếu Cơ quan Điều tra không bổ sung được tài liệu chứng cứ nào khác thì Kiểm sát viên đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát ra quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố đó của Cơ quan Điều tra. Nếu thấy còn để lọt người phạm tội thì phải kịp thời báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát để yêu cầu Cơ quan Điều tra khởi tố. Nếu Cơ quan Điều tra ra quyết định không khởi tố thì Kiểm sát viên báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát để huỷ bỏ quyết định không khởi tố và Viện Kiểm sát trực tiếp quyết định khởi tố vụ án, sau đó, chuyển Quyết định khởi tố đó cho Cơ quan Điều tra để tiến hành việc điều tra.

- Trước khi đề xuất phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, Kiểm sát viên phải xác định được đầy đủ các căn cứ bắt khẩn cấp. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa lời khai của người bị bắt với lời khai của người làm chứng thì Kiểm sát viên phải trực tiếp gặp hỏi người bị bắt để làm rõ trước khi phê chuẩn. Đối với việc phê chuẩn lệnh tạm giam, chỉ phê chuẩn trong trường hợp hành vi đã thoả mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm và có căn cứ để tạm giam theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong trường hợp phát hiện Cơ quan Điều tra không áp dụng biện pháp tạm giam đối với đối tượng phạm tội cần phải tạm giam và có đủ căn cứ tạm giam theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự thì Kiểm sát viên phải yêu cầu Cơ quan Điều tra bắt tạm giam đối với đối tượng này.

- Đối với án loại này, Kiểm sát viên nhất thiết phải chú trọng đến việc trưng cầu giám định để xác định số lượng, trọng lượng, hàm lượng, loại chất ma tuý để xử lý.

2.2. Kiểm sát hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, đề ra yêu cầu điều tra

- Tăng cường kiểm sát việc thu thập chứng cứ: Kiểm sát viên phải yêu cầu Điều tra viên thu thập các tài liệu, chứng cứ nhằm củng cố tính xác thực của lời khai như việc tiêu thụ, thời gian, nguồn gốc tài sản, mối quan hệ giữa các đối tượng, các số điện thoại có liên quan đến đối tượng, tiến hành nhận dạng, yêu cầu đối tượng vẽ sơ đồ, địa điểm nơi giao nhận ma tuý, trong trường hợp cần thiết phải, dựng lại hiện trường.

Biên bản ghi lời khai phải làm sáng tỏ những tình tiết thuộc về dấu hiệu định tội, định khung hình phạt. Những mâu thuẫn trong lời khai của bị can phải được phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, kết luận một cách khách quan. Trong trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên phải yêu cầu tiến hành việc đối chất. Khi bị can nhận tội, cũng phải thu thập các tài liệu, chứng cứ khác giúp cho việc đánh giá tính xác thực trong lời nhận tội của bị can.

Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và người có liên quan phải nêu rõ nhân thân của người khai, mối quan hệ của người khai với bị can.

Trong quá trình kiểm sát, khi phát hiện có những vấn đề chưa rõ, có mâu thuẫn, Kiểm sát viên phải kịp thời đề ra yêu cầu điều tra. Các yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản và phải cụ thể (một bản gửi Cơ quan Điều tra để thực hiện, một bản lưu hồ sơ kiểm sát để theo dõi đôn đốc).

- Tăng cường kiểm sát việc thu giữ vật chứng, kê biên tài sản. Chỉ được thu giữ những vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm. Vật chứng là tài sản được xử lý theo Thông tư 06/1998/TTLT ngày 24/10/1998 của Toà án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính về việc quản lý, xử lý tài sản là vật chứng, tài sản bị kê biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Hành vi phạm tội về ma tuý và tài sản của người phạm tội thường có liên quan với nhau. Do vậy, cần tập trung làm rõ nguồn gốc

tài sản, nếu có liên quan đến hành vi phạm tội thì Kiểm sát viên yêu cầu Cơ quan Điều tra tạm giữ, kê biên để tránh sự tẩu tán, tiêu huỷ.

- Phải bảo đảm thời hạn điều tra, đối với vụ án có nhiều bị can, tính chất vụ án phức tạp, Viện Kiểm sát cần chủ động quan hệ với Cơ quan Điều tra xác định phạm vi đối tượng để xử lý trước; những đối tượng khác có thể tách ra để xử lý sau ở vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Khi tách vụ án cần chú ý đến yêu cầu không ảnh hưởng đến vụ án đang điều tra và phần vụ án sẽ tách ra để xử lý sau.

- Khi chuẩn bị kết thúc điều tra, Kiểm sát viên phải yêu cầu Điều tra viên hỏi cung bị can về toàn bộ những tình tiết quan trọng liên quan đến bị can (bản cung tổng hợp) để khái quát toàn bộ hành vi phạm tội của bị can, tổng hợp lại nội dung vụ án để thống nhất với Điều tra viên trong việc đánh giá chứng cứ và những nội dung cơ bản sẽ nêu trong kết luận điều tra. Trong trường hợp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên không thống nhất được những nội dung cơ bản trong vụ án hoặc vụ án quan trọng, phức tạp thì phải đề xuất họp lãnh đạo liên ngành Công an và Viện Kiểm sát để bàn bạc, thống nhất.

2.3 Nghiên cứu hồ sơ, lập hồ sơ kiểm sát điều tra

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Kiểm sát viên phải nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, nắm vững chứng cứ và những tình tiết của vụ án. Trong những trường hợp nhất định, Viện Kiểm sát có thể tiến hành một số hoạt động điều tra như khi có mâu thuẫn phức tạp trong hồ sơ tài liệu liên quan đến việc xét phê chuẩn các quyết định của Cơ quan Điều tra (bắt khẩn cấp, phê chuẩn khởi tố bị can, gia hạn tạm giam...); khi có khiếu nại của người bị tạm giữ, bị can về việc mớm cung, bức cung hoặc kêu oan không phạm tội... Do đó, khi cần hỏi cung, lấy lời khai... Kiểm sát viên phải chủ động phối hợp với Điều tra viên, có thể mời Điều tra viên cùng tham gia chứng kiến việc hỏi cung của Kiểm sát viên.

Việc Kiểm sát viên phối hợp cùng với Điều tra viên hỏi cung các bị can, nhất là những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, vụ án mà bị can lúc nhận tội, lúc chối tội, các vụ phạm tội có tổ chức, các vụ án có số

lượng ma tuý lớn, loại ma tuý mới... là hoạt động cần thiết nhằm xác định tính khách quan, chính xác của nội dung vụ án. Kiểm sát viên cần lưu ý tính chất, đặc điểm, thủ đoạn hoạt động phạm tội của người phạm tội về ma tuý để chuẩn bị kỹ về nội dung, phương pháp hỏi cung nhằm làm sáng tỏ vấn đề cần chứng minh, tránh việc bị can lợi dụng việc hỏi cung để phản cung hoặc chối tội, nại ra những vấn đề khác không có liên quan đến nội dung vụ án.

Khi kết thúc điều tra, hồ sơ chuyển sang Viện Kiểm sát thì Viện Kiểm sát có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra để làm sáng tỏ thêm một số tình tiết của vụ án mà không cần trả hồ sơ cho Cơ quan Điều tra. Trong trường hợp có các căn cứ để trả hồ sơ cho Cơ quan Điều tra theo Điều 168 BLTTHS thì Kiểm sát viên cần báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát, đề xuất trả hồ sơ cho Cơ quan Điều tra để điều tra bổ sung.

- Việc trích cứu nội dung vụ án phải bảo đảm phản ánh được nội dung cơ bản của vụ án. Hồ sơ kiểm sát phải được lập đầy đủ, ngay từ khi xem xét phê chuẩn bắt khẩn cấp, quyết định khởi tố vụ án, quá trình tiến hành các hoạt động điều tra... cho đến khi quyết định việc truy tố, các quyết định tố tụng và kết quả các hoạt động của Viện Kiểm sát phải được đưa vào hồ sơ vụ án. Hồ sơ kiểm sát phải có trích lục những nội dung quan trọng thể hiện quá trình tổng hợp, nghiên cứu của Kiểm sát viên. Đối với một số chứng cứ, tài liệu quan trọng, Kiểm sát viên cần sao chụp lại và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

Hồ sơ kiểm sát điều tra án ma tuý phải thể hiện được các thao tác nghiệp vụ của Kiểm sát viên và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện Kiểm sát, lãnh đạo liên ngành.

- Kiểm sát viên phải tổng hợp nội dung vụ án bằng văn bản để báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát. Đối với Viện Kiểm sát cấp tỉnh mà có những vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Kiểm sát viên với lãnh đạo phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng cần họp với cán bộ, Kiểm sát viên trong phòng để thảo luận, thống nhất và có quan điểm đề xuất với lãnh đạo Viện Kiểm sát. Trường hợp giữa phòng nghiệp vụ và lãnh đạo Viện Kiểm sát được phân công phụ trách không thống nhất trong

việc đánh giá chứng cứ, tội danh và đường lối xử lý thì phải đưa ra Uỷ ban kiểm sát bàn bạc, thống nhất. Trong trường hợp giữa Uỷ ban kiểm sát và Viện trưởng Viện Kiểm sát không thống nhất được thì báo cáo Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao theo quy định của ngành.

2.4. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Kiểm sát viên phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để tham gia phiên toà, phải nắm chắc các chứng cứ buộc tội và gỡ tội, nhân thân người phạm tội, chuẩn bị đề cương xét hỏi, dự thảo luận tội và dự kiến những vấn đề cần tranh luận tại phiên toà.

Trong nhiều vụ án ma tuý do số lượng bị cáo lớn, phạm tội có tổ chức, mang tính chuyên nghiệp, bị cáo thường hay ngoan cố, chối tội hoặc đổ vấy cho đồng phạm, vì vậy, khi lập kế hoạch xét hỏi, Kiểm sát viên thường phải dự kiến nhiều phương án xét hỏi khác nhau, dự kiến các tình huống khác nhau có thể xảy ra và phương án giải quyết các tình huống đó, dự kiến việc xét hỏi kết hợp với việc đối chất, nhận dạng, công bố các tài liệu, chứng cứ khác tại phiên toà.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên hỏi theo kế hoạch đã được dự kiến, tuy nhiên, phải chủ động hỏi để làm rõ những nội dung liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội mà những vấn đề đó những người tham gia phiên toà trình bày chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc mâu thuẫn với các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Những vấn đề mà Hội đồng xét xử và những người khác đã hỏi và làm rõ thì Kiểm sát viên không nên hỏi lại. Do đó, Kiểm sát viên phải chú ý theo dõi, ghi chép đầy đủ câu hỏi, câu trả lời... để chủ động phát hiện mâu thuẫn. Khi phát hiện thấy các nội dung mẫu thuẫn trong lời khai tại phiên toà với lời khai tại Cơ quan Điều tra của bị cáo hoặc với lời khai của người làm chứng, Kiểm sát viên cần tiến hành đối chất ngay giữa các bị cáo với nhau hoặc giữa các bị cáo và người làm chứng; yêu cầu bị cáo, người làm chứng giải thích lý do về những mâu thuẫn đó.

Trong việc đưa ra chứng cứ, xem xét tài liệu, đồ vật: Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu, đồ vật mới, Kiểm sát viên cần kiểm tra và hỏi họ về nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để kết luận

chính xác. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận ngay mà tài liệu, đồ vật đó có thể làm thay đổi nội dung, tính chất vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để xác minh.

Để việc luận tội đạt hiệu quả cao, Kiểm sát viên phải chuẩn bị kỹ bản luận tội, trong những vụ án ma tuý phức tạp, phải trình duyệt dự thảo luận tội với lãnh đạo Viện Kiểm sát để nhận được sự chỉ đạo cụ thể.

Khi luận tội, Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã kiểm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của bị cáo, người bào chữa... để đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Luận tội phải đưa ra những lập luận có căn cứ để bảo vệ cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử đưa ra được bản án kết tội đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên phải phân tích, phê phán những ảnh hưởng tiêu cực do việc phạm tội về ma tuý gây ra, góp phần giáo dục pháp luật, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Khi tranh luận, Kiểm sát viên phải có ý kiến đáp lại tất cả ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Kiểm sát viên phải ghi lại những ý kiến của những người tham gia phiên toà về bản luận tội. Kiểm sát viên chú ý tập trung tranh luận để bảo vệ quan điểm luận tội, kể cả tranh luận làm rõ những vấn đề mới phát sinh, mâu thuẫn với quan điểm buộc tội, gỡ tội. Những vấn đề tuy đã được đề cập trong bản luận tội nhưng xét thấy cần thiết thì Kiểm sát viên vẫn phải nhắc lại và làm rõ để đảm bảo tính có căn cứ cho nội dung đối đáp của mình. Những ý kiến có cùng nội dung thì Kiểm sát viên gộp lại để đối đáp chung. Trong các vụ án ma tuý lớn, các vụ án ma tuý có nhiều đồng phạm, phạm tội có tổ chức, do tính chất phức tạp của việc đánh giá chứng cứ, khi tranh luận, Kiểm sát viên phải bình tĩnh lựa chọn phương án phù hợp để đối đáp với luật sư và người tham gia tố tụng khác. Kiểm sát viên phải chủ động yêu cầu Hội đồng xét xử đảm bảo trật tự phiên toà trong các tình huống bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có những lời lẽ kích động, xúc phạm đến Kiểm sát viên trong quá trình tranh luận.

CHƯƠNG 21
KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Công tác phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là rất hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Một phần nguyên nhân của tình trạng này là do hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý của Nhà nước chưa đồng bộ và thống nhất, việc ban hành và hướng dẫn thực hiện còn nhiều sơ hở để các đối tượng lợi dụng, thiếu các văn bản hướng dẫn giải thích để áp dụng... dẫn đến việc hiểu và vận dụng trong thực tiễn là không thống nhất. Bởi vì, trong cấu thành cơ bản và tăng nặng có rất nhiều khái niệm cần làm rõ như: gây thiệt hại nghiêm trọng, gây hậu quả nghiêm trọng, thu lời bất chính lớn... Trong bối cảnh đó, hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế có vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần bảo đảm tính hợp pháp, tính có căn cứ của hoạt động khởi tố, không khởi tố của Cơ quan Điều tra, xác định chính xác đâu là hành vi phạm tội, đâu là các vi phạm pháp luật kinh tế; đảm bảo cho việc điều tra, truy tố phải có đầy đủ các căn cứ về pháp luật hình sự và đúng với các quy định của Nhà nước trong từng lĩnh vực quản lý kinh tế cụ thể...

Nghiên cứu quy định của Bộ luật Hình sự về nhóm tội này thấy có những đặc điểm sau:

- Các cấu thành cơ bản của 29 điều luật trong Chương XVI cho thấy: hầu hết các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế đều có cấu thành vật chất. Tức là để xác định có tội hay không thì phải xác định được các yếu tố như: giá trị tài sản phạm pháp, giá trị tài sản bị thiệt hại, thu lợi bất chính lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng; gây hậu quả nghiêm trọng... do đó việc thu thập chứng cứ tài liệu để đánh giá vấn đề này như thế nào là một nội dung hết sức quan trọng và là một yêu cầu nghiệp vụ đối với Kiểm sát viên.

- Các tội phạm này đều xâm phạm đến một hay nhiều quan hệ xã hội trong lĩnh vực quản lý kinh tế cụ thể của Nhà nước. Vì vậy, Kiểm sát viên phải nắm vững hệ thống văn bản quy phạm về quản lý kinh tế trong từng lĩnh vực cụ thể như các văn bản về quản lý xuất nhập khẩu của Bộ Thương mại, các quy định trong luật thuế; quản lý thị trường; quy định quản lý đất đai; quy định quản lý chất lượng hàng hoá...

Kiểm sát viên cũng phải nắm vững một số vấn đề cơ bản trong hoạt động hạch toán kế toán, cơ chế kinh doanh, cơ chế hoạt động sản xuất - kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp như: doanh nghiệp Nhà nước; công ty TNHH; công ty cổ phần, công ty liên doanh...

- Ngoài ra, Kiểm sát viên phải nắm vững những khái niệm cơ bản như: "qua biên giới", "đã bị xử lý hành chính", "đã bị kết án chưa được xoá án tích", "vì vụ lợi, động cơ cá nhân"...

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra

2.1. Kiểm sát việc xử lý tin báo tội phạm kinh tế

- Việc phát hiện các vi phạm trong quản lý kinh tế thường bắt nguồn từ các đơn thư tố giác của nội bộ các doanh nghiệp hoặc thông qua các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị chức năng như: cảnh sát kinh tế, hải quan, quản lý thị trường, thuế, thanh tra, biên phòng... Do đó, các Viện Kiểm sát địa phương trước hết phải thiết lập được cơ chế phối hợp trong việc phát hiện, tiếp nhận và xử lý tin báo tội phạm kinh tế đối với các cơ quan này.

- Xác định rõ những cơ quan, đơn vị nào có chức năng theo tố tụng trong việc giải quyết xử lý tin báo tội phạm kinh tế, ví dụ Hải quan chỉ có thẩm quyền xử lý giải quyết các tin về tội phạm buôn lậu, vận chuyển hàng hoá trái phép qua biên giới. Tuy nhiên, trong thực tế hoạt động quản lý xuất nhập khẩu, cơ quan này còn phát hiện ra các tội phạm về trốn thuế, lừa đảo... do đó phải xác định đúng thẩm quyền xử lý tin báo, nếu phát hiện thấy không đúng thì yêu cầu chuyển cho cơ quan có trách nhiệm như: Cảnh sát điều tra, Cảnh sát kinh tế.

- Sau khi nhận được tin báo thì Kiểm sát viên được phân công phải phối hợp ngay với đơn vị đang thụ lý tin báo để thâm nhập, nghiên cứu hồ sơ và hướng dẫn việc thu thập chứng cứ tài liệu ban đầu như: biên bản thu giữ hàng hoá, lời khai của các đối tượng trong các vụ buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng cấm... để đảm bảo việc thu thập chứng cứ được đúng quy định của tố tụng hình sự, vì các đơn vị phát hiện ban đầu không phải có chuyên môn sâu về lĩnh vực này (như Hải quan, Quản lý thị trường thậm chí là Cảnh sát kinh tế). Làm được như vậy sẽ hạn chế được các sai sót trong thủ tục ban đầu.

- Nếu thấy vụ việc phức tạp thì Kiểm sát viên cần đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát yêu cầu phối hợp liên ngành giải quyết như kết hợp giữa cơ quan Quản lý thị trường, Hải quan với Cảnh sát kinh tế, với Cảnh sát điều tra.

Trong thời gian quy định tại Điều 103 BLTTHS, Kiểm sát viên phải yêu cầu cơ quan đang giải quyết tin báo cung cấp tài liệu, quan điểm xử lý vụ việc để Kiểm sát viên có cơ sở báo cáo các lãnh đạo Viện Kiểm sát. Nếu gặp các vụ phức tạp về chứng cứ, có thể phải yêu cầu họp liên ngành để quyết định đường lối giải quyết (thường là Cơ quan Điều tra chuyên trách, Viện Kiểm sát, Cơ quan đang giải quyết tin báo).

2.2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can

2.2.1 Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án

- Kiểm sát viên phải yêu cầu Cơ quan Điều tra, Điều tra viên cung cấp các tài liệu xác định các dấu hiệu khách quan của tội phạm như: tài liệu chứng minh hành vi qua biên giới của các tội buôn lậu, vận chuyển trái phép; tài liệu chứng minh các hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế, cụ thể: hành vi vi phạm quy định nào của Nhà nước; tài liệu xác định giá trị tài sản phạm pháp, tài sản bị thiệt hại, hậu quả nghiêm trọng... Kiểm sát viên phải nắm chắc từng cấu thành tội phạm cụ thể để yêu cầu Điều tra viên cung cấp đầy đủ các dấu hiệu khách quan của tội phạm đã được khởi tố.

- Một số điểm cần chú ý:

+ Đối với một số tội phạm bắt buộc phải có hậu quả vật chất thì những tài liệu ban đầu không cần chính xác tuyệt đối nhưng những tài liệu đó phải có căn cứ và phải đủ hoặc trên mức quy định. Ví dụ: Trong vụ án buôn lậu, theo lời khai ban đầu và xác định sơ bộ của cơ quan tài chính thì giá trị tài sản phạm pháp là trên 100 triệu đồng.

+ Với những tội phạm bắt buộc xác định giá trị hậu quả thiệt hại thì phải chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ kế toán và có xác nhận của người có thẩm quyền trong cơ quan doanh nghiệp đó hoặc cấp trên của họ hoặc là kết luận của các cơ quan chuyên ngành như: Thanh tra, kết luận kiểm tra của Cảnh sát kinh tế...

+ Với những tội phạm bắt buộc phải xác định giá hàng hoá phạm pháp thì phải có xác định giá tạm thời của cơ quan tài chính như: Phòng tài chính quận, huyện, phòng giá của Sở Tài chính tỉnh, thành phố...

+ Với những tội phạm cần xác định bằng các kết luận khoa học thì chỉ khởi tố vụ án khi có những căn cứ chứng minh chắc chắn, nhưng thường phải có kết luận giám định ban đầu thì mới được khởi tố như các tội: sản xuất, buôn bán hàng giả, các tội liên quan đến tiền tệ, séc giả...

- Kiểm sát viên phải đồng thời tìm các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế trong từng lĩnh vực cụ thể có liên quan đến tội phạm đã khởi tố để đối chiếu với hành vi vi phạm nhằm xác định hành vi đó có vi phạm quy định nào của Nhà nước? xâm hại đến khách thể cụ thể nào?

Sau đó, Kiểm sát viên tìm văn bản xác định hậu quả của hành vi vi phạm để xác định hành vi đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm không? (hậu quả có thể được ghi ngay trong điều luật hoặc phải tìm các văn bản hướng dẫn hoặc là vận dụng các văn bản hướng dẫn một số tội phạm khác).

Kiểm sát viên cần chú ý: những tài liệu mà Kiểm sát viên nghiên cứu xong đều phải được ghi chép, phô tô lại để lưu hồ sơ kiểm sát.

Với các quyết định không khởi tố của Cơ quan Điều tra thì cũng phải kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định đó.

2.2.2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố bị can

Kiểm sát viên cần chủ động yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng minh hành vi khách quan của từng bị can. Nghiên cứu lời khai, tường trình của các bị can và những người có liên quan nhằm làm rõ hành vi của họ có phạm tội không, làm rõ vị trí, vai trò của từng người đó. Nếu xét thấy cần thiết thì có thể trực tiếp hỏi bị can hoặc yêu cầu Điều tra viên hỏi bổ sung làm rõ hành vi phạm tội để quyết định việc phê chuẩn hay không phê chuẩn.

Chú ý: Vì đây là các tội phạm có cấu thành vật chất nên phải xác định được bị can có những hành vi hết sức cụ thể được thể hiện bằng chứng cứ vật chất hoặc bằng các chứng cứ có giá trị chứng minh trực tiếp con người đó đã có hành vi phạm tội, hạn chế việc dùng lời khai để đánh giá hành vi phạm tội của các tội phạm kinh tế.

2.3. Thực hành quyền công tố trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn

2.3.1. Việc áp dụng biện pháp bắt

- Việc bắt quả tang, bắt khẩn cấp thường được áp dụng đối với các tội phạm như: buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; làm, sản xuất, buôn bán hàng giả; lưu hành, tàng trữ, sản xuất tiền giả, séc giả... còn các tội phạm khác thì thực tế ít áp dụng các biện pháp này. Do đó, Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ các tài liệu chứng minh trách nhiệm cá nhân mà người bị bắt với hàng hoá bị tạm giữ (đặc biệt với các hành vi buôn lậu; vận chuyển hàng hoá; lưu hành tiền giả; vận chuyển hàng cấm... bị bắt giữ trên các phương tiện giao thông như xe ô tô khách, tầu khách, tầu thuỷ và các phương tiện công cộng khác, vì đối tượng rất dễ chối bỏ trách nhiệm, sự liên quan đến hàng hoá bị thu giữ. Sau đó, Kiểm sát viên cần yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng minh sơ bộ các phương thức thủ đoạn phạm tội của đối tượng như: thủ đoạn cất giấu tài sản phạm pháp, cách thức làm hàng giả...

2.3.2. Đối với hoạt động tạm giữ, gia hạn tạm giữ

- Kiểm sát viên tiếp tục yêu cầu Cơ quan Điều tra xác định tính liên quan giữa hàng hoá đã thu giữ với đối tượng đang bị tạm giữ, làm rõ phương thức thủ đoạn; xác định sơ bộ số lượng, chủng loại và giá trị hàng hoá, tài sản phạm pháp để xem có cơ sở để khởi tố vụ án, bị can và áp dụng các biện pháp tố tụng tiếp theo không.

2.3.3. Đối với hoạt động bắt tạm giam, hoạt động tạm giam

Đây là những hoạt động hết sức phức tạp, đòi hỏi sự chặt chẽ và thận trọng của Kiểm sát viên như đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát quyết định hay không quyết định phê chuẩn các lệnh bắt tạm giam, lệnh tạm giam của Cơ quan Điều tra.

Trước hết, Kiểm sát viên phải có đủ các tài liệu chứng minh tính chất, mức độ, vai trò của từng bị can. Kiểm sát viên phải kiểm tra các căn cứ chứng minh giá trị tài sản phạm pháp, tài sản thiệt hại, hậu quả của hành vi phạm tội (chú ý là lúc này đã có những tài liệu pháp lý chắc chắn chính xác như kết luận giám định, tài liệu chứng từ kế toán được thẩm tra...).

Kiểm sát viên phải nắm vững các yêu cầu của Điều 88 BLTTHS, xem xét các yêu cầu điều tra mở rộng vụ án là gì? việc bắt bị can để phục vụ yêu cầu gì?

Kiểm sát viên cần cân nhắc giữa các yêu cầu điều tra với các yêu cầu về xã hội, kinh tế, chính trị của địa phương, doanh nghiệp (ví dụ: việc tạm giam giám đốc doanh nghiệp có ảnh hưởng gì đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đó, môi trường đầu tư phát triển của địa phương).

Kiểm sát viên cũng cần chú ý BLTTHS đã có những quy định mở rộng các biện pháp đặt tiền, bảo lĩnh để thay thế các biện pháp tạm giam, đặc biệt là với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Do đó, Kiểm sát viên lưu ý để các quy định này của BLTTHS được áp dụng một cách phù hợp với đối tượng được áp dụng và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.4. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong giai đoạn thu thập chứng cứ, lập hồ sơ vụ án của Cơ quan Điều tra

2.4.1. Đề ra yêu cầu điều tra

- Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, Kiểm sát viên phải định hình được các yêu cầu cơ bản của vụ án. Ví dụ: Trong tội buôn lậu thì các yêu cầu chứng minh dấu hiệu qua biên giới, giá trị hàng hoá, thủ đoạn phạm tội... là những yếu tố quan trọng nhất; trong các vụ án làm hàng giả, buôn bán, sản xuất hàng giả là vấn đề trưng cầu giám định... Tuy nhiên, Kiểm sát viên muốn đề ra yêu cầu chính xác thì trước hết phải nắm vững và nghiên cứu các văn bản tài liệu có liên quan thì mới có định hướng và yêu cầu chính xác được.

- Kiểm sát viên trao đổi với Điều tra viên về các yêu cầu điều tra, định hướng cho Điều tra viên vào một số vấn đề cần thu thập trước (như làm việc với cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý chuyên ngành, xác định các vấn đề cần giám định, thu thập các tài liệu chứng minh hậu quả, giá trị tài sản...). Chú ý: ban đầu có thể chỉ cần trao đổi bằng lời nói và chủ động định hướng cho Điều tra viên thu thập và nghiên cứu những văn bản có liên quan, có thể Kiểm sát viên là người cung cấp văn bản cho Điều tra viên nghiên cứu.

- Sau một thời gian (khoảng 15 đến 30 ngày) tuỳ tính chất của từng vụ án, Kiểm sát viên cần nghiên cứu lại toàn bộ hồ sơ vụ án và có yêu cầu điều tra bằng văn bản (trước khi yêu cầu cần báo cáo với lãnh đạo đơn vị). Yêu cầu này cần nêu những vấn đề chính về thu thập chứng cứ và nếu phát hiện ra các vi phạm của hoạt động tố tụng của Điều tra viên thì phải yêu cầu khắc phục ngay.

Những vấn đề chính cần yêu cầu là:

- Yêu cầu giám định xác định chính xác chất lượng, chủng loại hàng hoá (đối với các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép, hành vi liên quan hàng giả, tiền giả, séc giả...);

- Yêu cầu thành lập hội đồng định giá theo đúng quy định để xác định giá trị hàng hoá phạm pháp (đối với các tội buôn lậu, vận chuyển, buôn bán hàng giả, hàng cấm...);

- Yêu cầu chứng minh hậu quả tội phạm (hậu quả về vật chất, hậu quả phi vật chất), chứng minh tính chất, phương thức thủ đoạn hành vi phạm tội;

- Chứng minh các hành vi vi phạm cụ thể của bị can theo các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế của Nhà nước;

- Xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm với hậu quả xảy ra, đây là vấn đề hết sức quan trọng trong các vụ án vi phạm các quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng như các tội trong Điều 165, 169, 171, 173...

2.4.2. Một số yêu cầu điều tra trong những tội phạm cụ thể

(i) Tội buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới

Kiểm sát viên phải xác định:

- Dấu hiệu qua biên giới (biên giới trên biển? biên giới trên đất liền? đường hàng không?).

- Dấu hiệu nhập lậu, vận chuyển trái phép: xác định thông qua các quy định của Bộ thương mại, quy định trong thủ tục xuất nhập khẩu hàng hoá của Tổng cục Hải quan.

- Giá trị tài sản phạm pháp: trước hết phải giám định về chủng loại, chất lượng sau đó mới xác định về đơn giá (khi khởi tố vụ án chỉ cần có xác định sơ bộ nhưng sau khi khởi tố phải có yêu cầu làm kỹ vấn đề này).

- Phương thức thủ đoạn buôn luận, vận chuyển như thế nào?

(ii) Tội phạm liên quan đến làm sản xuất, buôn bán hàng giả

Kiểm sát viên cần xác định:

- Giả với hàng hoá nào? Hàng hoá thật có được đăng ký nhãn hiệu, chất lượng hay bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở đâu?

- Hàng giả thì giả về chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã xuất xứ... theo các dấu hiệu được quy định tại Thông tư liên tịch số 10 ngày ngày 27/4/2000 của Bộ Thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Khoa học công nghệ.

- Việc lấy mẫu giám định, mẫu so sánh, xác định cơ quan giám định, các yêu cầu cần giám định là gì (đây là vấn đề cực kỳ quan trọng vì vụ án có thành công hay không phụ thuộc vào kết quả giám định và nội dung trả lời của cơ quan giám định).

- Việc xác định giá trị hàng hoá tương dương với hàng thật.

(iii) Hành vi buôn bán hàng cấm:

Kiểm sát viên nhất thiết phải yêu cầu xác định về số lượng, chủng loại, giá trị hàng hoá, lợi nhuận thu được và đặc biệt là phải xác định hàng hoá đó bị cấm theo văn bản nào.

Kiểm sát viên cần chú ý trong thực tiễn rất hay nhầm giữa hàng cấm với hàng hoá kinh doanh có điều kiện như: tiền, ngoại tệ, vàng...

(iv) Hành vi cố ý làm trái hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng:

Yêu cầu đối với Kiểm sát viên là phải xác định rõ hành vi làm trái, hành vi vi phạm cụ thể là gì?

- Hành vi vi phạm đó đã phạm vào quy định của văn bản quy phạm pháp luật nào chú ý là văn bản đó phải có hiệu lực tại thời điểm xảy ra hành vi làm trái hoặc hành vi vi phạm.

- Hậu quả của hành vi là gì? Hậu quả vật chất? Hậu quả xã hội?

- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi làm trái và hậu quả xảy ra.

2.5. Quan hệ phối hợp với Điều tra viên

- Kiểm sát viên tham gia cùng với Điều tra viên một số hoạt động thu thập chứng cứ quan trọng khi xét thấy cần thiết như: hỏi cung bị can; hướng dẫn việc lấy mẫu giám định; tham gia nội dung giám định; làm việc với một số cơ quan chuyên môn, cơ quan chủ quản cấp trên.

Tuỳ thuộc tính chất phức tạp của từng vụ án mà Kiểm sát viên định kỳ thời gian giao ban, trao đổi với Điều tra viên về tình hình thu thập tài liệu vụ án. Kinh nghiệm cho thấy: Kiểm sát viên càng thường xuyên tham gia trao đổi với Điều tra viên càng tốt, vì sẽ nắm vững tiến độ điều tra, những vướng mắc trong hoạt động điều tra, để cùng với Điều tra viên có giải pháp tháo gỡ. Mặt khác, Kiểm sát viên sẽ cùng Điều tra viên đánh giá các tài liệu thu thập được và khi thấy cần thiết thì Kiểm sát viên sao chụp những tài liệu quan trọng để đưa vào hồ sơ vụ án. Việc này sẽ giúp cho Kiểm sát viên nghiên cứu sớm phát hiện vấn đề và thuận lợi cho việc lập hồ sơ kiểm sát sau này.

2.5.1 Kiểm sát việc thực hiện thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam và việc lập hồ sơ

Mười ngày trước khi hết hạn điều tra, thời hạn tạm giam Kiểm sát viên phải nhắc Điều tra viên và chủ động mượn hồ sơ (hoặc đến Cơ quan Điều tra) để nghiên cứu, xác định các vấn đề đã làm được, vấn đề đang và sẽ cần phải điều tra để có căn cứ báo cáo lãnh đạo Viện Kiểm sát cho gia hạn điều tra và đề ra các yêu cầu điều tra tiếp theo.

Những yêu cầu điều tra tiếp theo của giai đoạn này là:

+ Xem các yêu cầu trước đây của Viện Kiểm sát đã được Cơ quan Điều tra thực hiện như thế nào? Cái gì đã làm được? Cái gì chưa làm hoặc không thể làm được?

+ Phát hiện các yêu cầu điều tra mới và hướng giải quyết vấn đề.

+ Xác định các tài liệu thu thập được trong hồ sơ có gì mâu thuẫn và biện pháp xử lý.

+ Hướng Điều tra viên vào việc củng cố tài liệu để chứng minh làm rõ các dấu hiệu cơ bản của tội phạm phục vụ cho việc kết luận điều tra.

Những yêu cầu điều tra ở giai đoạn này cần báo cáo lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện Kiểm sát cho ý kiến chỉ đạo sau đó mới ban hành văn bản yêu cầu.

- Thời điểm này, Kiểm sát viên cũng cần phải tập trung vào việc kiểm sát tính có căn cứ, tính hợp pháp của các tài liệu điều tra đã thu thập được. Ví dụ: các biên bản hỏi cung bị can, tường trình của bị can, các biên bản thu thập chứng cứ...

Nếu phát hiện có vi phạm của Điều tra viên thì yêu cầu khắc phục, nếu vi phạm nghiêm trọng thì báo cáo lãnh đạo đơn vị ra văn bản kiến nghị khắc phục.

Cũng trong giai đoạn này, nếu phát sinh các vấn đề như cần khởi tố thêm bị can, áp dụng, huỷ bỏ, thay đổi các biện pháp ngăn chặn thì Kiểm sát viên vẫn thực hiện các thao tác nghiệp vụ như đã nêu ở phần trên, tuy nhiên, cần có sự thận trọng trước khi đưa ra các hướng giải quyết cuối cùng.

2.5.2 Kiểm sát việc kết thúc điều tra của Cơ quan Điều tra và xử lý vật chứng

- Kiểm sát viên cần kiểm tra xem có đủ tài liệu, chứng cứ kết luận về vụ án và về hành vi của bị can đã khởi tố, nếu đủ cơ sở kết luận thì phải xác định các tình tiết về đặc điểm nhân thân, vị trí, vai trò của từng bị can...

- Nếu có cơ sở xác định một tội danh khác thì phải yêu cầu Cơ quan Điều tra thay đổi quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và định hướng thu thập chứng cứ theo tội danh thay đổi.

- Nếu không có căn cứ hoặc chứng cứ yếu phải báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện Kiểm sát xin đường lối xử lý.

- Trong các vụ án kinh tế thì vấn đề xử lý, bảo quản vật chứng, tài sản có liên quan đến vụ án là rất quan trọng, vì vừa phải đảm bảo yêu cầu giải quyết vụ án một cách chính xác, vừa phải đảm bảo yêu cầu kinh tế, tránh việc thất thoát hư hỏng lãng phí tài sản trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó việc xử lý phải theo đúng quy định tại Điều 75 và Điều 76 BLTTHS.

3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố

3.1 Kiểm tra hồ sơ sau khi nhận hồ sơ vụ án

Kiểm sát viên phải kiểm tra hồ sơ xem có đủ các thủ tục tố tụng hay không? kiểm tra số bút lục, đối chiếu với thống kê tài liệu để xem việc đánh số của Điều tra viên đã phù hợp chưa? có nhầm lẫn gì không? Việc thống kê đã đầy đủ chính xác chưa?... Vì thực tế hồ sơ vụ án kinh tế rất nhiều bút lục. Điều tra viên rất hay nhầm lẫn trong việc đánh bút lục hoặc thống kê tài liệu dẫn đến đánh sai, đánh thừa hoặc là đánh thiếu bút lục.

3.2 Nghiên cứu hồ sơ

- Yêu cầu chung là phải nghiên cứu hồ sơ một cách toàn diện và đầy đủ từ hình thức đến nội dung của hồ sơ. Do hồ sơ án kinh tế gồm rất nhiều tài liệu nên cần có những phương pháp nghiên cứu để vừa đảm bảo về thời hạn, nắm vững những tài liệu chứng cứ, phát hiện các vấn đề vướng mắc trong hồ sơ... Tuy nhiên, để làm được việc này có hiệu quả thì đòi hỏi Kiểm sát viên trong quá trình kiểm sát điều tra phải thường xuyên nghiên cứu, ghi chép, trao đổi với Điều tra viên và đã nắm được những vấn đề cơ bản của hồ sơ. Do đó, việc nghiên cứu hồ sơ của giai đoạn này mang tính chất kiểm tra xem xét đã thu thập tài liệu theo đúng yêu cầu đã đề ra chưa?

- Trước hết, Kiểm sát viên kiểm tra lại tất cả các thủ tục tố tụng trong hồ sơ vụ án từ các quyết định khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, thời hạn tạm giữ, tạm giam... kiểm tra từ ngày tháng ghi trong lệnh, trong quyết định đến nội dung tên người ra quyết định tên bị can, địa chỉ... thậm chí là cả người ký, việc đóng dấu có đúng không? Vì thực tế có trường hợp một người ra lệnh còn bên dưới chức danh đóng dấu tên một người khác hoặc có trường hợp ghi không đúng tên người bị bắt, người bị tạm giam (có trường hợp ghi bắt cả bố bị can). Điều cần chú ý là xem các quyết định, các lệnh đó đã được giao cho bị can, người có liên quan theo đúng quy định của tố tụng hình sự chưa. Ví dụ: đã có biên bản tống đạt quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Viện Kiểm sát cho bị can chưa?

Đối với các vụ án kinh tế thì cần đặc biệt chú ý đến các biên bản: lấy mẫu giám định, biên bản khám xét, biên bản thu giữ tài liệu, biên bản mở niêm phong, thống kê tài liệu, biên bản thu giữ tang vật chứng... Vì đây là những tài liệu quyết định tính hợp pháp hay không của các chứng cứ quan trọng là cơ sở giải quyết vụ án, nếu không chú ý vấn đề này, Kiểm sát viên sẽ rất dễ bị luật sư khai thác và làm Kiểm sát viên lúng túng tại phiên toà.

- Trước khi nghiên cứu nội dung chứng cứ thì Kiểm sát viên nên nghiên cứu kết luận điều tra để có những khái quát chung.

- Nghiên cứu các chứng cứ có giá trị chứng minh trực tiếp như: kết luận giám định; trả lời của các cơ quan quản lý trong lĩnh vực chuyên ngành; tài liệu chứng minh hành vi khách quan của tội phạm; các tài liệu xác định giá trị số lượng tài sản phạm pháp; tài liệu chứng minh hậu quả của hành vi phạm tội, xác định xem các chứng cứ này đã đủ để đánh giá xác định hành vi phạm tội của bị can chưa?

- Kiểm sát viên phải trực tiếp kiểm tra lại các số liệu kế toán, đối chiếu với các chứng từ thu được hoặc kết luận giám định...

- Nghiên cứu lời khai của bị can và những người có liên quan nhằm xác định ý thức chủ quan, nhận thức của bị can trong khi thực hiện hành vi phạm tội. Ví dụ: trong tội cố ý làm trái, bị can có nhận thức hành vi đó là làm trái không? Nếu không khai nhận thì Cơ quan Điều tra đã đưa các tài liệu chứng cứ để đấu tranh với bị can như thế nào? Đã cho bị can đối chiếu sổ sách, chứng từ kế toán, đưa văn bản quy định của Nhà nước ra để đấu tranh chưa? Điều tra viên đã chỉ rõ sự tất yếu giữa hành vi làm trái của bị can với hậu quả xác định được trong vụ án chưa...?

Tóm lại, xuất phát từ đặc điểm, tính chất của từng hồ sơ vụ án kinh tế, Kiểm sát viên có những phương pháp cách thức nghiên cứu hồ sơ khác nhau nhưng đều phải đạt được các yêu cầu là: nắm vững hồ sơ, nắm được các chứng cứ quan trọng, vai trò của từng bị can, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, những vấn đề Cơ quan Điều tra kết luận thì vấn đề nào là chính xác, vấn đề nào chưa chính xác, vấn

đề nào chưa được kết luận, chỗ nào chứng cứ yếu, có thể phải điều tra bổ sung hay không?

3.3. Đánh giá chứng cứ

- Kiểm sát viên phải xác định đầy đủ các thuộc tính của các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ xem đã đảm bảo tính khách quan, tính hợp pháp, tính có liên quan chưa?

- Sử dụng hệ thống chứng cứ trực tiếp để đánh giá và phải xác định được: khách thể (trật tự quản lý kinh tế nào) bị xâm hại, những văn bản pháp lý xác định vấn đề đó đã đầy đủ và phù hợp chưa?

- Tài liệu chứng cứ chứng minh hậu quả, giá trị, số lượng tài sản là bao nhiêu theo quy định của văn bản nào?

- Hành vi mà bị can đã thực hiện phản ánh đầy đủ các dấu hiệu khách quan của tội phạm bị khởi tố chưa?

- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả không?

3.4. Báo cáo án

- Lập báo cáo: nội dung báo cáo phải ngắn gọn, nêu những tài liệu chính chứng minh những vấn đề đã nêu ở mục 4.5.3. Trong vụ án có đồng phạm thì báo cáo án phải làm rõ vị trí, vai trò của từng bị can. Kiểm sát viên cũng phải nêu những vấn đề có đủ căn cứ kết luận, những vấn đề chưa đủ căn cứ kết luận, nêu rõ quan điểm của Kiểm sát viên, quan điểm của phòng nghiệp vụ, những vấn đề vướng mắc cần xin ý kiến chỉ đạo (như về chứng cứ; tội danh; đường lối xử lý; vấn đề áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn...)

- Khi báo cáo án, Kiểm sát viên phải trình bày bình tĩnh, chậm rãi từng vấn đề cụ thể trong vụ án. Do vậy, trong quá trình chuẩn bị, Kiểm sát viên phải hệ thống lại các chứng cứ một cách khoa học, logic và đầy đủ.

3.5. Soạn thảo cáo trạng

Kiểm sát viên có thể sử dụng một trong hai phương pháp: diễn giải và quy nạp. Phương pháp diễn giải thường được sử dụng đối với vụ án có hệ thống chứng cứ phức tạp, cần có phân tích, đánh giá nhiều

để đi đến kết luận. Phương pháp quy nạp được sử dụng đối với vụ án có hệ thống chứng cứ rõ ràng, dễ kết luận. Bản cáo trạng được viết theo mẫu chung, tuy nhiên, trong cáo trạng cần phân tích sâu về hành vi phạm tội gắn liền với vai trò của từng bị can trong vụ án, vì loại án này thường là có đồng phạm; viện dẫn rõ các điều khoản pháp luật tương ứng, các văn bản dưới luật hướng dẫn về lĩnh vực đó để làm rõ vi phạm. Đồng thời với việc đề nghị truy tố, trong cáo trạng cũng cần đề cập tới các biện pháp để xử lý, khắc phục và phòng ngừa các kiểu, loại vi phạm đối với các hành vi vi phạm trật tự quản lý kinh tế.

4. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử

4.1. Giai đoạn chuẩn bị

- Chuẩn bị luận tội: đây là một hoạt động rất quan trọng đối với Kiểm sát viên. Nội dung luận tội phụ thuộc vào kết quả xét hỏi tại phiên toà nhưng Kiểm sát viên vẫn phải chuẩn bị luận tội trước dựa trên hệ thống chứng cứ vật chứng, lời khai của bị can trong giai đoạn điều tra. Đây cũng là định hướng cho việc thẩm vấn của Kiểm sát viên tại phiên toà.

- Chuẩn bị đề cương xét hỏi: Kiểm sát viên cần tập trung vào các vấn đề xác định bị cáo có những hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước; xét hỏi bị cáo về những thiệt hại đã được xác định trong quá trình điều tra...

- Dự kiến các tình huống phức tạp sẽ diễn ra: Kiểm sát viên lưu ý các điểm yếu về chứng cứ, thủ tục tố tụng trong hồ sơ vụ án vì đây là những chỗ dễ bị luật sư khai thác.

- Kiểm sát viên phải tổng hợp và nắm vững hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Nếu trong văn bản có những quy định chưa thật rõ ràng thì phải có dự kiến khi đối đáp.

- Tìm hiểu các luật sư tham gia bào chữa cho các bị cáo, vì trong các vụ án kinh tế có nhiều luật sư có trình độ tham gia. Do đó, trong một số trường hợp, Kiểm sát viên nên tìm hiểu luật sư là ai? Trình độ như thế nào? Sở trường của luật sư đó là gì?

- Chuẩn bị lập luận đối đáp những vấn đề mà luật sư có thể nêu ra.

4.2. Tại phiên toà

- Các thao tác nghiệp vụ giống như khi tham gia vào các phiên toà xét xử các tội phạm khác, tuy nhiên, đối với các phiên toà xét xử các tội phạm kinh tế thì Kiểm sát viên cần chú ý:

+ Sự có mặt của người giám định, đại diện cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý chuyên ngành... là rất quan trọng để những người này phát biểu quan điểm của mình về những vấn đề có liên quan.

+ Tập trung xét hỏi vào những vấn đề phục vụ cho việc phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát trong phần luận tội.

+ Chú ý lắng nghe; ghi chép và phát hiện những vấn đề mà luật sư hỏi để dự kiến đối đáp.

+ Bổ sung kịp thời các vấn đề đã được thẩm vấn vào bản luận tội.

+ Bài phát biểu của luật sư thường rất dài, do đó Kiểm sát viên cần nắm và tóm tắt những vấn đề mà luật sư nêu ra, nắm chắc ý kiến phát biểu trong bài bào chữa của luật sư là gì? bị cáo không phạm tội do không đủ chứng cứ kết luận? Việc điều tra có vi phạm thủ tục tố tụng? Các bị cáo phạm tội khác? cần phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung...

+ Khi tranh luận: đòi hỏi Kiểm sát viên phải bình tĩnh, chắc chắn trong phát biểu, không bị kích động trước các lời phát biểu không mang tính xây dựng tại phiên toà... khi tranh luận phải sử dụng các hệ thống chứng cứ trực tiếp, dẫn chứng được các quy định trong văn bản quy phạm.

4.3. Kết thúc phiên toà

- Báo cáo kết quả xét xử cho lãnh đạo đơn vị.

- Xem xét, đánh giá kết quả xét xử xem có phù hợp không? Có cần kháng nghị không?

- Tổ chức rút kinh nghiệm.

CHƯƠNG 22

KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm trật tự, an toàn giao thông

Giữ gìn an toàn công cộng và trật tự công cộng là một bộ phận quan trọng của hoạt động quản lý xã hội. Để tổ chức và quản lý xã hội tốt cần phải kết hợp chặt chẽ, đồng bộ các biện pháp hành chính - kinh tế, thuyết phục, giáo dục và cưỡng chế, trong đó Luật Hình sự giữ vai trò rất quan trọng.

Chương XIX Bộ luật Hình sự 1999 (từ Điều 202 đến Điều 256) quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Trong đó từ Điều 202 đến Điều 223 là các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thuỷ và đường hàng không...) Riêng các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ có 6 điều (từ Điều 202 đến Điều 207).

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và mở rộng hợp tác quốc tế, các phương tiện giao thông đường bộ ngày càng gia tăng cả về chủng loại, số lượng và mật độ lưu thông. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước và toàn xã hội hiện nay là bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, hạn chế và từng bước đẩy lùi các vụ tai nạn giao thông. Các cơ quan bảo vệ pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết các vụ việc xâm phạm trật tự, an toàn giao thông. Tuy nhiên, tồn tại một số hạn chế cơ bản sau trong quá trình xử lý theo pháp luật hình sự:

- Nhiều vụ tai nạn giao thông do Cảnh sát giao thông khám nghiệm hiện trường không báo cho Viện Kiểm sát, việc khám nghiệm không đúng thành phần theo quy định của pháp luật, nhiều dấu vết quan trọng bị bỏ qua, sau khi khởi tố phải dựng lại hiện trường, thực nghiệm điều tra. Công tác bảo vệ hiện trường của Công an và chính quyền địa phương không chu đáo hoặc do sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng không tốt nên việc khám nghiệm tiến hành chậm, làm cho hiện trường bị xáo trộn, mất dấu vết, vật chứng. Về thủ tục, cũng

thường có nhiều thiếu sót, biên bản khám nghiệm không ghi đầy đủ theo quy định. Vật chứng thu giữ bảo quản không tốt, để mất mát hư hỏng... Tất cả các yếu tố trên dẫn đến việc giải quyết án gặp nhiều khó khăn, có vụ việc bế tắc, phải đình chỉ điều tra.

-. Đối với nhiều vụ tai nạn giao thông thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, do nắm tình hình ban đầu không chính xác, chưa rõ mức độ thương tích của nạn nhân, Cơ quan Điều tra chỉ cho lá va quệt nhẹ nên không báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp biết, tự mình khám nghiệm, dẫn đến việc khám nghiệm sơ sài, thậm chí không đủ thành phần, phải khám nghiệm bổ sung, làm cho thời gian giải quyết án bị kéo dài.

- Trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, do việc quản lý tin báo tội phạm chưa tốt nên một số Viện Kiểm sát địa phương không nắm bắt kịp thời đầy đủ, những vụ việc vi phạm, tội phạm xảy ra trên địa bàn, nên khi được thông báo có khám nghiệm hiện trường, tử thi, đã phân công cán bộ có năng lực hạn chế hoặc không có chức danh pháp lý đi kiểm sát khám nghiệm hiện trường nên chất lượng không cao, không thể hiện được vai trò, chức năng kiểm sát của Viện Kiểm sát. Một số Viện Kiểm sát cấp huyện còn chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm sát khám nghiệm hiện trường, tử thi; vẫn còn tình trạng đùn đẩy, ỉ lại vào Viện Kiểm sát cấp trên. Việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn công tác kiểm sát khám nghiệm hiện trường, tử thi trong án tai nạn giao thông chưa được toàn ngành quan tâm đúng mức. Do vậy, việc nâng cao trình độ cho Kiểm sát viên làm công tác này không đồng đều, chất lượng hiệu quả không cao. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn giữa cấp trên với cấp dưới về hoạt động kiểm sát khám nghiệm chưa được thường xuyên. Tình hình tai nạn giao thông ngày càng gia tăng làm cho khối lượng công việc trong hoạt động điều tra và kiểm sát điều tra (KSĐT) tại hiện trường cũng không ngừng tăng lên. Trong khi đó, biên chế của các đơn vị hầu như không thay đổi – đây là một thách thức lớn đối với hoạt động kiểm sát trong lĩnh vực này, đòi hỏi sự cố gắng nỗ lực rất lớn của lãnh đạo Viện Kiểm sát các địa phương, của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên trong công tác KSĐT nói chung và kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi nói riêng.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra

2.1. Xây dựng mối quan hệ phối hợp tốt với Cơ quan Điều tra và các cơ quan nghiệp vụ khác trong công tác khám nghiệm

Ngoài trách nhiệm của lãnh đạo Viện Kiểm sát các địa phương, của phòng nghiệp vụ thì từng cán bộ, Kiểm sát viên được giao nhiệm vụ giải quyết án tai nạn giao thông phải xây dựng được mối quan hệ phối hợp tốt với Cơ quan Điều tra nói chung và các Điều tra viên nói riêng, xây dựng quan hệ phối hợp với các cơ quan chuyên môn khác như pháp y, cảnh sát kỹ thuật hình sự, cảnh sát giao thông trong việc khám nghiệm hiện trường, tử thi để tiến hành đồng bộ giữa việc thu thập dấu vết, vật chứng tại hiện trường với các hoạt động điều tra xác minh ban đầu nhằm làm sáng tỏ vụ việc, xác định có dấu hiệu tội phạm hay không cũng như đề ra phương hướng điều tra tiếp theo.

2.2. Kiểm sát hoạt động điều tra tại hiện trường

- Kiểm sát viên kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, tử thi phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động kiểm sát các hoạt động tại hiện trường của Điều tra viên, Giám định viên và các hoạt động điều tra khác trong việc thu thập dấu vết, vật chứng, chụp ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường, ghi lời khai nhân chứng, đảm bảo khách quan, toàn diện và đầy đủ.

- Trước khi khám nghiệm hiện trường, Kiểm sát viên phải kịp thời nắm bắt những thông tin ban đầu về vụ việc để nghiên cứu, đánh giá, chủ động bàn bạc với Điều tra viên, đề ra nội dung, phương pháp, trình tự khám nghiệm hiện trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác kiểm sát khám nghiệm hiện trường vụ án tai nạn giao thông cần đặc biệt chú ý một số điểm sau:

+ Chiều hướng chuyển động của các phương tiện gây ra tai nạn, của nạn nhân có liên quan đến tai nạn;

+ Phần đường chuyển động của các phương tiện cũng như vị trí dừng lại của các phương tiện, của nạn nhân sau khi tai nạn xảy ra;

+ Dấu vết va chạm cũng như chiều hướng của các dấu vết va chạm giữa các phương tiện với nhau? giữa các phương tiện với nạn nhân;

+ Khi xác định và thu thập dấu vết cần chú ý cả dấu vết trên đường, dấu vết trên các phương tiện, dấu vết trên tử thi... (ở các vị trí cụ thể nào);

- Khám nghiệm hiện trường phải kết hợp với khám nghiệm tử thi để sơ bộ xác định nguyên nhân chết của nạn nhân? Nguyên nhân chết đó có phù hợp với các dấu vết để lại trên người nạn nhân không? (kể cả trên các vị trí quần, áo...) có phù hợp và liên quan đến các dấu vết khác trên hiện trường, trên các phương tiện gây tai nạn không?...

- Sau khi khám nghiệm hiện trường, Kiểm sát viên phải kiểm tra biên bản khám nghiệm, bảo đảm nội dung biên bản được phản ánh với thực tế ở hiện trường.

2.3. Đề ra yêu cầu điều tra vụ án

- Trên cơ sở kết quả công tác khám nghiệm hiện trường, Kiểm sát viên phối hợp với Điều tra viên để sơ bộ kết luận trách nhiệm lỗi vi phạm thuộc về ai? Có đủ yếu tố xử lý hình sự không? Nếu đủ thì yêu cầu khởi tố vụ án hình sự để điều tra theo tố tụng hình sự. Yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn nào?

- Phiếu yêu cầu điều tra phải bảo đảm các nội dung cơ bản như:

+ Xác định trách nhiệm, lỗi vi phạm;

+ Tung tích nạn nhân, nguyên nhân chết (hoặc tỷ lệ thương tích);

+ Tung tích lái xe (đối với các trường hợp gây tai nạn xong bỏ chạy);

+ Các yêu cầu đối với lời khai người bị hại hoặc thân nhân người bị hại (lưu ý phần yêu cầu dân sự), lời khai nhân chứng, người hoặc cơ quan có liên quan như chủ phương tiện, cơ quan bảo hiểm...

+ Các tài liệu giám định khoa học;

+ Thời hạn điều tra.

2.4. Nghiên cứu hồ sơ và báo cáo án

- Phương pháp nghiên cứu hồ sơ và báo cáo án thực hiện như các loại tội cụ thể khác và thực hiện theo Quy chế tạm thời số 121 ngày 16/9/2004 của VKSNDTC.

- Khi thụ lý hồ sơ kết thúc điều tra, Kiểm sát viên cần kiểm tra xem hồ sơ vụ án đã có đủ các thủ tục về tố tụng hay chưa? ngoài các thủ tục tố tụng chung bắt buộc phải kiểm tra các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Biên bản khám nghiệm hiện trường, tử thi.

+ Biên bản giám định pháp y về nguyên nhân cái chết của nạn nhân, các biên bản về giám định chất kích thích hoá học (rượu, bia...)

+ Các biên bản giám định dấu vết...

+ Biên bản kết luận mức độ thương tật của bị hại, các yêu cầu bồi thường dân sự.

- Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án cần hết sức chú ý xem xét các chứng cứ để xác định ý thức chủ quan của người phạm tội:

+ Các yếu tố khách quan mà qua đó có thể chứng minh lỗi của bị can, các chứng cứ xác định mối quan hệ giữa người phạm tội và người bị hại.

+ Chứng cứ xác định mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra (về người, về tài sản).

Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên trực tiếp làm rõ hoặc đề xuất trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay truy tố bị can ra trước Toà án bằng bản cáo trạng (theo mẫu). Trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Kiểm sát viên phải tuân thủ quy định tại Điều 168 BLTTHS.

3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử

3.1. Kiểm sát việc chuẩn bị xét xử

Công tác kiểm sát chuẩn bị xét xử được thực hiện theo Quy chế tạm thời số 121 ngày 16/9/2004 của VKSNDTC. Kiểm sát viên cần lưu ý một số điểm cụ thể sau:

+ Kiểm sát việc thụ lý của Toà án;

+ Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi các biện pháp ngăn chặn của Toà án (biện pháp ngăn chặn tạm giam phải do Chánh án, Phó Chánh án quyết định);

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử (chú ý thành phần Hội đồng xét xử);

+ Tất cả các quyết định của Toà án đều phải gửi cho Viện Kiểm sát cùng cấp theo quy định của Điều 128 BLTTHS.

Kiểm sát viên phải lập đề cương tham gia xét hỏi tại phiên toà. Đề cương xét hỏi cần tập trung những câu hỏi để làm sáng tỏ các tình tiết thuộc hành vi phạm tội của bị cáo như:

+ Lỗi vi phạm của bị cáo?

+ Phạm vào điều nào của Luật giao thông đường bộ (Luật số 26 ngày 29/6/2001)?

+ Là lỗi chính hay lỗi hỗn hợp?

+ Nạn nhân có lỗi hay không (nếu có thì đó là lỗi gì?...)

+ Giải đáp mâu thuẫn giữa các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

+ Những tài liệu, chứng cứ cần công bố...

Trong giai đoạn này, Kiểm sát viên cũng phải xây dựng dự thảo luận tội. Do các tội xâm phạm trật tự, an toàn công cộng có đặc điểm chung là lỗi vô ý, vì vậy bản luận tội phải nhấn mạnh được trách nhiệm lỗi vi phạm thuộc về ai? Tính chất, tác hại do hành vi phạm tội gây ra? Hậu quả chung của tội phạm đối với xã hội ở địa bàn nơi tội phạm xảy ra và đặc biệt chú ý đến công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân cũng như các biện pháp phòng ngừa (nếu có).

3.2. Hoạt động thực hành quyền công tố tại phiên toà

Hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp tại phiên toà đòi hỏi Kiểm sát viên phải:

- Kiểm sát viên kiểm sát việc chấp hành các thủ tục tố tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử (HĐXX);

- Khi đọc cáo trạng, Kiểm sát viên phải đọc to, rõ ràng, không nói ngọng, đặc biệt lưu ý các từ ngữ nước ngoài;

- Trên cơ sở đề cương xét hỏi đã chuẩn bị, Kiểm sát viên phải chủ động xét hỏi để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, song phải tuân thủ trình tự theo quy định của Điều 207 BLTTHS; đặt câu hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu và tránh giải thích câu hỏi...

- Các câu hỏi của Kiểm sát viên cần tập trung vào các vấn đề như: lỗi vi phạm của bị cáo, tình trạng phương tiện giao thông, tình trạng thời tiết, vấn đề bồi thường cho nạn nhân hoặc gia đình họ...

- Phải ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của HĐXX, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác...

- Trong quá trình xét hỏi tại phiên toà, Kiểm sát viên phải nhanh chóng bổ sung những tình tiết mới hoặc những vấn đề đã làm sáng tỏ vào trong bản dự thảo luận tội của mình;

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày bản luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã kiểm tra tại phiên toà. Việc đề nghị áp dụng hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại phải chính xác theo quy định của Luật giao thông đường bộ số 26 ngày 29/6/2001 của Quốc hội khoá X; điều nào của BLHS và các điều trong chương V phần thứ 3 của Bộ luật Dân sự (từ Điều 609 - Điều 616 Bộ luật Dân sự);

- Trong phần tranh luận đối với các vụ án loại này thường xảy ra quan hệ căng thẳng giữa người bị hại (hoặc đại diện hợp pháp của họ) với bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo (nhất là khi bị hại chưa nhận được bù đắp gì về phần dân sự). Do vậy, Kiểm sát viên phải hết sức bình tĩnh, khách quan và tôn trọng mọi ý kiến của những người tham gia tố tụng;

- Phải đối đáp với tất cả các ý kiến của các bên đưa ra, lời đối đáp phải chính xác, khoa học, có căn cứ pháp lý và phải có tính thuyết phục cao. Không nên để xảy ra trường hợp chủ toạ phiên toà phải đề nghị Kiểm sát viên đối đáp những vấn đề luật sư nêu ra mà Kiểm sát viên chưa trả lời.

- Kiểm sát việc tuyên án: khi Chủ toạ phiên toà tuyên án, Kiểm sát viên phải chú ý ghi chép lại những nhận định quan trọng và nội dung cũng như quyết định của bản án. Kiểm sát viên đặc biệt lưu ý về các vấn đề như tội danh mà bị cáo tuyên xử (có bị nhầm lẫn về tội danh không, tội danh đó có nặng hơn tội danh mà Viện Kiểm sát truy tố không, khung hình phạt mà Hội đồng xét xử áp dụng, vấn đề bồi thường... làm cơ sở cho việc đề xuất các ý kiến của mình sau khi phiên tòa kết thúc.

3.3. Hoạt động của Kiểm sát viên sau phiên toà

- Ngay sau khi tuyên án phải kiểm sát việc Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo hoặc bắt tạm giam bị cáo theo đúng quy định của Điều 227, Điều 228 BLTTHS.

- Quyết định tạm giam bị cáo do Thẩm phán chủ toạ phiên toà ký và phải gửi ngay cho Viện Kiểm sát.

- Ngay sau khi kết thúc phiên toà, Kiểm sát viên phải kiểm tra biên bản phiên toà và đối chiếu với những phần mình đã ghi chép được, nếu thấy có sai sót hoặc không chính xác thì phải yêu cầu Thư ký khắc phục ngay.

- Báo cáo kết quả phiên toà với đồng chí Viện trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị.

- Làm báo cáo xét xử theo mẫu quy định.

- Viết kháng nghị phúc thẩm hoặc báo cáo kháng nghị giám đốc thẩm (nếu có).

- Tích luỹ các vi phạm trong hoạt động xét xử (nếu có).

CHƯƠNG 23

KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN

1. Một số vấn đề chung về thủ tục rút gọn

1.1. Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn

Dù tiến hành theo thủ tục thường hay theo thủ tục rút gọn thì vai trò, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật không có gì thay đổi. Khi tiến hành thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn, Viện Kiểm sát phải chú ý đến phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn. Điều 318 BLTTHS quy định về vấn đề này như sau: "Thủ tục rút gọn đối với việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm được áp dụng theo quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định của chương này".

Thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự là đơn giản hoá, giản lược bớt những thủ tục, công đoạn, trong khi giải quyết vụ án. Một vấn đề đặt ra là: Chỉ rút gọn về thời gian hay cả các thao tác tố tụng. Rút gọn ở những giai đoạn nào, giai đoạn điều tra, hay truy tố, xét xử hay ở cả ba giai đoạn trên. Đây là vấn đề phức tạp khi xem xét xây dựng thủ tục rút gọn, vì mỗi thao tác tố tụng, nếu rút gọn sẽ liên quan đến rất nhiều các nguyên tắc tố tụng.

Theo các quy định ở Điều 318 BLTTHS thì phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn được hiểu ở hai góc độ: Một là giới hạn các hoạt động tố tụng, giai đoạn tố tụng có thể áp dụng thủ tục rút gọn; hai là giới hạn của việc rút gọn; rút gọn cái gì, đến mức nào? Nếu xét dưới hai góc độ nêu trên, có thể thấy thủ tục rút gọn chỉ áp dụng ở giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm. Nếu có kháng cáo, kháng nghị thì việc xét xử phúc thẩm sẽ theo thủ tục chung. Thủ tục tố tụng được rút gọn trong quá trình điều tra, truy tố chỉ dừng lại ở việc rút gọn thủ tục đề nghị truy tố và truy tố cũng như thời gian tố tụng được rút ngắn lại.

Như vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể xem xét giảm bớt một số hoạt động tố tụng, trình tự thủ tục hoặc nội dung của hoạt động đó. Tuy nhiên, giới hạn của việc rút gọn này là các quy định cụ thể trong chương thủ tục rút gọn (Chương XXX IV BLTTHS) và các quy định khác trong BLTTHS nếu các quy định đó không trái với quy định của chương thủ tục rút gọn.

1.2 Điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn

Theo quy định tại Điều 319 BLTTHS năm 2003 thì việc áp dụng thủ tục rút gọn khi có đủ các điều kiện sau:

(i) Điều kiện thứ nhất, người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang.

Người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang là người bị bắt khi đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm. Điều kiện này nhằm bảo đảm không có bất cứ sự nhầm lẫn sai sót nào về bị can, bị cáo. Tuy nhiên khi xem xét điều kiện này cần chú ý những vấn đề cụ thể sau đây.

Người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang được hiểu là người đó bị bắt khi đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện, đuổi bắt. Thực ra khi nhấn mạnh tính chất phạm tội quả tang, coi đó là một điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn là muốn nhấn mạnh tính chất phạm tội đơn giản, rõ ràng về mặt chứng cứ, qua đó có thể xác định vụ án có điều kiện để giải quyết nhanh chóng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp mặc dù người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang nhưng vụ án lại mang tính phức tạp do người bị bắt không chỉ thực hiện hành vi mà bị phát hiện, đuổi bắt mà có thể trước đó còn thực hiện các hành vi phạm tội khác hoặc đồng phạm trong vụ án khác. Mặt khác, có những trường hợp hành vi khách quan là quả tang nhưng yếu tố chủ quan (lỗi) lại rất phức tạp, khó xác định.

Như vậy, để áp dụng thủ tục rút gọn thì điều kiện đầu tiên là người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang.

(ii) Điều kiện thứ hai, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng.

Đây là yếu tố rất quan trọng để có thể giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn. Cần nhấn mạnh sự việc phạm tội đơn giản là các trường hợp:

+ Hành vi khách quan và các yếu tố khác không có những tình tiết phức tạp, khó xác định;

+ Chứng cứ rõ ràng là chứng cứ không thể gây nghi ngờ về việc thu thập, bảo quản và giá trị chứng minh, giải quyết vụ án. Trong vụ án, người phạm tội đã nhận tội và chỉ có từ một đến hai người phạm tội nhưng không có yếu tố cấu kết, tổ chức. Nếu sự việc phạm tội cần phải điều tra thêm, việc phạm tội có tổ chức, có nhiều người tham gia, có liên quan đến nhiều người, nhiều lĩnh vực thì không thể coi là sự việc phạm tội đơn giản.

(iii) Điều kiện thứ ba, tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng,

Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt dành cho tội đó không quá ba năm tù. Theo quy định của BLHS thì có 12 nhóm tội phạm có điều luật quy định mức hình phạt từ 3 năm tù trở xuống. Tuy nhiên trong số các tội phạm ít nghiêm trọng thì một số loại tội phạm về môi trường, tội phạm chức vụ và một số tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân thường rất phức tạp, khó thu thập chứng cứ, khó chứng minh vì vậy thực tế việc áp dụng thủ tục rút gọn với những loại tội này sẽ rất khó khăn.

(iv) Điều kiện thứ tư, người phạm tội có căn cứ, lai lịch rõ ràng.

Điều kiện này đòi hỏi phải có đủ các thông tin cần thiết về cá nhân người phạm tội, bao gồm thông tin về tuổi tác, nghề nghiệp, quê quán, quá trình sinh sống, các mối quan hệ cơ bản của người đó nhằm đảm bảo việc xem xét được chính xác những vấn đề như người phạm tội có phải là tái phạm hoặc là lưu manh chuyên nghiệp không. Việc xác minh các yếu tố nhân thân đơn giản, không phức tạp.

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn

Kỹ năng của Kiểm sát viên trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn nhìn chung cũng giống như các kỹ năng của Kiểm sát viên khi giải quyết một vụ án theo thủ tục chung nhưng về mặt thời gian có những điểm khác.

2.1. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn

Khi nghiên cứu hồ sơ, đề xuất của Cơ quan Điều tra về việc áp dụng thủ tục gọn, Kiểm sát viên cần chú ý các tài liệu sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang: Cần chú ý ở hai góc độ: thứ nhất, người phạm tội bị bắt quả tang thì mới được áp dụng thủ tục rút gọn; thứ hai, biên bản bắt người phạm tội quả tang có thể được coi là một hồ sơ phạm tội được thu gọn lại gồm đủ các tài liệu về hiện trường, thời gian, địa điểm phạm tội, lời khai của người phạm tội, lời khai của người bị hại và người làm chứng... tang vật, vật chứng và những nét chính về lại lịch của người phạm tội. Ngoài ra, đây là các lời khai ban đầu của người phạm tội và những người khác có liên quan nên rất có giá trị chứng minh. Khi nghiên cứu biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kiểm sát viên phải thực hiện các thao tác nghiệp vụ nghiên cứu hồ sơ như trong vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- Các biên bản lời khai (nếu có): Nghiên cứu để thấy được sự việc phạm tội là đơn giản, chứng cứ rõ ràng; ngoài ra, qua các lời khai Kiểm sát viên còn nhận định sự việc phạm tội có phải là tội ít nghiêm trọng hay không. Kiểm sát viên sẽ xác định được hành vi, thủ đoạn của người phạm tội là đơn giản hay phức tạp; rõ ràng hay không.

- Lý lịch của người phạm tội: bao gồm danh chỉ bản, lý lịch tự khai của người phạm tội, lý lịch do Cơ quan có thẩm quyền lập. Khi nghiên cứu lý lịch của người phạm tội, Kiểm sát viên cần lưu ý lý lịch, căn cước của người phạm tội có rõ ràng không. Cơ quan Điều tra đã xác định đầy đủ lý lịch của người phạm tội chưa. Đã có đủ các yếu tố

về nhân thân hay chưa; người phạm tội khai có nhất quán về nhân thân của mình hay không.

Khi báo cáo để đề xuất với lãnh đạo Viện Kiểm sát ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn Kiểm sát viên phải chuẩn bị Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn theo mẫu do Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao ban hành.

Viện Kiểm sát sau khi quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, có trách nhiệm gửi quyết định này cho bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ và Cơ quan Điều tra trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

Việc áp dụng thủ tục rút gọn không những liên quan đến hoạt động tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng mà còn liên quan trực tiếp đến bị can. Vì vậy để bảo đảm các quyền của bị can, Luật Tố tụng quy định bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại quyết định áp dụng thủ tục rút gọn. Luật không quy định về nội dung khiếu nại, nhưng từ tinh thần của điều luật, có thể thấy nội dung khiếu nại ở đây là việc bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ không đồng ý giải quyết vụ việc này theo thủ tục rút gọn. Vì vậy, khi nhận được đơn khiếu nại, Viện Kiểm sát phải xem xét, giải quyết vấn đề một cách khách quan và thận trọng. Thời hạn hợp pháp để khiếu nại là ba ngày kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng thủ tục rút gọn. Nơi gửi khiếu nại là Viện Kiểm sát đã ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.

Điều 320 BLTTHS quy định Viện Kiểm sát đã quyết định áp dụng thủ tục rút gọn có trách nhiệm nhận khiếu nại và có trách nhiệm giải quyết khiếu nại. Thời hạn giải quyết khiếu nại là ba ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Điều luật này không quy định cụ thể thẩm quyền, phạm vi giải quyết khiếu nại, nhưng theo tinh thần chung của điều luật, Viện Kiểm sát có thể đồng ý với khiếu nại và huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn. Việc huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án theo thủ tục chung có thể xảy ra trong các trường hợp sau: Khi phát hiện vụ án không thuộc phạm vi, điều kiện áp

dụng thủ tục rút gọn; khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng các quy định của BLTTHS về áp dụng thủ tục rút gọn.

2.2. Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo thủ tục rút gọn

Việc điều tra vụ án theo thủ tục rút gọn vẫn tiến hành theo thủ tục chung nhưng cần lưu ý:

- Về thời hạn để tiến hành điều tra: Theo Khoản 1 Điều 321 BLTTHS thời hạn điều tra là 12 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án không có việc gia hạn điều tra trong thủ tục này.

- Về quyết định sau khi điều tra: Sau khi kết thúc điều tra, Cơ quan Điều tra phải ra quyết định đề nghị truy tố và gửi hồ sơ sang Viện Kiểm sát. Quyết định đề nghị truy tố phải có những nội dung cơ bản của kết luận điều tra. Quyết định truy tố phải được gửi cho bị can.

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Các căn cứ, thẩm quyền vẫn giống thủ tục chung nhưng về biện pháp ngăn chặn tạm giữ và tạm giam thì thời hạn bị rút ngắn đi và không được gia hạn tạm giữ, tạm giam khi các lệnh này hết hạn. Thời hạn tạm giữ không quá ba ngày; thời hạn tạm giam để điều tra và truy tố là không quá 16 ngày.

Trong quá trình điều tra theo thủ tục rút gọn, nếu phát hiện Cơ quan Điều tra vi phạm pháp luật, Viện Kiểm sát có quyền hủy bỏ, thay đổi các quyết định đó như việc điều tra theo thủ tục chung để đảm bảo việc điều tra đúng pháp luật.

2.3. Truy tố

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên được phân công giải quyết vụ án vẫn tiến hành các hoạt động nghiệp vụ như khi giải quyết các vụ án theo thủ tục chung nhưng thời hạn để quyết định và chuẩn bị văn bản truy tố là 4 ngày. Vì vậy việc nghiên cứu hồ sơ cần phải nhanh chóng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Kiểm sát viên phải chuẩn bị quyết định truy tố theo mẫu của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao trong đó quyết định truy tố bị can ra trước Toà án để xét xử về tội, theo điều khoản của BLHS. Quyết định truy tố phải đảm bảo hình thức và nội

dung pháp luật quy định. Quyết định truy tố được soạn thảo đơn giản hơn so với cáo trạng vì trong quyết định truy tố không cần trình bày sự việc phạm tội mà chỉ có quyết định truy tố về tội danh và điều khoản.

Ngoài ra, theo thủ tục chung, Kiểm sát viên có thể đề xuất Viện trưởng áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam nhưng do trong thủ tục rút gọn thời hạn tạm giam để điều tra, truy tố chỉ có 16 ngày nên nếu có căn cứ để tạm giam thì Cơ quan Điều tra sẽ ra lệnh tạm giam đến hết thời hạn truy tố luôn.

Trong trường hợp cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc tạm đình chỉ vụ án, việc tố tụng không còn giữ được tính chất rút gọn theo thủ tục rút gọn nữa (trước hết là về mặt thời hạn). Do vậy, Viện Kiểm sát phải ra quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và trả hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

3. Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn

Sự tham gia của Kiểm sát viên trong phiên toà xét xử sơ thẩm là để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Các thao tác mà Kiểm sát viên phải thực hiện trong phiên toà rút gọn về cơ bản cũng theo những quy định chung, chỉ có sự khác biệt cơ bản là về mặt thời gian.

3.1. Hoạt động của Kiểm sát viên trước khi mở phiên toà xét xử sơ thẩm hình sự

Để tham gia phiên toà có kết quả, trước hết Kiểm sát viên phải nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ vụ án một cách toàn diện từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc áp dụng các thủ tục trong giai đoạn điều tra đến quyết định truy tố. Ngoài ra Kiểm sát viên còn phải chuẩn bị kế hoạch xét hỏi tại phiên toà, dự thảo luận tội để tham gia phiên toà sơ thẩm.

Khi lập kế hoạch xét hỏi tại phiên toà theo thủ tục rút gọn, Kiểm sát viên cần chú ý các điểm sau:

- Vì bị bắt quả tang khi đang phạm tội nên thông thường bị cáo rất khó chối tội nên Kiểm sát viên không cần phải dự liệu trường hợp bị cáo chối tội;

- Là sự việc phạm tội đơn giản, lý lịch rõ ràng nên Kiểm sát viên chỉ cần chuẩn bị câu hỏi mang tính chất gợi mở để bị cáo tự khai là có thể làm rõ được nội dung vụ án.

Về việc chuẩn bị bài luận tội: Nhìn chung, bài luận tội được soạn thảo theo mẫu chung do Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao hướng dẫn. Do vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn là những vụ án đơn giản rõ ràng, bắt quả tang nên bài luận tội chỉ cần tập trung vào phần nội dung, chủ yếu nêu rõ các chứng cứ chứng minh hành vi.

Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Toà án trong việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên chủ yếu tập trung vào việc kiểm sát việc thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử (không quá 7 ngày) và thời hạn tạm giam bị cáo để xét xử (không quá 14 ngày). Ngoài ra, Kiểm sát viên phải kiểm sát việc chuyển giao các quyết định của Tòa án cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay tạm đình chỉ vụ án thì Kiểm sát viên phải nghiên cứu lại hồ sơ và giải quyết theo thủ tục chung.

3.2. Hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày quyết định đưa vụ án ra xét xử, Toà án phải mở phiên toà xét xử. Việc xét xử được tiến hành theo thủ tục chung nên kỹ năng của Kiểm sát viên cũng không có gì khác. Tuy nhiên trước khi tiến hành xét hỏi, Kiểm sát viên đọc quyết định truy tố và quyết định khác của Viện Kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án; trình bày ý kiến bổ sung làm rõ thêm nội dung quyết định truy tố nếu có. Khi đọc, Kiểm sát viên phải đọc chuẩn xác, rõ ràng, dõng dạc...

- Tham gia xét hỏi

Trong giai đoạn chuẩn bị, Kiểm sát viên đã phải dự thảo đề cương tham gia xét hỏi và những nội dung cần làm sáng tỏ tại phiên

toà để tham gia xét hỏi nhằm xác định sự thật của vụ án và các tình tiết khác có liên quan đến việc định tội và đề xuất hình phạt.

Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới tại phiên toà, Kiểm sát viên cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung tài liệu để có kết luận chính xác.Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận mà về tính chất tài liệu mới đó có thể làm thay đổi tính chất, nội dung của vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên toà để xác minh.

Khi xét hỏi, Kiểm sát viên phải đặt câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu, tránh giải thích, kết luận ngay.

- Luận tội

Tại phiên toà Kiểm sát viên phải ghi chép những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà để bổ sung, sửa chữa bản dự thảo luận tội.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Luận tội của kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà.

- Tranh luận

Khi người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình thì Kiểm sát viên phải ghi lại những ý kiến đó. Khi tranh luận, Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến có liên quan đến vụ án mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã nêu ra.

- Kiểm sát việc tuyên án

Khi chủ toạ phiên toà hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc bản án, kiểm sát viên phải chú ý ghi lại những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm để làm căn cứ kiểm

tra biên bản phiên toà, bản án sơ thẩm và chuẩn bị nội dung kháng nghị nếu cần thiết.

Ngay sau khi tuyên án, Kiểm sát viên phải kiểm sát Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo hoặc bắt tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTHS.

3.3 Hoạt động của kiểm sát viên sau phiên toà sơ thẩm hình sự

- Kiểm tra biên bản phiên toà

Kiểm sát viên phải kiểm tra biên bản phiên toà, nếu phát hiện biên bản phiên toà ghi không đầy đủ hoặc không chính xác thì yêu cầu Hội đồng xét xử ghi sửa chữa bổ sung và ký nháy vào những chỗ sửa chữa.

- Kiểm tra bản án, quyết định của Toà án

Kiểm sát viên phải kiểm tra bản án hoặc quyết định của Toà án nhằm phát hiện những sai sót và vi phạm của Toà án trong việc ra bản án, quyết định.

Kiểm sát viên phải kiểm sát việc giao bản án, các quyết định của Toà án và việc gửi hồ sơ vụ án có kháng cáo kháng nghị theo đúng quy định của Điều 229 và Điều 237 BLTTHS.

Sau khi nhận được bản án hoặc quyết định của Toà án, Viện Kiểm sát cấp sơ thẩm phải sao gửi cho Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp một bản để kiểm tra xem xét việc kháng nghị.

- Kháng nghị bản án hoặc quyết định của Toà án

Khi phát hiện bản án hoặc quyết định sơ thẩm của Toà án có vi phạm pháp luật, kiểm sát viên phải báo cáo ngay với Lãnh đạo Viện Kiểm sát cấp mình để kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với vụ án đã xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn, việc phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vẫn được tiến hành theo thủ tục chung.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

PHẦN 1: KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VIỆC ĐIỀU TRA, TRUY TỐ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ 7

CHƯƠNG I. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ; KIỂM SÁT VIỆC KHỞI TỐ, KHÁM XÉT, HỎI CUNG BỊ CAN, LẤY LỜI KHAI NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG KHÁC, NHẬP, TÁCH, CHUYỂN VỤ ÁN, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA 8

1. Kỹ năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra... 8

2. Kỹ năng kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, kiểm sát việc khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai những người tham gia tố tụng khác; nhập, tách chuyển vụ án, tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra 15

CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG, KHÁM NGHIỆM TỬ THI, TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH, THU THẬP VÀ BẢO QUẢN VẬT CHỨNG 31

1. Kỹ năng kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường 31

2. Kỹ năng kiểm sát việc khám nghiệm tử thi 41

3. Kỹ năng kiểm sát việc trưng cầu giám định 43

4. Kỹ năng kiểm sát việc thu thập và bảo quản vật chứng 47

CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC ÁP DỤNG, THAY THẾ, HUỶ BỎ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN TRONG QUÁ TRÌNH ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ 50

1. Kỹ năng kiểm sát biện pháp bắt 50

2. Kỹ năng kiểm sát biện pháp tạm giữ 62

3. Kỹ năng kiểm sát biện pháp tạm giam 64

4. Kiểm sát biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú..... 69

5. Kiểm sát biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh..... 69

6. Kiểm sát biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo.... 70

CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU HỒ SƠ, BÁO CÁO ÁN TRONG ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ..... 72

1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn điều tra vụ án..... 72

2. Kỹ năng báo cáo trong điều tra vụ án..... 75

CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG XÂY DỰNG HỒ SƠ KIỂM SÁT TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ..... 79

1. Một số vấn đề chung về hồ sơ kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự..... 79

2. Kỹ năng lập hồ sơ kiểm sát trong giai đoạn điều tra..... 80

CHƯƠNG 6. KỸ NĂNG HỎI CUNG BỊ CAN, LẤY LỜI KHAI NGƯỜI BỊ HẠI, NGƯỜI LÀM CHỨNG VÀ NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG KHÁC, TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH..... 86

1. Kỹ năng hỏi cung của Kiểm sát viên..... 86

2. Lấy lời khai người bị hại, người làm chứng..... 92

3. Kỹ năng trưng cầu giám định..... 96

CHƯƠNG 7. KỸ NĂNG TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG; TẠM ĐÌNH CHỈ VỤ ÁN, ĐÌNH CHỈ VỤ ÁN, TẠM ĐÌNH CHỈ BỊ CAN, ĐÌNH CHỈ BỊ CAN..... 100

1. Kỹ năng trả hồ sơ để điều tra bổ sung..... 100

2. Kỹ năng đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can, tạm đình chỉ bị can..... 104

CHƯƠNG 8: KỸ NĂNG XÂY DỰNG BẢN CÁO TRẠNG..... 109

1. Một số vấn đề chung về bản cáo trạng..... 109

2. Xây dựng Bản cáo trạng..... 111

PHẦN 2: KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ..... 123

CHƯƠNG 9. THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VIỆC CHUẨN BỊ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ..... 124

1. Kỹ năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc chuẩn bị xét xử..... 124

2. Kỹ năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn chuẩn bị xét xử..... 132

CHƯƠNG 10. KỸ NĂNG XÂY DỰNG BẢN LUẬN TỘI..... 146

1. Một số vấn đề chung về luận tội..... 146

2. Kỹ năng xây dựng bản luận tội..... 149

CHƯƠNG 11. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ THEO HƯỚNG MỞ RỘNG TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TOÀ SƠ THẨM VỤ ÁN HS..... 161

1. Khái quát về tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn..... 161

2. Kỹ năng kiểm sát xét xử, thực hành quyền công tố theo hướng mở rộng tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm..... 166

CHƯƠNG 12. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT XÉT XỬ SAU KHI KẾT THÚC PHIÊN TOÀ SƠ THẨM..... 182

1. Một số vấn đề chung về thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm..... 182

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên..... 184

CHƯƠNG 13. THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ PHÚC THẨM, GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ 197

1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm..... 197

2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét giám đốc thẩm, tái thẩm..... 205

CHƯƠNG 14. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ VÀ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ..... 209

1. Phân biệt khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự và trong lĩnh vực hành chính..... 209

2. Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong giải quyết vụ án hình sự..... 213

PHẦN 3: KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM, QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ VÀ KIỂM SÁT VIỆC THI HÀNH ÁN..... 229

CHƯƠNG 15. KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM 230

1. Những vấn đề chung về công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam..... 230

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam 232

CHƯƠNG 16. KỸ NĂNG KIỂM SÁT VIỆC QUẢN LÝ VÀ GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ..... 247

1. Một số vấn đề chung về hoạt động kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù..... 247

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên khi kiểm sát việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù..... 249

CHƯƠNG 17. KỸ NĂNG KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ..... 260

1. Một số vấn đề chung về kiểm sát thi hành án hình sự..... 260

2. Kỹ năng kiểm sát thi hành án hình sự..... 262

PHẦN 4: KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG MỘT SỐ LOẠI ÁN CỤ THỂ..... 273

CHƯƠNG 18. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI..... 274

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người..... 274

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên..... 277

CHƯƠNG 19. THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU..... 290

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm sở hữu..... 290

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra..... 291

3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử 294

CHƯƠNG 20. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN tHEO PHÁP LUẬT TRONG CÁC VỤ ÁN MA TUÝ..... 298

1. Một số vấn đề chung về các vụ án ma tuý..... 298

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên..... 298

CHƯƠNG 21. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ..... 306

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế..... 306

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra..... 307

3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố..... 317

4. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử..... 320

CHƯƠNG 22. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG..... 322

1. Một số vấn đề chung về các vụ án xâm phạm trật tự, an toàn giao thông..... 322

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra..... 324

3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn xét xử..... 326

CHƯƠNG 23. KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN 330

1. Một số vấn đề chung về thủ tục rút gọn..... 330

2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn..... 333

3. Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo thủ tục rút gọn..... 336

CÙNG BẠN ĐỌC

Trên tay các bạn là cuốn sách "***Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự***" do Học viện Tư pháp biên soạn và phát hành. Cuốn sách được sử dụng làm tài liệu giảng dạy nguồn Kiểm sát viên tại Học viện Tư pháp đồng thời là tài liệu tham khảo cho các chức danh tư pháp khác.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng cuốn sách, Học viện Tư pháp rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc về những vấn đề sau:

1. Sự phù hợp với các quy định của pháp luật:

.....

.....

.....

2. Nội dung của cuốn sách:

.....

.....

.....

3. Cơ cấu của cuốn sách:

.....

.....

.....

4. Hình thức trình bày:

.....

.....

.....

Thư góp ý này xin gửi về Trung tâm Thông tin và Nghiên cứu Khoa học hoặc Khoa Đào tạo Kiểm sát viên Học viện Tư pháp, phố Phan Văn Trường, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (04) 9714896; 7547936 Fax: (04) 9714899

E-mail: nxb@hn.vnn.vn

★ ★ ★

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THÀNH HƯNG

Biên tập: TS Luật học. HỒ SĨ SƠN

Chế bản: HỌC VIỆN TƯ PHÁP

Sửa bài: NGUYỄN VĂN THẢO

Trình bày bìa: ĐÔNG YÊN

KỸ NĂNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

Mã số: 2L- 50 ĐH 06

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Xưởng in Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng.

Số xuất bản: 263 - 2006/CXB/1 - 42/ĐHQGHN, ngày 12/04/2006.

Quyết định xuất bản số: 119 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2006.